NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
THE STATE BANK OF VIET NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2024

NHÀ XUẤT BẢN
KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - TRUYỀN THÔNG

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
THE STATE BANK OF VIET NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2024

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - TRUYỀN THÔNG
SCIENCE, TECHNOLOGY AND COMMUNICATIONS PUBLISHING HOUSE

MỤC LỤC

DANH MỤC ĐỒ THỊ - BẢNG

Danh mục đồ thị

Danh mục bảng

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nội dung viết tắt
ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
CAR	Tỷ lệ an toàn vốn
CIC	Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam
CCCD	Căn cước công dân
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
CSTT	Chính sách tiền tệ
DTBB	Dự trữ bắt buộc
DTNHNN	Dự trữ ngoại hối nhà nước
ECB	Ngân hàng Trung ương Châu Âu
Fed	Cục Dự trữ Liên bang Mỹ
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	Tổng sản phẩm trong nước
GTCG	Giấy tờ có giá
IMF	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
M2	Tổng phương tiện thanh toán
NHCSXH	Ngân hàng Chính sách xã hội
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NHTM	Ngân hàng thương mại
NHTMCP	Ngân hàng thương mại cổ phần
NHTW	Ngân hàng Trung ương
NSNN	Ngân sách nhà nước
QPPL	Quy phạm pháp luật
QTDND	Quỹ tín dụng nhân dân
TCTD	Tổ chức tín dụng
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
TTĐTLNH	Thanh toán điện tử liên ngân hàng
TTTD	Tăng trưởng tín dụng
TTKDTM	Thanh toán không dùng tiền mặt
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
USD	Đôla Mỹ
VAMC	Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam
VND	Đồng Việt Nam
WB	Ngân hàng Thế giới
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

VỊ THẾ, CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Trụ sở chính, 49 Lý Thái Tổ, Hà Nội, Việt Nam

❒ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan ngang bộ của Chính phủ, là Ngân hàng trung ương của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các tổ chức tín dụng và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.

Tóm lược Điều 2, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

❒ Chính sách tiền tệ quốc gia là các quyết định về tiền tệ ở tầm quốc gia của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm quyết định mục tiêu ổn định giá trị đồng tiền biểu hiện bằng chỉ tiêu lạm phát, quyết định sử dụng các công cụ và biện pháp để thực hiện mục tiêu đề ra.

Khoản 1, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

❒ Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hằng năm được thể hiện thông qua việc quyết định chỉ số giá tiêu dùng và giám sát việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

Khoản 2, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

❒ Chính phủ trình Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hằng năm. Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc sử dụng các công cụ và biện pháp điều hành để thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia theo quy định của Chính phủ.

Khoản 4, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

BAN LÃNH ĐẠO
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Bà Nguyễn Thị Hồng
Thống đốc

Ông Đào Minh Tú
Phó Thống đốc thường trực

Ông Đoàn Thái Sơn
Phó Thống đốc

Ông Phạm Thanh Hà
Phó Thống đốc

Ông Phạm Tiến Dũng
Phó Thống đốc

Ông Phạm Quang Dũng
Phó Thống đốc

Thống đốc
Nguyễn Thị Hồng

Lời tựa của Thống đốc

Năm 2024, thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ xung đột địa chính trị, tình hình bất ổn leo thang tại nhiều khu vực. Kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm, lạm phát hạ nhiệt sau thời gian thắt chặt CSTT và giá dầu giảm, thúc đẩy quá trình nới lỏng CSTT của các NHTW. Tuy nhiên, tốc độ giảm của lạm phát toàn cầu vẫn chậm hơn kỳ vọng; triển vọng vĩ mô, thị trường và điều hành CSTT các quốc gia ngày càng bất định, khó lường, nhất là sau cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ. Ở trong nước, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu áp lực từ biến động quốc tế khó lường và những vấn đề nội tại từ thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản, cộng hưởng với tác động của cơn bão số 3 (Yagi) lịch sử gây thiệt hại nặng nề về vật chất và con người. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nền kinh tế từng bước vượt qua khó khăn, đạt được những kết quả đáng khích lệ với tăng trưởng cả năm đạt 7,09%, xuất khẩu và đầu tư FDI tăng trưởng tích cực; lạm phát được kiểm soát ổn định 3,63%.

Kết quả tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát có sự đóng góp rất lớn từ điều hành CSTT, sự đồng hành của hệ thống ngân hàng với doanh nghiệp, người dân trên tinh thần "lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ". NHNN đã bám sát chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, theo dõi sát tình hình kinh tế vĩ mô, tài chính, tiền tệ trong và ngoài nước để chủ động, linh hoạt, đồng bộ, hiệu quả trong điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, góp phần lớn vào thực hiện thành công các mục tiêu vĩ mô đặt ra, đảm bảo an toàn hệ thống các TCTD. Những điểm nhấn trong điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng năm 2024 bao gồm:

Thứ nhất, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về hoạt động ngân hàng để tạo thuận lợi cho hoạt động của các TCTD, nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng của người dân, doanh nghiệp: NHNN đã tham mưu Chính phủ trình Quốc hội ban hành Luật Các TCTD năm 2024 thay thế Luật Các TCTD năm 2010, tạo cơ sở pháp lý để TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành tiệm cận với thông lệ tốt, kiểm soát rủi ro chặt chẽ hơn; có điều kiện cung ứng đa dạng các sản phẩm, dịch vụ, bao gồm cả cung ứng qua phương tiện điện tử; bổ sung quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng, tạo điều kiện tiếp cận sớm với các công nghệ mới trong lĩnh vực ngân hàng; các quy định về xử lý rủi ro sớm nhằm đảm bảo an toàn hoạt động của hệ thống TCTD, duy trì niềm tin của người dân vào hệ thống ngân hàng.

Thứ hai, điều hành CSTT chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác để kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế. Thông qua các giải pháp điều hành CSTT, mặt bằng lãi suất cho vay của các TCTD tiếp tục giảm. Đây là nỗ lực rất lớn của ngành ngân hàng trong bối cảnh mặt bằng lãi suất quốc tế vẫn ở mức cao, chênh lệch lãi suất VND

và USD âm trong nhiều thời điểm, áp lực đối với tỷ giá và thị trường ngoại tệ diễn ra thường xuyên trong cả năm do môi trường quốc tế bất ổn, cung cầu ngoại tệ trong nước kém thuận lợi. NHNN nỗ lực cân đối hài hòa điều hành lãi suất, tỷ giá; điều hành tỷ giá linh hoạt, kết hợp đồng bộ với các công cụ, biện pháp CSTT khác và sẵn sàng can thiệp ngoại tệ khi cần thiết. Qua đó, tỷ giá và thị trường ngoại tệ diễn biến ổn định, góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thể hiện tinh thần "chủ động thích ứng, linh hoạt điều hành" như chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Thứ ba, các giải pháp tín dụng được triển khai quyết liệt nhằm đảm bảo cung ứng tín dụng phù hợp với mục tiêu tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát, tăng khả năng tiếp cận vốn, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân. NHNN xác định chỉ tiêu TTTD cả năm khoảng 15% và thông báo công khai nguyên tắc xác định để TCTD chủ động thực hiện TTTD ngay từ đầu năm; điều chỉnh chỉ tiêu TTTD cho các TCTD kịp thời; chỉ đạo các TCTD hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, động lực tăng trưởng theo chủ trương của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, kiểm soát tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; đồng thời, tiếp tục triển khai chủ trương của Quốc hội, Chính phủ về thực hiện dần dỡ bỏ biện pháp giao chỉ tiêu TTTD. Bên cạnh đó, để tiếp tục đồng hành, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp chưa thể khắc phục sau đại dịch Covid-19 và chịu ảnh hưởng của bão số 3, NHNN khẩn trương hướng dẫn TCTD thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng vay vốn đáp ứng điều kiện theo quy định.

Thứ tư, thúc đẩy chuyển đổi số, đẩy mạnh hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt; đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thanh toán. NHNN tiếp tục triển khai mạnh mẽ các đề án, chương trình, kế hoạch và chính sách nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành Ngân hàng, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Việc ứng dụng công nghệ mới được thực hiện song song với việc đảm bảo an ninh, an toàn cho hệ thống. Đặc biệt, NHNN đã tích cực triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022–2025, tầm nhìn đến năm 2030, chỉ đạo các TCTD và trung gian thanh toán ứng dụng dữ liệu quốc gia về dân cư, thẻ căn cước công dân gắn chip và tài khoản định danh điện tử (VNeID) để phục vụ dịch vụ công, nghiệp vụ thông tin tín dụng và các nghiệp vụ ngân hàng khác.

Thứ năm, NHNN tiếp tục triển khai hiệu quả và đồng bộ các giải pháp quản lý ngoại hối, thực hiện chủ trương chống Đôla hóa nền kinh tế. Công tác quản lý ngoại hối được thực hiện theo hướng nâng cao công khai, minh bạch, quản lý chặt chẽ dòng ngoại hối vào-ra, hỗ trợ điều hành tỷ giá, ổn định thị trường ngoại tệ. Trong bối cảnh giá vàng trong nước diễn biến phức tạp, NHNN đã thực hiện các biện pháp can thiệp để ổn định thị trường vàng, thu hẹp chênh lệch giá vàng trong nước và quốc tế, phối hợp với các bộ, ngành liên quan thắt chặt kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động kinh doanh vàng, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Thứ sáu, triển khai Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025", thực hiện các phương án xử lý các TCTD yếu kém; triển khai cơ cấu lại các NHTM mại được kiểm soát đặc biệt theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền. Công tác tái cơ cấu các NHTM yếu kém đạt bước tiến quan trọng nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần củng cố sự ổn định của hệ thống các TCTD. Theo đó, đến cuối năm 2024, NHNN đã hoàn tất chuyển giao bắt buộc Ngân hàng Xây dựng (CBBank) và Ngân hàng Đại dương (OceanBank) theo quy định và tiếp tục trình Chính phủ xem xét phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc 02 NHTM yếu kém còn lại. Hệ thống các TCTD tiếp tục tích cực nâng cao chất lượng tài sản, kiểm soát chất lượng tín dụng và xử lý nợ xấu; đẩy mạnh cơ cấu lại mạng lưới kênh phân phối, hoạt động; nâng cao hiệu quả kinh doanh, năng lực cạnh tranh. Hầu hết các TCTD hoạt động hiệu quả, với lợi nhuận hợp lý trong bối cảnh triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp và nền kinh tế vượt qua khó khăn.

Song song với điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng, NHNN cũng triển khai quyết liệt cải cách hành chính, minh bạch hóa thông tin; đẩy mạnh công tác truyền thông; đổi mới và hoàn thiện công tác thống kê, tổ chức, đào tạo, nghiên cứu khoa học. Đồng thời, NHNN tiếp tục phát triển, mở rộng quan hệ song phương, đa phương với NHTW các nước và các tổ chức tài chính quốc tế để nhận được sự ủng hộ, hỗ trợ và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Như vậy, mặc dù tình hình kinh tế thế giới năm 2024 diễn biến phức tạp với nhiều rủi ro và bất ổn, nhưng nhờ sự điều hành đồng bộ, linh hoạt và quyết liệt của NHNN, quán triệt tinh thần "dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung", CSTT và hoạt động ngân hàng đã góp phần quan trọng vào việc kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, an toàn hệ thống tổ chức tín dụng được bảo đảm, đóng góp tích cực vào kết quả điều hành kinh tế - xã hội chung của Chính phủ.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

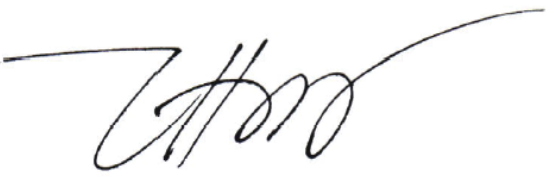

NGUYỄN THỊ HỒNG

CÁC VỤ, CỤC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM[1]

Vụ Chính sách tiền tệ	Tham mưu, giúp Thống đốc quyết định việc sử dụng công cụ thực hiện CSTT quốc gia, bao gồm: tái cấp vốn, lãi suất, tỷ giá hối đoái, dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ thị trường mở, phát hành tín phiếu NHNN và các công cụ, biện pháp khác để thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.
Cục Quản lý ngoại hối	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngoại hối, hoạt động ngoại hối và hoạt động kinh doanh vàng, thực hiện quản lý Dự trữ ngoại hối nhà nước theo quy định của pháp luật.
Vụ Thanh toán	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực thanh toán trong nền kinh tế quốc dân và hoạt động ngân hàng số theo quy định của pháp luật.
Vụ Tín dụng các ngành kinh tế	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tín dụng ngân hàng đối với các ngành kinh tế theo quy định của pháp luật.
Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về thống kê; tổ chức hoạt động thống kê ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật; thực hiện công tác dự báo về tiền tệ và ngân hàng; thực hiện công tác ổn định hệ thống tiền tệ, tài chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của NHNN; thực hiện công tác nghiên cứu, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành Ngân hàng.
Vụ Hợp tác quốc tế	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về hợp tác và hội nhập quốc tế thuộc phạm vi quản lý của NHNN theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động đối ngoại của NHNN theo quy định của pháp luật và quy chế hoạt động đối ngoại của NHNN.
Vụ Pháp chế	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng, ngoại hối và tổ chức thực hiện công tác pháp chế của NHNN theo quy định pháp luật.
Vụ Tài chính - Kế toán	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý tài chính, kế toán, đầu tư xây dựng công trình của NHNN.

[1] Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Vụ Tổ chức cán bộ	Tham mưu, giúp Thống đốc, Ban Cán sự Đảng NHNN thực hiện quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, chế độ tiền lương, công tác cán bộ, công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của NHNN theo quy định của pháp luật; quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật; quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trong ngành Ngân hàng thuộc phạm vi quản lý của NHNN theo quy định của pháp luật.
Văn phòng	Tham mưu, giúp Thống đốc trong công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động ngân hàng; công tác Quốc Hội; công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại NHNN; thực hiện công tác cải cách hành chính của NHNN; quản lý hoạt động văn thư, lưu trữ tại NHNN; quản lý và tổ chức thực hiện truyền thông về hoạt động ngân hàng liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của NHNN; thực hiện trách nhiệm của cơ quan chủ quản báo chí đối với các cơ quan báo chí thuộc NHNN; quản lý tài chính, tài sản theo phạm vi, đối tượng được Thống đốc giao; công tác quản trị, hậu cần của Cơ quan NHNN Trung ương trên địa bàn Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.
Cục Công nghệ thông tin	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực công nghệ thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phạm vi toàn ngành Ngân hàng và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong NHNN.
Thanh tra Ngân hàng Nhà nước	Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của NHNN; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật và phân công của Thống đốc; thực hiện kiểm toán nội bộ theo quy định.
Cục Phòng, chống rửa tiền	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền theo quy định của pháp luật; thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền; thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thuộc trách nhiệm của NHNN theo quy định của pháp luật về phòng, chống khủng bố, phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và theo phân cấp, ủy quyền của Thống đốc.

Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện giám sát (trừ giám sát về phòng, chống rửa tiền), cấp phép đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của NHNN theo quy định của pháp luật và phân công của Thống đốc, cụ thể: (i) các tổ chức tín dụng (trừ quỹ tín dụng nhân dân), chi nhánh ngân hàng nước ngoài; (ii) Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam; (iii) Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.
Cục Phát hành và Kho quỹ	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực phát hành và kho quỹ và chức năng NHTW về phát hành tiền giấy, tiền kim loại theo quy định của pháp luật.
Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng	Tham mưu, giúp Thống đốc về xây dựng chính sách, văn bản QPPL về an toàn trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của TCTD nước ngoài, tổ chức nước ngoài có hoạt động ngân hàng; xây dựng chính sách, văn bản QPPL về chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ; xây dựng văn bản QPPL về giám sát ngân hàng; thực hiện giám sát an toàn hệ thống các TCTD, cho nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.
Sở Giao dịch	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện một số nhiệm cụ NHTW theo phân cấp, ủy quyền của Thống đốc; triển khai một số công cụ, biện pháp thực hiện CSTT quốc gia; cung ứng dịch vụ thanh toán, ngân quỹ cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật; làm đại lý và thực hiện các dịch vụ ngân hàng cho Kho bạc Nhà nước.
Ngân hàng Nhà nước các khu vực	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối trên địa bàn và thực hiện một số nghiệp vụ NHTW theo ủy quyền của Thống đốc.
	CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VÀ ĐƠN VỊ DO THỐNG ĐỐC QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP
Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam	Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc NHNN, thực hiện chức năng thu thập, xử lý, phân tích, lưu trữ thông tin tín dụng, đăng ký tín dụng; chấm điểm, xếp hạng tín dụng pháp nhân và thể nhân trên lãnh thổ Việt Nam; cung ứng sản phẩm dịch vụ thông tin tín dụng nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro tín dụng và phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước của NHNN theo quy định của pháp luật.

Thời báo Ngân hàng	Là cơ quan ngôn luận, diễn đàn về lý luận nghiệp vụ, khoa học, công nghệ, xã hội và hoạt động ngân hàng; có chức năng tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hoạt động của ngành Ngân hàng, những thành tựu về khoa học, công nghệ của ngành Ngân hàng và lĩnh vực liên quan theo quy định của NHNN và quy định về pháp luật.
Học viện Ngân hàng	Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ở trình độ cao đẳng, đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học về lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng và các ngành, chuyên ngành khác khi được cấp có thẩm quyền quy định.
Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng ở bậc đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học, tư vấn về lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng và các ngành nghề khác khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

Phần I - Kinh tế thế giới và Việt Nam

1. Tổng quan kinh tế thế giới

Năm 2024, thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ xung đột địa chính trị, tình hình bất ổn leo thang tại nhiều khu vực. Kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm, lạm phát hạ nhiệt sau thời gian thắt chặt CSTT và giá dầu giảm, thúc đẩy quá trình nới lỏng CSTT của các NHTW. Tuy nhiên, tốc độ giảm của lạm phát toàn cầu vẫn chậm hơn kỳ vọng; triển vọng vĩ mô, thị trường và điều hành CSTT các quốc gia ngày càng bất định, khó lường, nhất là sau cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ.

1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới

Theo thống kê của IMF[1], tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2024 ở mức 3,3% (2023: 3,5%); lạm phát toàn cầu chậm lại, từ mức 6,7% năm 2023 xuống 5,8% năm 2024.

Kinh tế thế giới năm 2024 tăng trưởng chậm và thiếu bền vững, lạm phát hạ nhiệt về mức mục tiêu sau thời gian thắt chặt CSTT, thúc đẩy quá trình nới lỏng tiền tệ.

Kinh tế Mỹ tăng trưởng 2,8%, chậm lại so với năm 2023 (2,9%) nhưng cao hơn kỳ vọng, với động lực từ tiêu dùng trong bối cảnh thị trường lao động duy trì tích cực giúp ổn định việc làm và tiền lương. Tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục ở mức thấp 4,0%. Thâm hụt ngân sách kết thúc năm tài khóa tăng lên 8% GDP (2023: 7,8% GDP). Nợ công tăng từ mức 119,8% GDP năm 2023 lên 122,3% GDP năm 2024. Lạm phát giảm từ 4,1% năm 2023 xuống 3,0% năm 2024.

Kinh tế khu vực đồng Euro tăng trưởng ở mức thấp 0,9% (2023: 0,4%) do ngành sản xuất và xuất khẩu hàng hoá suy yếu kéo dài. Trong số các nền kinh tế lớn, kinh tế Tây Ban Nha đạt mức tăng cao nhất 3,5% (2023: 2,5%); Ý tăng 0,7% (2023: 0,7%); Pháp tăng 1,1% (2023: 1,6%); Đức tăng trưởng âm năm thứ hai liên tiếp ở mức giảm 0,5% (2023: -0,9%). Nợ công toàn khu vực tăng từ 87,1% GDP năm 2023 lên 87,2% GDP năm 2024. Lạm phát toàn khu vực chậm lại về mức 2,4% (2023: 5,4%). Tỷ lệ thất nghiệp ở mức 6,4% (2023: 6,6%).

[1] Báo cáo cập nhật Triển vọng kinh tế toàn cầu tháng 10/2024, IMF.

Kinh tế Nhật Bản tăng trưởng giảm sút ở mức 0,1% (2023: 1,2%) trong bối cảnh chi tiêu hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi lạm phát khi đồng Yên mất giá mạnh (khoảng 11%). Nợ công ở mức 236,1% GDP (2023: 240,5% GDP). Tỷ lệ thất nghiệp khoảng 2,6% (2023: 2,6%). Lạm phát sau khi tăng cao 3,3% năm 2023 đã chậm lại ở mức 2,7% nhưng vẫn cao hơn mục tiêu.

Các nước mới nổi và đang phát triển tăng trưởng ở mức 4,3% (2023: 4,7%). Khối các nước BRICS trong năm 2024 đã mở rộng thành viên và tăng trưởng tích cực, cao hơn mức tăng trưởng toàn cầu. Trong đó, tăng trưởng cao nhất là Ấn Độ ở mức 6,5%, với động lực chính từ tiêu dùng khu vực nông thôn và lĩnh vực dịch vụ, trong khi đó Trung Quốc tăng trưởng 5,0% nhờ xuất khẩu phục hồi nhưng tiêu dùng trong nước yếu do thị trường bất động sản vẫn trì trệ, Nga, Brazil và Nam Phi lần lượt tăng 4,3%, 3,4% và 0,5%. Nhóm các nước ASEAN-5[2] tăng trưởng 4,6% (2023: 4,1%); trong đó, trừ Indonesia tăng trưởng tương đương mức năm 2023, các nền kinh tế đều tăng trưởng cao hơn năm trước (Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam lần lượt tăng 5,0%, 5,1%, 5,7%, 2,5% và 7,1%). Lạm phát trung bình của nhóm các nước mới nổi và đang phát triển giảm chậm từ 8,0% năm 2023 xuống 7,7% năm 2024, trong đó lạm phát nhóm các nước ASEAN-5 là 2,0% (2023: 3,5%).

Thương mại toàn cầu đạt mức kỷ lục 33 nghìn tỷ USD và tăng trưởng 3,7% so với cùng kỳ sau khi giảm 3% vào năm 2023 (trong đó thương mại hàng hóa tăng 2%, thương mại dịch vụ tăng 9%)[3] nhờ sự mở rộng của lĩnh vực dịch vụ và nhu cầu nhập khẩu hàng tiêu dùng của Mỹ. Trong đó, các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển đóng góp tích cực vào sự phục hồi của thương mại toàn cầu và tăng trưởng nhanh hơn các nền kinh tế phát triển.

1.2. Điều hành CSTT của một số quốc gia

Trong bối cảnh lạm phát toàn cầu tiếp tục giảm, các NHTW đã bắt đầu lộ trình nới lỏng CSTT nhưng tốc độ và quy mô không đồng đều giữa các nước. Tiến

Trước dấu hiệu lạm phát hạ nhiệt, NHTW các nước có xu hướng nới

[2] Gồm: Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan, Việt Nam.

[3] Theo Báo cáo cập nhật thương mại toàn cầu của UNCTAD, tháng 12/2024.

trình giảm lạm phát chậm hơn kỳ vọng do lạm phát tại một số quốc gia dai dẳng ở mức cao, cộng với các đợt bất ổn chính trị, căng thẳng chính sách từ làn sóng bầu cử năm 2024 và sự mạnh lên của đồng USD trên diện rộng đã khiến điều kiện tài chính thắt chặt nhẹ trong quý IV. Tính chung cả năm, có khoảng 70 NHTW với hơn 198 lượt giảm lãi suất và 31 lượt tăng lãi suất. Việc Tổng thống Trump tái đắc cử nhiệm kỳ 2 với kỳ vọng sẽ thúc đẩy chính sách bảo hộ thương mại, giảm thuế và thúc đẩy kinh tế nội địa của Mỹ đã khiến USD thế giới biến động tăng mạnh và dòng vốn dịch chuyển khỏi các thị trường mới nổi buộc một số NHTW bán can thiệp ngoại tệ để bảo vệ giá trị đồng bản tệ và ổn định vĩ mô.

lỏng tiền tệ nhằm hỗ trợ nền kinh tế. Biến động mạnh của USD thế giới đã khiến quá trình hạ lãi suất chậm lại trong quý IV và thúc đẩy một số NHTW bán can thiệp ngoại tệ để bảo vệ giá trị đồng bản tệ.

Đối với các nước phát triển, nguy cơ tăng trưởng chậm lại và lạm phát giảm dần về mức mục tiêu đã thúc đẩy xu hướng nới lỏng CSTT. Trong đó, Fed giảm lãi suất 03 lần, đưa lãi suất điều hành từ mức 5,25-5,5%/năm xuống mức 4,25-4,5%/năm, ECB hạ lãi suất 04 lần từ mức 4%/năm xuống mức 3%/năm, NHTW Anh (BOE) cũng cắt lãi suất 02 lần từ mức 5,25%/năm xuống mức 4,75%/năm. Một số nền kinh tế phát triển cũng trong xu hướng nới lỏng tiền tệ như: Canada, New Zealand,... Trong số các nước phát triển, Nhật Bản đi ngược lại với xu hướng chung, chính thức chấm dứt chính sách lãi suất âm sau gần hai thập kỷ vào tháng 3, tăng lãi suất cơ bản 02 lần từ mức -0,1% lên mức 0,25% trong năm 2024, đồng thời bán can thiệp ngoại tệ để ổn định thị trường ngoại hối trong bối cảnh đồng Yên giảm mạnh so với USD.

Đối với các nước mới nổi và đang phát triển, xu hướng lạm phát giảm tạo điều kiện cho các NHTW bắt đầu nới lỏng tiền tệ. Tuy nhiên, áp lực mất giá đồng nội tệ so với USD và lợi suất trái phiếu tăng, đồng thời xu hướng dòng vốn rút ra tiềm ẩn rủi ro bất ổn vĩ mô, tài chính, khiến các NHTW giảm tốc độ và quy mô hạ lãi suất trong quý 4, với một số NHTW kết hợp bán can thiệp ngoại tệ để hạn chế đà giảm giá của đồng nội tệ so với USD, ổn định thị trường ngoại hối. Tại ASEAN, Thái Lan giảm 01 lần lãi suất từ 2,5% xuống 2,25%; Philippines giảm 03 lần từ 6,5% xuống 5,75%; Indonesia bất ngờ tăng lãi suất vào tháng 4 từ mức 6% lên 6,25% để ổn định giá trị đồng nội tệ trong bối cảnh đồng Rupiah mất giá với

mức cao nhất trong gần 04 năm nhưng sau đó đã thực hiện giảm lãi suất 01 lần xuống mức 6%; riêng Malaysia giữ nguyên lãi suất ở mức 3%. Tại Trung Quốc, lạm phát thấp phản ánh sức cầu kém và thị trường bất động sản suy yếu kéo dài khiến NHTW Trung Quốc tiếp tục thực hiện CSTT nới lỏng nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế qua việc hạ lãi suất điều hành, giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc và lãi suất công cụ cho vay trung hạn (MLF) để tăng cường bơm thanh khoản cho hệ thống ngân hàng.

2. Tổng quan kinh tế Việt Nam

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều yếu tố rủi ro, bất định. Kinh tế Việt Nam có độ mở lớn, những diễn biến phức tạp, khó lường của kinh tế thế giới đã tác động nhanh và mạnh đến kinh tế, tài chính tiền tệ trong nước. Trước tình hình đó, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 103/2023/QH15 ngày 09/11/2023 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024, cùng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự chỉ đạo, điều hành kịp thời, quyết liệt, sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các cấp, các ngành, các địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân cả nước nhằm ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Nền kinh tế nước ta tiếp tục xu hướng phục hồi rõ nét, đạt mức tăng trưởng 7,09%, vượt mục tiêu 6-6,5% đã đề ra; kinh tế vĩ mô ổn định; lạm phát bình quân tăng 3,63% so với năm 2023, dưới mức mục tiêu 4-4,5% Quốc hội đề ra, các cân đối lớn được đảm bảo, kết quả trên nhiều lĩnh vực quan trọng đạt và vượt mục tiêu đề ra, là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên thế giới. Kết quả tích cực của năm 2024 là tiền đề quan trọng để bước sang năm 2025 nền kinh tế sẽ tăng tốc và về đích, hoàn thành cao nhất các mục tiêu trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025.

2.1. Tăng trưởng kinh tế

Theo ngành kinh tế, tăng trưởng của khu vực Công nghiệp - Xây dựng và Dịch vụ phục hồi trong khi khu vực Nông-lâm-thủy sản tăng chậm lại

Nông-lâm-thủy sản tăng 3,27% - là mức tăng thấp nhất trong 3 năm gần đây chủ yếu do ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ, đặc biệt là ảnh hưởng của bão số 3 đến ngành Nông nghiệp nhưng nhờ xuất khẩu một số mặt hàng nhóm Nông-lâm-thuỷ sản tăng cao (2024 tăng 20,1%), chăn nuôi phát triển ổn định, các biện pháp khắc phục kịp thời ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ nên tăng trưởng của lĩnh vực Nông nghiệp vẫn tăng 2,94% (2023: 3,88%). Lĩnh vực Lâm nghiệp và Thủy sản có mức tăng cao hơn năm trước, lần lượt tăng 5,03% và 4,03% (2023 lần lượt là 4,41% và 4,01%).

Công nghiệp tăng 8,32%, chỉ thấp hơn mức tăng 8,52% của năm 2022 trong giai đoạn 2019-2024 chủ yếu do sự phục hồi mạnh mẽ của ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo, tăng 9,83% (2023: 3,61%) trong bối cảnh đơn hàng xuất khẩu tăng mạnh do lo ngại Mỹ bắt đầu áp chính sách thuế nhập khẩu từ năm 2025 (xuất khẩu công nghiệp chế biến năm 2024 tăng 14,2%). Ngành Khai khoáng giảm 7,24% (2023: -3,47%).

Đồ thị 1: Tăng trưởng GDP thực và đóng góp của các ngành sản xuất, 2020-2024

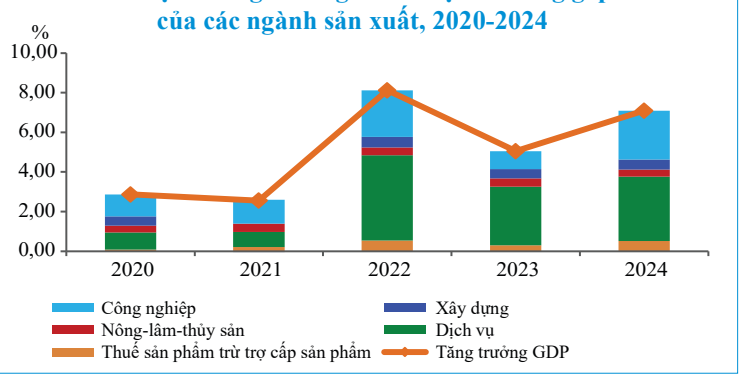

Nguồn: Tổng cục Thống kê, tính toán của NHNN

Xây dựng tăng 7,87% - mức tăng cao nhất từ năm 2020. Tương ứng với tăng trưởng của ngành Xây dựng, tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 7,5% (2023: 6,2%). Điều này cho thấy những giải pháp của Chính phủ nhằm tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản dần phát huy tác

> *GDP ước tính tăng 7,09% so với năm trước chủ yếu do sự phục hồi của khu vực công nghiệp - xây dựng và khu vực dịch vụ trong bối cảnh các đối tác tăng nhu cầu nhập hàng do lo ngại thuế nhập khẩu của Mỹ sẽ áp dụng từ năm 2025, du lịch tiếp tục tăng trưởng tích cực.*

dụng, theo đó thị trường có tín hiệu phục hồi dần trong năm 2024, hỗ trợ tăng trưởng của ngành Xây dựng.

Dịch vụ tăng 7,38%, cao hơn tốc độ tăng 6,91% của năm 2023. Một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn, đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế như: Bán buôn và bán lẻ tăng 7,96% so với năm trước, đóng góp 0,80 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi tăng 10,82%, đóng góp 0,68 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,11%, đóng góp 0,43 điểm phần trăm; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 9,76%, đóng góp 0,26 điểm phần trăm.

Tiêu dùng, đầu tư đều phục hồi, xuất khẩu ròng có đóng góp dương nhẹ vào tăng trưởng kinh tế, trong đó, mặc dù cả xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng

Tiêu dùng cuối cùng tăng 6,57%, cao hơn mức tăng 3,59% của năm trước. Trong đó, tiêu dùng nhà nước tăng 5,8% (2023: 4,58%) do chi thường xuyên trong ngân sách nhà nước tăng 8,77% (2023: 6,34%); tiêu dùng của khu vực tư nhân tăng 6,7% (2023: 3,43%).

Tổng tích lũy tài sản tăng 7,2%, mức tăng cao nhất từ năm 2020 với sự đóng góp chủ yếu từ khu vực ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Năm 2024, tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 7,5% (2023: 6,2%) trong đó khu vực ngoài Nhà nước tăng 7,7% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 10,6% (2023 tăng lần lượt 2,7% và 5,4%); trong khi đó, khu vực Nhà nước chỉ tăng 5,3% (2023: 14,6%) với vốn thực hiện từ ngân sách nhà nước tăng 3,3%, thấp hơn mức tăng 24,0% của năm 2023.

Xuất khẩu ròng đóng góp dương nhẹ (0,15 điểm phần trăm) vào tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh cả xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng. Cụ thể, xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 15,97% (2023: giảm 3,22%) khi các nước đối tác tăng cường nhập khẩu trước khi Mỹ thực hiện chính sách thuế nhập khẩu; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 15,99% (2023: giảm 5,17%) để phục vụ sản xuất và tiêu dùng trong nước.

2.2. Lao động, thu nhập, năng suất

Theo Cục Thống kê, tính chung năm 2024, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 53,0 triệu người, tăng 575,4 nghìn người so với năm trước gồm: Lao động nam 28,25 triệu người, chiếm 53,4%; lao động nữ là 24,69 triệu người, chiếm 46,6%. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động năm 2024 là 2,24%, giảm 0,04 điểm phần trăm so với năm trước, trong đó khu vực thành thị là 2,53%; khu vực nông thôn là 2,05%. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24 tuổi) năm 2024 là 7,83%, tăng 0,30 điểm phần trăm so với năm trước. Trong đó, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên khu vực thành thị là 9,35%, giảm 0,45 điểm phần trăm; khu vực nông thôn là 6,97%, tăng 0,61 điểm phần trăm. Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 1,84%, giảm 0,18 điểm phần trăm so với năm trước; trong đó tỷ lệ thiếu việc làm khu vực thành thị là 1,28%, giảm 0,32 điểm phần trăm; tỷ lệ thiếu việc làm khu vực nông thôn là 2,20%, giảm 0,07 điểm phần trăm.

Năm 2024, tình hình lao động, việc làm có dấu hiệu khởi sắc khi nền kinh tế tiếp tục phục hồi. Năng suất lao động, thu nhập tăng. Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trong độ tuổi lao động giảm.

Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 221,9 triệu đồng/lao động (tương đương 9.182 USD/lao động, tăng 726 USD so với năm 2023); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 5,88% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2024 ước đạt 28,3%, cao hơn 1 điểm phần trăm so với năm 2023).

GDP bình quân đầu người năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023. Tính chung năm 2024, thu nhập bình quân của lao động là 7,7 triệu đồng/tháng, tăng 8,6%, tương ứng tăng 610 nghìn đồng so với năm trước. Trong đó, thu nhập bình quân của lao động nam là 8,7 triệu đồng/tháng, lao động nữ là 6,5 triệu đồng; thu nhập bình quân của lao động ở khu vực thành thị là 9,3 triệu đồng/tháng, khu vực nông thôn là 6,7 triệu đồng/tháng. Lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được tăng từ 1,8 triệu đồng/tháng lên mức 2,34 triệu đồng/tháng, tăng 30% - là mức cao nhất từ trước đến nay kể từ 01/7/2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024. Sau khi không tăng

lương tối thiểu vùng năm 2023, lương tối thiểu vùng được tăng theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động từ 01/7/2024, theo đó, mức lương của người lao động được phân chia theo 04 vùng, tương ứng 4,96 triệu đồng/tháng; 4,41 triệu đồng/tháng; 3,86 triệu đồng/tháng; 3,45 triệu đồng/tháng.

2.3. Diễn biến lạm phát

Lạm phát có xu hướng tăng nhẹ qua các tháng trong năm, bình quân cả năm là 3,63% so với cùng kỳ 2023, phù hợp với mục tiêu Quốc hội đề ra; lạm phát cơ bản bình quân ở mức 2,71%.

Lạm phát Việt Nam chịu áp lực tăng trong những tháng đầu năm 2024, tuy nhiên đã có xu hướng chậm lại từ cuối quý 2/2024[4]. Tính chung cả năm 2024, lạm phát CPI bình quân là 3,63% - phù hợp với mục tiêu. Một số yếu tố chủ yếu giúp Việt Nam kiểm soát thành công lạm phát năm 2024 trong bối cảnh chịu nhiều áp lực gồm: ***(1)*** Giá dầu thế giới giảm nhẹ (bình quân năm 2024 so với năm 2023, chỉ số giá nhóm nhiên liệu trong nước giảm 2,78%); ***(2)*** Chính phủ quyết liệt chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp về thuế, nguồn cung, hỗ trợ giá… nhằm giảm bớt áp lực lạm phát như: theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả thị trường, đảm bảo thông suốt hoạt động cung ứng, lưu thông, phân phối hàng hóa; giảm thuế giá trị gia tăng đối với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ; giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân; miễn giảm học phí năm học 2024-2025 tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương… ***(3)*** Kỳ vọng lạm phát ổn định nhờ thành quả kiểm soát lạm phát của Việt Nam trong nhiều năm qua. Các yếu tố này đã góp phần triệt tiêu bớt tác động của việc điều chỉnh tăng giá một số hàng hóa, dịch vụ Nhà nước quản lý và giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, giá nhà ở thuê tăng cao (bình quân năm 2024 so với năm 2023, giá điện sinh hoạt tăng 7,68%; giá nước sinh hoạt tăng 8,33%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 7,16%; nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 5,2%...).

[4] Lạm phát CPI chung so với cùng kỳ tăng từ mức 3,37% trong tháng 01/2024 lên mức 4,4% trong tháng 5/2024, trước khi chậm lại về mức 2,94% vào tháng 12/2024.

Lạm phát cơ bản cũng có xu hướng giảm dần trong nửa cuối năm 2024, tuy nhiên tốc độ giảm chậm hơn lạm phát CPI chung do một số nhóm hàng chiếm tỷ trọng lớn trong lạm phát cơ bản (ăn uống ngoài gia đình, nhà ở thuê) duy trì mức tăng khá cao[5]. Lạm phát cơ bản bình quân cả năm 2024 là 2,71%, thấp hơn lạm phát chung, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Việc lạm phát trong nước tiếp tục được kiểm soát đã củng cố vững chắc nền tảng vĩ mô, duy trì niềm tin của nhà đầu tư, cộng đồng doanh nghiệp, người dân đối với môi trường kinh doanh của Việt Nam.

Đồ thị 2: Diễn biến lạm phát CPI, lạm phát cơ bản, 2020-2024

(% so với cùng kỳ)

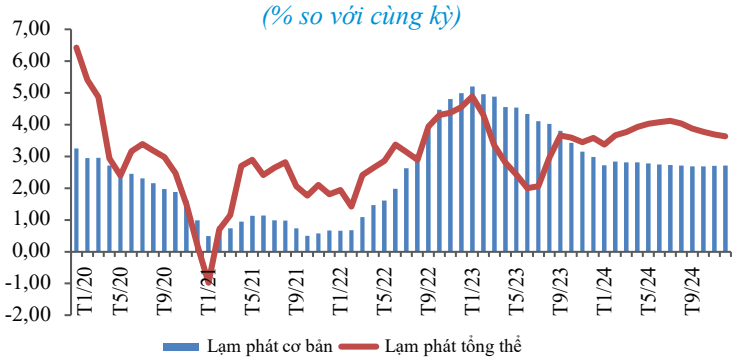

Nguồn: Tổng cục Thống kê

2.4. Thu chi NSNN

Thu NSNN[6] đạt 120,1% dự toán và bằng khoảng 17,8 % GDP (năm 2023: đạt 100% so với dự toán và đạt 15,9% GDP). Tiến độ thu NSNN cao hơn dự toán ở hầu hết các khoản thu (ngoại trừ thu viện trợ giảm nhẹ so với dự toán), đặc biệt thu dầu thô tăng mạnh và đạt 127,5% so với dự toán (2023: đạt 81,6% dự toán). Thu nội địa chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng thu NSNN (khoảng 80%) và đạt 118,5% dự toán (năm 2023: đạt 101,8% dự toán). Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu đạt 132,6% dự toán (năm 2023: đạt 147,9% dự toán).

Thu NSNN tăng mạnh và vượt dự toán nhờ kinh tế tăng trưởng ổn định, hoạt động xuất nhập khẩu khởi sắc; chi NSNN cao hơn dự toán và cùng kỳ năm ngoái. Bội chi NSNN thấp hơn so với dự toán.

[5] Bình quân năm 2024 so với năm 2023, giá Nhà ở thuê tăng 4,6%; giá Ăn uống ngoài gia đình tăng 3,99%.

[6] Số liệu NSNN năm 2023 và 2022 là số ước thực hiện do Bộ Tài chính công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính. Trên cơ sở nguồn số liệu về NSNN nêu trên, NHNN tự tính toán tỷ lệ thu NSNN/GDP và chi NSNN/GDP sử dụng GDP đã điều chỉnh do Tổng cục Thống kê công bố. Tỷ lệ bội chi NSNN/GDP do Bộ Tài chính công bố.

Chi NSNN cao hơn dự toán Quốc hội, đạt 113,9% dự toán và bằng khoảng 21,5% GDP (năm 2023: đạt 98,1% dự toán). Trong đó, chi đầu tư phát triển đạt 103,4% dự toán (năm 2023: đạt 101,8% dự toán); chi thường xuyên đạt 106,1% dự toán (năm 2023: đạt 99,7% dự toán).

Bội chi NSNN thấp hơn dự toán cả về giá trị tuyệt đối và tương đối, đạt 359.720 tỷ đồng, tương đương 3,6% GDP (năm 2023: bội chi 4% GDP).

2.5. Cán cân thanh toán

Cán cân thanh toán tổng thể thâm hụt 9,17 tỷ USD, đảo chiều so với mức thặng dư 5,6 tỷ USD của năm 2023 trong bối cảnh thị trường ngoại tệ chịu nhiều áp lực từ diễn biến quốc tế khó lường, cung cầu ngoại tệ trong nước kém thuận lợi.

> *Cán cân thanh toán tổng thể năm 2024 thâm hụt, đảo chiều so với mức thặng dư của năm 2023.*

Đồ thị 3: Cán cân thanh toán của Việt Nam, 2020-2024

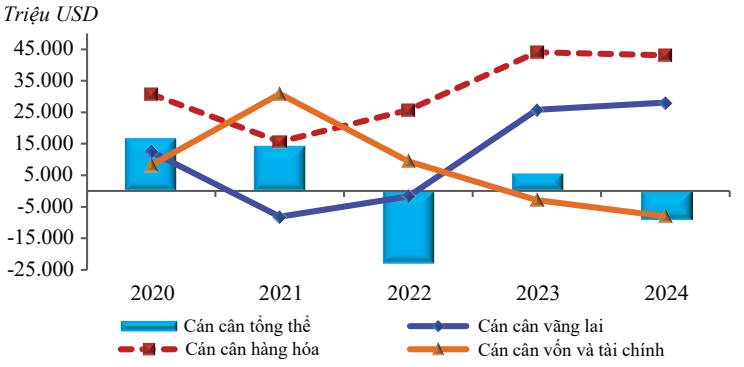

Nguồn: NHNN

Cán cân vãng lai thặng dư 30,5 tỷ USD (tương đương 6,45% GDP), tăng 10,6% so với mức thặng dư 27,6 tỷ USD của năm 2023. Đây là năm thứ 3 liên tiếp CCVL duy trì trạng thái thặng dư. *Cán cân hàng hóa* thặng dư 43,05 tỷ USD, giảm 2% so với năm 2023. *Cán cân thương mại*[7] thặng dư 24,77 tỷ USD (tương đương 6% kim ngạch xuất khẩu), giảm 13% so với mức xuất siêu kỷ lục 28,36 tỷ USD của năm 2023. Đặc biệt, cả xuất và nhập khẩu hàng hóa đều đạt kim ngạch cao nhất trong những năm qua với mức tăng trưởng trên hai con số là diễn biến tích cực nhất trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại của Việt Nam. *Cán cân*

[7] Xuất khẩu năm 2024 đạt 405,95 tỷ USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước (năm 2023 giảm 4,6%). Nhập khẩu năm 2024 đạt 380,99 tỷ USD theo giá CIF (tương đương 362,7 tỷ USD theo giá FOB), tăng 16,7% so với cùng kỳ năm trước (năm 2023 giảm 9,2%).

dịch vụ thâm hụt 10 tỷ USD, tăng 43% so với năm 2023 do tốc độ tăng nhập khẩu dịch vụ cao hơn so với xuất khẩu. Trong đó: xuất khẩu dịch vụ năm đạt 23,85 tỷ USD, tăng 17,7%; nhập khẩu dịch vụ đạt 36,18 tỷ USD, tăng 24,4%. *Cán cân thu nhập* thâm hụt 15,7 tỷ USD, thu hẹp đáng kể so với mức - 22,46 tỷ USD của năm 2023; trong đó, tổng thu đạt 5,54 tỷ USD, tăng 21,8% so với mức 4,55 tỷ USD của năm 2023 nhờ khoản thu nhập từ đầu tư quỹ dự trữ ngoại hối và tiền gửi ngoại tệ của các TCTD tăng cao, tổng chi đạt 21,24 tỷ USD, giảm 21,4% so với mức chi của năm 2023 chủ yếu do chi trả cổ tức cho nhà đầu tư nước ngoài trong năm 2024 giảm. *Chuyển giao vãng lai* thặng dư xấp xỉ 13,03 tỷ USD, tương đương với năm 2023, trong đó thu chuyển giao vãng lai đạt 17,1 tỷ USD, tăng 6,3% so với năm 2023; chi chuyển giao vãng lai đạt 4,09 tỷ USD, tăng mạnh 33,9% so với năm 2023.

Cán cân vốn và tài chính thâm hụt 7,9 tỷ USD sau khi thâm hụt 2,84 tỷ USD năm 2023; trong đó ngoại trừ luồng vốn FDI duy trì thặng dư, các dòng vốn khác đều thâm hụt. *FDI ròng*[8] đạt 19,57 tỷ USD, giảm nhẹ 2,4% so với năm 2023 nhưng vẫn là mức thặng dư cao. Các dòng vốn còn lại thâm hụt trong bối cảnh kinh tế toàn cầu bất định, Fed giảm lãi suất chậm hơn kỳ vọng khiến lãi suất USD quốc tế neo cao, USD tăng giá trên thị trường quốc tế, dòng vốn vào các nước đang phát triển suy giảm. *Đầu tư gián tiếp nước ngoài ròng* thâm hụt 5,7 tỷ USD trong năm 2024 do xu hướng bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán và trả nợ ròng đối với trái phiếu phát hành trên thị trường quốc tế. *Vay nợ nước ngoài* thâm hụt 6,1 tỷ USD trong năm 2024 trong bối cảnh trả nợ nước ngoài tăng và nhu cầu vay chậm lại khi lãi suất cao. *Tiền và tiền gửi* thâm hụt 15,57 tỷ USD, giảm so với mức thâm hụt 18,33 tỷ USD của năm 2023.

[8] Giải ngân FDI của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đạt 20,17 tỷ USD, tăng 9% so với cùng kỳ năm trước. Vốn thực hiện cả hai phía Việt Nam và nước ngoài ở mức 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước. Các ngành thu hút nhiều vốn đăng ký nhất gồm: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (25,58 tỷ USD, chiếm 66,9%), kinh doanh bất động sản (6,31 tỷ USD, chiếm 16,5%). Tiếp theo lần lượt là các ngành sản xuất, phân phối điện và bán buôn bán lẻ với tổng vốn đăng ký đạt lần lượt hơn 1,42 tỷ USD và gần 1,41 tỷ USD. Trong số 114 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam, dẫn đầu là Singapore (10,21 tỷ USD, chiếm hơn 26,7%), Hàn Quốc (7,06 tỷ USD, chiếm 18,5%), tiếp theo là Trung Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản,…

2.6. Diễn biến tài chính tiền tệ

Diễn biến tiền tệ

Tín dụng tăng trưởng tốt phù hợp với diễn biến tăng trưởng kinh tế tích cực, là động lực chính giúp tăng Tổng phương tiện thanh toán (M2). Bên cạnh đó, nỗ lực trong giải ngân đầu tư công cũng góp phần đưa một lượng tiền vào các hoạt động kinh tế, góp phần làm tăng M2.

Tổng phương tiện thanh toán (M2) tăng 11,97% so cuối năm 2023 (2023: 12,46%), được đóng góp chủ yếu từ tăng trưởng tín dụng và giải ngân đầu tư công cải thiện. Tín dụng đối với nền kinh tế cuối năm 2024 tăng 15,09% so cuối năm trước, giải ngân đầu tư công cải thiện khiến cho vay Chính phủ (ròng) của ngành ngân hàng tăng mạnh 66,75% (2023: 0,69%). Tuy nhiên, trong bối cảnh áp lực lên tỷ giá và thị trường ngoại tệ tăng cao, NHNN đã bán can thiệp ngoại tệ, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng M2 (NFA giảm 1,16%, trong khi năm 2023 tăng 17,89%).

Đồ thị 4: Tăng trưởng các chỉ tiêu tiền tệ, 2020-2024

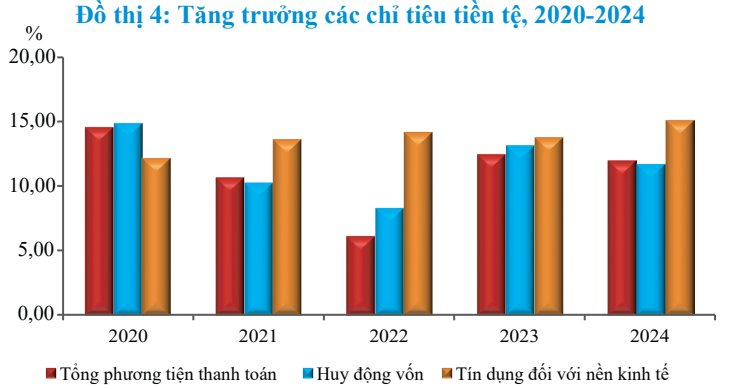

Nguồn: NHNN

Huy động vốn của hệ thống ngân hàng tiếp tục tăng

Huy động vốn của toàn hệ thống đạt 16,28 triệu tỷ đồng, tăng 11,74% so với cuối năm 2023, trong đó huy động vốn bằng VND tăng 11,85% và huy động bằng ngoại tệ tăng 10,1%. Chỉ số phản ánh tình trạng đô la hóa xét trên góc độ tiền gửi (tỷ lệ huy động vốn bằng ngoại tệ/tổng phương tiện thanh toán) có xu hướng giảm liên tục trong 3 năm, từ 7,27% (năm 2022) xuống 6,12% (năm 2023) và xuống còn 6,02% năm 2024.

Tỷ trọng vốn huy động của NHTM Nhà nước, NHCSXH giảm nhẹ so với năm 2023, trong khi tăng nhẹ tại các TCTD khác[9], cụ thể: ***(i)*** Tỷ trọng huy động vốn của nhóm NHTM Nhà nước chiếm 45,57% tổng vốn huy động của toàn hệ thống, thấp hơn năm 2023 (45,87%);

[9] Gồm NHTM cổ phần, TCTD phi ngân hàng, QTDND, NHTM 100% vốn nước ngoài, NHTM liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

(ii) Huy động vốn của NHCSXH chiếm 0,79% tổng vốn huy động của toàn hệ thống, giảm nhẹ so với mức 0,84% của năm 2023; ***(iii)*** Huy động vốn nhóm TCTD khác là 53,64%, cao hơn so với mức 53,29% của năm 2023).

Đồ thị 5: Tăng trưởng huy động vốn, 2022-2024
(% so với cùng kỳ)

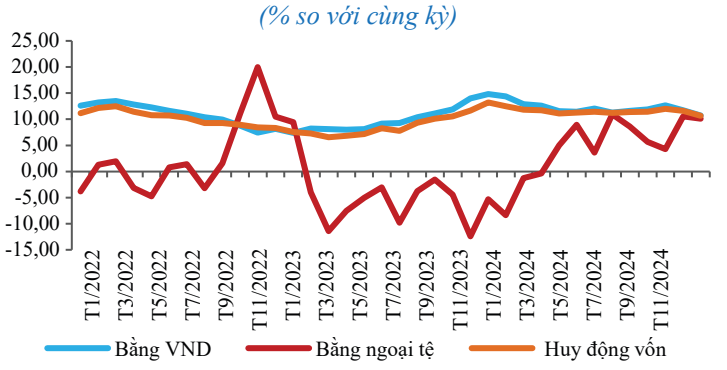

Nguồn: NHNN

Đồ thị 6: Tỷ trọng huy động vốn theo khối ngân hàng năm 2024

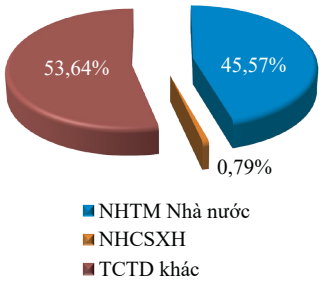

Đồ thị 7: Tỷ trọng tín dụng đối với nền kinh tế theo khối ngân hàng năm 2024

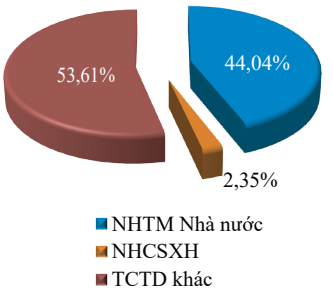

Nguồn: NHNN

Tín dụng đối với nền kinh tế khởi sắc rõ rệt, cung cấp nguồn vốn cho tăng trưởng kinh tế

Tín dụng đối với nền kinh tế cuối năm 2024 đạt 15,62 triệu tỷ đồng, tăng 15,09% so cuối năm trước (năm 2023: 13,78%), phù hợp với chỉ tiêu định hướng về tăng trưởng tín dụng từ đầu năm của NHNN[10]. Cụ thể, tín dụng bằng VND tăng 15,38% (2023: 14,21%), tín dụng ngoại tệ tăng 7,92% (2023: 4,21%). Tỷ lệ tín dụng bằng ngoại tệ/tổng dư nợ tín dụng toàn hệ thống tiếp tục xu hướng giảm, phù hợp với chủ trương chống đô-la hóa nền kinh tế.

[10] Từ đầu năm 2024, NHNN đã giao toàn bộ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho các TCTD ở mức khoảng 15% đề ra tại Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 15/01/2024.

Cơ cấu tín dụng đối với nền kinh tế theo khối ngân hàng, tỷ trọng dư nợ tín dụng tăng đối với khối TCTD khác trong khi giảm ở NHCSXH và khối NHTM Nhà nước, cụ thể: ***(i)*** Tín dụng nhóm TCTD khác chiếm 53,61% (năm 2023: 53,2%); ***(ii)*** Tín dụng của NHCSXH chiếm 2,35% (năm 2023: 2,45%); ***(iii)*** Tín dụng của nhóm NHTM Nhà nước chiếm 44,04% (năm 2023: 44,35%).

Đồ thị 8: Tăng trưởng tín dụng đối với nền kinh tế, 2022-2024

(% so với cùng kỳ)

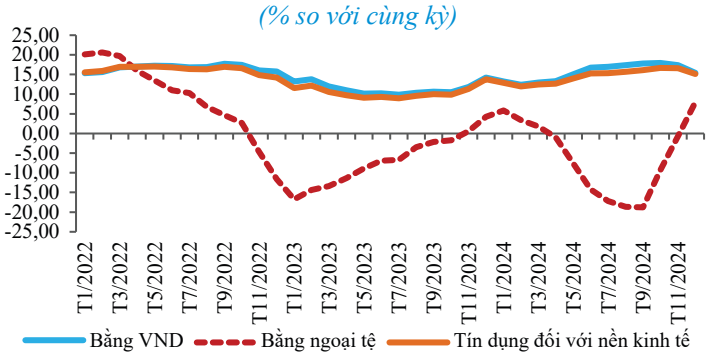

Nguồn: NHNN

Diễn biến lãi suất

Mặt bằng lãi suất tiền gửi và cho vay của TCTD trong năm 2024 tiếp tục có xu hướng giảm.

Lãi suất VND

Đến cuối năm 2024, lãi suất tiền gửi bằng VND bình quân của NHTM trong nước ở mức 0,1-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,1 – 4,0%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,4-5,2%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng; 5,0-5,9%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 24 tháng và 6,8-7,2% đối với kỳ hạn trên 24 tháng. Lãi suất cho vay bình quân của NHTM trong nước đối với các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ ở mức 6,7-9,0%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn bình quân bằng VND đối với lĩnh vực ưu tiên khoảng 3,8%/năm thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa theo quy định của NHNN (4%/năm).

Lãi suất USD

Đến cuối năm 2024, lãi suất tiền gửi USD của TCTD ở mức 0%/năm đối với tiền gửi của cá nhân và tổ chức; lãi suất cho vay USD bình quân của NHTM trong nước đối với các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ ở mức 4,1-

4,9%/năm đối với ngắn hạn; 5,8-7,0%/năm đối với trung và dài hạn.

Đồ thị 9: Lãi suất huy động và cho vay bình quân, 2020 - 2024

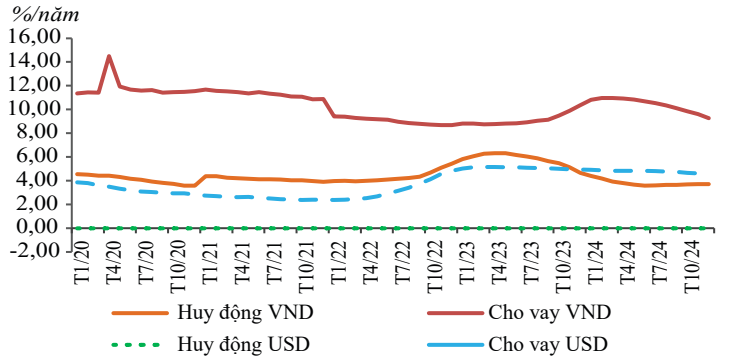

Nguồn: NHNN

Thị trường tiền tệ liên ngân hàng

Quy mô thị trường liên ngân hàng tiếp tục mở rộng, đặc biệt là hoạt động cho vay, gửi tiền bằng USD

Tổng doanh số cho vay, gửi tiền trên thị trường liên ngân hàng bằng VND đạt 87.940 nghìn tỷ đồng, bằng USD quy đổi sang VND là 17.394 nghìn tỷ đồng, tăng lần lượt 46% và 13% so với năm 2023. So với hoạt động cho vay, gửi tiền, hoạt động mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các TCTD có quy mô nhỏ hơn với doanh số ở mức 872 nghìn tỷ đồng trong năm 2024.

Xét theo kỳ hạn, các giao dịch trên thị trường liên ngân hàng năm 2024 tiếp tục phát sinh chủ yếu ở các kỳ hạn dưới 1 tháng, trong đó tập trung nhiều vào kỳ hạn qua đêm và 1 tuần. Doanh số giao dịch qua đêm bằng VND cả năm đạt 76.954 nghìn tỷ đồng, bằng USD quy đổi sang VND đạt 13.803 nghìn tỷ đồng, lần lượt chiếm 88% và 79% so với tổng doanh số giao dịch cả năm.

Lãi suất liên ngân hàng tăng

Trong năm 2024, lãi suất giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng có xu hướng tăng trong bối cảnh NHNN chủ động thực thi các giải pháp nhằm điều tiết thanh khoản toàn hệ thống để hỗ trợ hạn chế áp lực đối với tỷ giá và thị trường ngoại tệ. Tính bình quân cả năm, lãi suất kỳ hạn qua đêm, 1 tuần và 2 tuần lần lượt là 3,43%/năm, 3,66%/năm và 3,76%/năm.

Lãi suất liên ngân hàng tăng trong bối cảnh NHNN chủ động thực thi các giải pháp nhằm điều tiết thanh khoản toàn hệ thống để hỗ trợ hạn chế áp lực đối với tỷ giá và trên thị trường ngoại tệ.

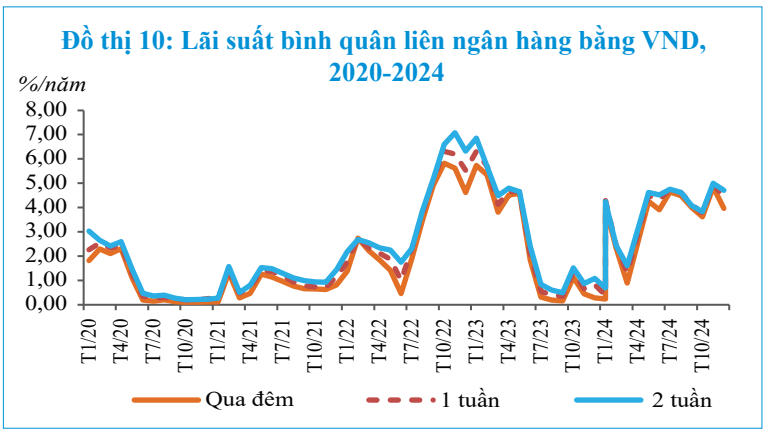

Nguồn: NHNN

Diễn biến thị trường ngoại tệ

Tỷ giá và thị trường ngoại tệ chịu áp lực lớn, diễn biến theo cả hai chiều và thay đổi nhanh chóng.

Trong giai đoạn nửa đầu năm và từ đầu tháng 10 đến cuối năm 2024: tỷ giá và thị trường ngoại tệ chịu áp lực lớn từ các yếu tố: ***(i)*** Diễn biến kinh tế - chính trị quốc tế khó lường (điều hành CSTT của Fed, bầu cử Tổng thống Mỹ, căng thẳng địa chính trị,…); đồng USD quốc tế biến động mạnh theo cả hai chiều, khó dự báo, tăng mạnh trong giai đoạn cuối năm gây áp lực mất giá lên các đồng tiền (cuối năm 2024 DXY tăng 6,71% so với cuối năm 2023); ***(ii)*** Trong nhiều giai đoạn, chênh lệch lãi suất giữa VND và USD trên thị trường liên ngân hàng duy trì mức âm làm thúc đẩy nhu cầu nắm giữ USD và nhu cầu mua ngoại tệ kỳ hạn; và ***(iii)*** Cân đối cung cầu ngoại tệ trong nước kém thuận lợi do sự gia tăng mạnh của nhập khẩu và nhu cầu rút vốn, chuyển lợi nhuận về nước của các nhà đầu tư nước ngoài; trong quý IV, Kho bạc Nhà nước phát sinh nhu cầu ngoại tệ lớn tập trung trong một giai đoạn ngắn...

Trong giai đoạn quý III, tâm lý thị trường cải thiện nhờ áp lực thị trường quốc tế giảm bớt (Fed hạ lãi suất điều hành và phát tín hiệu sẽ tiếp tục nới lỏng CSTT), đồng USD giảm giá mạnh (DXY giảm khoảng 5% trong quý III), cân đối cung cầu ngoại tệ cải thiện hơn so với đầu năm và cùng với những biện pháp điều hành bình ổn thị trường của NHNN, tỷ giá USD/VND có xu hướng giảm. Ngày 31/12/2024, tỷ giá trung tâm ở mức 24.335 VND/USD (tăng 1,97% so với cuối năm 2023); tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng khoảng 25.477 VND/USD (tăng 5,03% so với cuối năm 2023);

tỷ giá niêm yết mua/bán của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ở mức 25.251/25.551 VND/USD (tăng 4,86/4,83% so với cuối năm 2023).

Đồ thị 11: Diễn biến tỷ giá VND/USD năm 2024

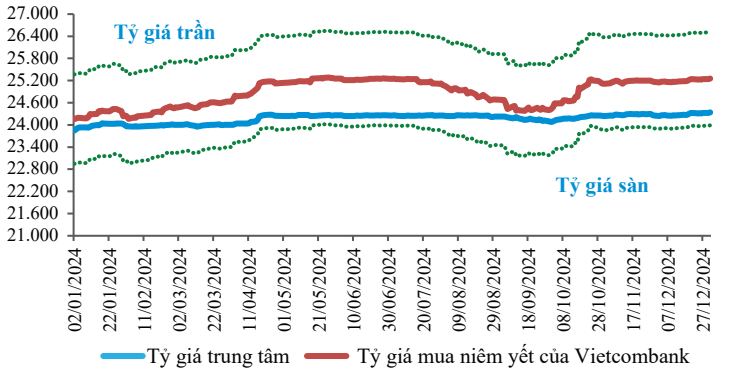

Nguồn: NHNN

Diễn biến giá vàng

Trong năm 2024, giá vàng quốc tế diễn biến theo xu hướng tăng mạnh, lập mức đỉnh vào ngày 30/10/2024 là 2.795 USD/ounce. Giá vàng miếng SJC trong nước cũng tăng và diễn biến phức tạp, đạt kỉ lục 90 triệu đồng/lượng ngày 30/10/2024. Chênh lệch giá vàng miếng SJC trong nước và thế giới ở mức cao, đặc biệt là trong 5 tháng đầu năm 2024, nguyên nhân do: Giá vàng quốc tế tăng cao trong khi các kênh đầu tư khác kém hấp dẫn (thị trường trái phiếu doanh nghiệp ảm đạm, bất động sản khó khăn, mặt bằng lãi suất huy động ở mức thấp) đã làm tăng tình trạng đầu cơ, tích trữ vàng của người dân và doanh nghiệp, đặc biệt tâm lý tích trữ vàng thường gia tăng khi giá vàng tăng mạnh.

Giá vàng trong nước tăng theo giá vàng quốc tế, thiết lập mức giá cao nhất trong nhiều năm.

Thị trường chứng khoán

Năm 2024 mặc dù chịu ảnh hưởng từ các biến động kinh tế, địa chính trị toàn cầu và áp lực rút ròng mạnh mẽ từ khối ngoại song TTCK Việt Nam vẫn ghi nhận mức tăng trưởng đáng khích lệ. Chỉ số VN-Index ngày 31/12/2024 đạt mức 1.266,78 điểm, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2023. Mức vốn hóa toàn thị trường cổ phiếu 3 sàn HOSE, HNX và UPCoM ngày 31/12/2024 đạt 7.173,32 nghìn tỷ đồng tăng 20,8% so với cuối năm trước, tương đương 70,2% GDP ước tính năm 2024. Song song với diễn biến của chỉ số, thanh khoản thị trường vẫn duy

Thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng đáng khích lệ.

trì mức tăng trưởng tốt với giá trị giao dịch bình quân đạt 21.017 tỷ đồng/phiên, tăng 19,2% so với bình quân năm trước[11].

Tính bình quân cả năm 2024, giá trị giao dịch bình quân trên toàn thị trường đạt 33,43 nghìn tỷ đồng, tăng 36,52% so với năm 2023 (riêng sàn HOSE đạt 18,76 nghìn tỷ đồng, sàn HNX đạt 1,47 nghìn tỷ đồng, sàn Upcom đạt 916 tỷ đồng, trái phiếu đạt 12,29 nghìn tỷ đồng)[12]. Về hoạt động niêm yết và đăng ký giao dịch, tính đến cuối 12/2024, thị trường có 724 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết trên 2 Sở giao dịch chứng khoán và 888 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCoM với tổng giá trị niêm yết, đăng ký giao dịch đạt 2.296 nghìn tỷ đồng, tăng 7,9% so với cuối năm 2023, tương đương 20% GDP. Số lượng tài khoản của nhà đầu tư tính đến cuối năm 2024 đạt gần 9,3 triệu tài khoản, tăng 27,5% so với cuối năm 2023. Nhìn chung, thị trường chứng khoán năm 2024 duy trì đà tăng trưởng ổn định với sự gia tăng về chỉ số, thanh khoản và quy mô vốn hóa.

Về giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tính cả năm 2024, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng 84,88 nghìn tỷ đồng (bao gồm cả cổ phiếu và trái phiếu) (cùng kỳ bán ròng gần 27 nghìn tỷ đồng)[13].

2.7. Hoạt động của các TCTD

Các TCTD tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị điều hành; cải thiện các tỷ lệ đảm bảo an toàn, tăng cường quản trị rủi ro theo quy định của pháp luật, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Đến cuối năm 2024, hệ thống TCTD gồm 04 NHTM do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; 02 NHTM được chuyển giao bắt buộc; 01 NHTM mua bắt buộc; 02 ngân hàng chính sách; 28 NHTMCP; 02 ngân hàng liên doanh; 09 ngân hàng 100% vốn nước ngoài; 50 chi nhánh ngân hàng nước ngoài; 26 công ty tài chính, cho thuê tài chính; 01 Ngân hàng Hợp tác xã; 1.176 QTDND và 04 tổ chức tài chính vi mô.

[11] Báo cáo Nghị quyết số 86/NQ-CP về phát triển thị trường vốn an toàn, minh bạch, hiệu quả, bền vững

[12] Tính toán dự trên số liệu công bố trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN.

[13] Số liệu công bố trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN.

Bảng 1: Hệ thống các TCTD của Việt Nam (đến 31/12/2024)

STT	Loại hình TCTD	2023	2024
1	NHTM Nhà nước	4	4
2	NHTM được chuyển giao bắt buộc	0	2
3	NHTM mua bắt buộc	3	1
4	NHCSXH	1	1
5	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	1	1
6	NHTMCP	28	28
7	Ngân hàng liên doanh	2	2
8	Ngân hàng 100% vốn nước ngoài	9	9
9	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	50	50
10	Công ty tài chính, cho thuê tài chính	26	26
11	Ngân hàng Hợp tác xã	1	1
12	QTDND	1.178	1.176
13	Tổ chức tài chính vi mô	4	4

Nguồn: NHNN

Năng lực tài chính của các TCTD tiếp tục được củng cố, quy mô hoạt động tiếp tục tăng

Năng lực tài chính của hệ thống TCTD tiếp tục được củng cố, quy mô hoạt động tăng; các giải pháp xử lý nợ xấu được triển khai đồng bộ với các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa nợ xấu mới phát sinh; năng lực quản trị điều hành, quản lý rủi ro của TCTD từng bước được nâng cao, tiệm cận thông lệ quốc tế và phù hợp với điều kiện của thị trường Việt Nam; thanh khoản hệ thống duy trì ổn định, các quy định về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn được TCTD chấp hành nghiêm túc; kết quả kinh doanh của các TCTD tiếp tục được cải thiện. Đến cuối năm 2024, tổng tài sản toàn hệ thống đạt 22,78 triệu tỷ đồng, tăng 14,4% so với cuối năm 2023; tổng vốn điều lệ toàn hệ thống đạt 1,11 triệu tỷ đồng, tăng 11,1% so với cuối năm 2023.

Bảng 2: Thống kê một số chỉ tiêu cơ bản

Loại hình TCTD	Tổng tài sản có		Vốn điều lệ		Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn (%)	Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (%)
	Tỷ đồng	± %	Tỷ đồng	± %		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
NHTM Nhà nước	9.761.087	14,8	254.986	10,0	23,41	82,21
NHCSXH	382.158	8,5	24.781	3,4		
NHTMCP	10.309.417	15,6	624.066	15,0	38,97	79,05
Ngân hàng liên doanh, nước ngoài	2.038.262,7	9,24	173.589,8	6,39	-11,92	41,90
Công ty tài chính, cho thuê tài chính	343.598	13,7	48.255	6,5	31,26	
Ngân hàng Hợp tác xã	61.707	8,3	3.029	0,00	6,47	61,08
QTDND	191.476	4,2	7.778	11,4		
Toàn hệ thống	**22.768.411**	**14,4**	**1.115.798**	**11,1**	**27,74**	**76,04**

Nguồn: NHNN

Ghi chú:

- *Số liệu dựa trên Báo cáo cân đối tài khoản kế toán, báo cáo thống kê tháng 12/2024 của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, không bao gồm các Tổ chức tài chính vi mô;*
- *Khối NHTM Nhà nước bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, NHTMCP Công Thương Việt Nam, NHTMCP Ngoại thương Việt Nam, NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, NHTM TNHH MTV Việt Nam Hiện đại, NHTM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu[14], NHTM TNHH MTV Ngoại thương Công nghệ số;*
- *Số liệu cột (6), (7) không bao gồm NHCSXH (không thuộc đối tượng báo cáo) và QTDND;*
- *Chi tiêu Tổng tài sản có tính theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN;*
- *Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn của khối ngân hàng liên doanh, nước ngoài không có giá trị do khối này không sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung, dài hạn;*
- *Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi theo quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư số 22/2019/TT-NHNN).*

Thanh khoản toàn hệ thống duy trì ổn định, các quy định về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn được các TCTD chấp hành nghiêm túc

Trong năm 2024, thanh khoản toàn hệ thống được đảm bảo, an toàn hệ thống được giữ vững; các TCTD cơ bản đáp ứng các quy định về dự trữ thanh khoản theo quy định của pháp luật. Tình hình thanh khoản của các

[14] Nay là NHTM TNHH MTV Kỷ Nguyên Thịnh Vượng

TCTD vẫn được đảm bảo. Tổng vốn huy động, đặc biệt là nguồn vốn trung, dài hạn tiếp tục tăng so với cuối năm 2023. Tỷ lệ CAR của nhóm ngân hàng áp dụng Thông tư số 41/2016/TT-NHNN là 12,33%; nhóm ngân hàng áp dụng Thông tư số 22/2019/TT-NHNN là 8,92%; nhóm ngân hàng áp dụng Thông tư số 23/2020/TT-NHNN là 17,82%. Tỷ lệ dữ trữ thanh khoản bình quân đạt 17,87%[15]; hầu hết các TCTD đạt các tỷ lệ, giới hạn an toàn hoạt động theo quy định của pháp luật.

Bảng 3: Tỷ lệ an toàn vốn của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

STT	Loại hình TCTD	Vốn tự có		Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (%)
		Tỷ đồng	± %	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	**Nhóm ngân hàng áp dụng Thông tư số 41/2016/TT-NHNN**	**2.171.694,20**	**17,07**	**12,33**
1.1	NHTM Nhà nước	757.395,90	16,11	10,24
1.2	NHTM cổ phần	1.055.990,90	16,92	12,17
1.3	Ngân hàng liên danh, nước ngoài	358.307,40	19,60	23,29
2	**Nhóm ngân hàng áp dụng Thông tư số 22/2019/TT-NHNN**	**13.002,00**	**22,24**	**8,92**
2.1	NHTM Nhà nước			
2.2	NHTM cổ phần	8.742,24	14,52	7,90
2.3	Ngân hàng Hợp tác xã	4.259,76	41,86	12,11
3.	**Nhóm ngân hàng áp dụng Thông tư số 23/2020/TT-NHNN**	**63.337,09**	**10,54**	**17,82**

Nguồn: NHNN

Ghi chú:

- *Số liệu dựa trên Báo cáo thống kê tháng 12/2024 của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (không bao gồm các tổ chức tài chính vi mô);*
- *Khối NHTM Nhà nước bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, NHTMCP Công Thương Việt Nam, NHTMCP Ngoại thương Việt Nam, NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, NHTM TNHH MTV Ngoại thương Công nghệ số, NHTM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu, NHTM TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại;*
- *Vốn tự có, tỷ lệ CAR đã loại bỏ các TCTD có Vốn tự có âm.*

Rủi ro thanh khoản: Thanh khoản toàn hệ thống được đảm bảo. Tổng huy động vốn, đặc biệt là nguồn vốn

[15] Khai thác số liệu tại Hệ thống giám sát từ xa BSA – Biểu L00010 ngày 24/3/2025

trung, dài hạn tiếp tục tăng so với cuối năm 2023. Tỷ lệ dữ trữ thanh khoản của các TCTD có xu hướng cải thiện, tăng từ 16,6% cuối năm 2020 lên mức 18,6% cuối năm 2023. Tỷ lệ dữ trữ thanh khoản của TCTD có xu hướng cải thiện, tăng từ 16,6% cuối năm 2020 lên mức 18,6% cuối năm 2023, tuy nhiên đến cuối năm 2024 lại có dấu hiệu sụt giảm khi trở về mức 17,9%.

Rủi ro tín dụng: Trong bối cảnh kinh tế thế giới biến động khó lường, ảnh hưởng đến kinh tế trong nước, ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng trả nợ của người dân, doanh nghiệp, NHNN đã chỉ đạo TCTD triển khai đồng bộ các biện pháp xử lý nợ xấu, kiểm soát, phòng ngừa nợ xấu mới phát sinh. Trong năm 2024, toàn hệ thống các TCTD đã xử lý được 334,7 nghìn tỷ đồng nợ xấu, trong đó TCTD sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý chiếm tỷ lệ 44,6%, khách hàng trả nợ chiếm 35,7% và nợ xấu được xử lý bằng hình thức bán cho VAMC chiếm 15,1% tổng sợ nợ xấu đã xử lý.

Phần II – Điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thực hiện chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ tại các Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội năm 2024,[16] NHNN ban hành Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 15/01/2024 đề ra mục tiêu, nhiệm vụ toàn ngành Ngân hàng năm 2024: "*Điều hành chính sách tiền tệ CSTT chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, phối hợp đồng bộ, hài hòa, chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác góp phần hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát mục tiêu năm 2024 bình quân khoảng 4-4,5%, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối và hệ thống ngân hàng. Năm 2024, định hướng mức tăng trưởng tín dụng khoảng 15%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế; nghiên cứu đổi mới công tác điều hành tăng trưởng tín dụng. Kiểm soát tăng trưởng tín dụng hài hòa với diễn biến kinh tế vĩ mô nhằm góp phần hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an toàn hoạt động của các TCTD. Triển khai quyết liệt, hiệu quả Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025", góp phần phát triển hệ thống các TCTD hoạt động lành mạnh, chất lượng, hiệu quả, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật và tiệm cận, đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Tập trung thực hiện có hiệu quả phương án xử lý các TCTD yếu kém, triển khai cơ cấu lại các ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền. Chỉ đạo các TCTD đẩy mạnh công tác xử lý, thu hồi nợ xấu; nâng cao chất lượng tín dụng, ngăn ngừa, hạn chế nợ xấu mới phát sinh.*".

1. Điều hành CSTT

Chủ động điều tiết tiền tệ hợp lý, vừa đảm bảo thanh khoản hệ thống, ổn định thị trường tiền tệ, vừa thực hiện các mục tiêu CSTT

Bám sát chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, mục tiêu CSTT của NHNN, diễn biến thị trường tiền tệ và tình

Điều hành CSTT chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, phối hợp đồng bộ, hài hòa, chặt chẽ với chính

[16] Nghị quyết số 103/2023/QH15 của Quốc hội ngày 09/11/2023; Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ ngày 05/01/2024.

sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác góp phần hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối và hệ thống ngân hàng.

hình vốn khả dụng của TCTD, NHNN tiếp tục điều hành chủ động, linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở nhằm hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống TCTD, góp phần ổn định thị trường tiền tệ và phối hợp chặt chẽ với các công cụ CSTT khác để thực hiện mục tiêu CSTT. Theo đó, NHNN duy trì chào mua có kỳ hạn giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở hàng ngày với khối lượng, kỳ hạn phù hợp, chủ động tăng khối lượng chào mua giấy tờ có giá khi thị trường có nhu cầu nhằm ổn định thị trường tiền tệ, hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống các tổ chức tín dụng, đảm bảo cung ứng vốn tín dụng kịp thời cho nền kinh tế. Từ đầu tháng 8/2024, trong bối cảnh tỷ giá giảm và tương đối ổn định tạo dư địa cho NHNN trong điều hành CSTT, NHNN đã 02 lần điều chỉnh giảm lãi suất chào mua giấy tờ có giá trên nghiệp vụ thị trường mở từ mức 4,5% xuống 4,25%/năm (ngày 5/8/2024) và xuống còn 4,0%/năm (ngày 16/9/2024), qua đó góp phần giảm lãi suất thị trường, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế theo chủ trương giảm lãi suất của Chính phủ. Ngoài ra, tại một số thời điểm, trước diễn biến khó lường của thị trường quốc tế và trong nước gây áp lực lên tỷ giá, NHNN thực hiện phát hành tín phiếu NHNN với kỳ hạn và khối lượng phù hợp nhằm chủ động kiểm soát tiền tệ và phối hợp chặt chẽ với các công cụ CSTT khác để hỗ trợ điều hành tỷ giá.

Duy trì các mức lãi suất điều hành ở mức thấp, tạo điều kiện để TCTD giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế

Thực hiện chủ trương của Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về giảm lãi suất cho vay nhằm tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế, doanh nghiệp và người dân, trong năm 2024 NHNN giữ nguyên các mức lãi suất điều hành trong bối cảnh lãi suất thế giới vẫn neo ở mức cao, tạo điều kiện cho TCTD tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp; chỉ đạo TCTD tiết giảm chi phí để giảm mặt bằng lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ nền kinh tế

Giữ ổn định tỷ lệ DTBB đối với tiền gửi VND và ngoại tệ

Tỷ lệ DTBB đối với tiền gửi VND được duy trì ở mức 3% đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, 1% đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở

lên. Đối với tiền gửi bằng ngoại tệ, tỷ lệ DTBB được duy trì ở mức 8% đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, 6% đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên và 1% đối với tiền gửi của các TCTD ở nước ngoài.

Tiếp tục tái cấp vốn phù hợp với mục tiêu điều hành CSTT và chủ trương của Chính phủ

Công cụ tái cấp vốn được điều hành phù hợp với chủ trương của Chính phủ, mục tiêu điều hành của NHNN và nhu cầu vốn của TCTD. Theo đó, trong năm 2024: ***(i)*** Không phát sinh đề nghị vay tái cấp vốn từ TCTD; ***(ii)*** Thu nợ tái cấp vốn đối với NHCSXH để cho người sử dụng lao động vay trả lương theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; ***(iii)*** Gia hạn tái cấp vốn đối với các TCTD cho Tổng công ty Hàng không Việt Nam (VNA) vay theo Thông tư số 42/2024/TT-NHNN ngày 22/7/2024.

Điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp, hấp thụ các cú sốc bên ngoài nhưng vẫn giữ ổn định thị trường ngoại tệ

Trước các áp lực lớn trên thị trường ngoại tệ, NHNN: ***(i)*** Tiếp tục điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp với điều kiện thị trường, góp phần hấp thu các cú sốc bên ngoài; ***(ii)*** Phối hợp đồng bộ các công cụ CSTT trong từng giai đoạn để điều tiết thanh khoản VND dư thừa, qua đó góp phần làm giảm mức chênh lệch lãi suất âm giữa VND và USD trên thị trường liên ngân hàng, từ đó giảm bớt áp lực tỷ giá; ***(iii)*** Can thiệp thị trường khi cần thiết để sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản thị trường nhằm phục vụ các nhu cầu ngoại tệ của nền kinh tế, bình ổn tâm lý thị trường.

Triển khai các giải pháp về tín dụng đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho nền kinh tế và góp phần kiểm soát lạm phát; tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng.

Trên cơ sở mục tiêu tăng trưởng kinh tế và lạm phát được Quốc hội, Chính phủ đặt ra, NHNN định hướng TTTD khoảng 15%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế. Theo đó, các giải pháp điều hành

tín dụng được thực hiện chủ động, linh hoạt, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát, đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế. Để tạo điều kiện thuận lợi cho các TCTD cung ứng nguồn vốn tín dụng cho nền kinh tế, ngày 31/12/2023, NHNN đã giao hết toàn bộ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2024 cho các TCTD và thông báo công khai nguyên tắc xác định để TCTD chủ động thực hiện TTTD.

Trong năm 2024, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về điều hành TTTD linh hoạt, hiệu quả, kịp thời, đáp ứng vốn tín dụng cho nền kinh tế và trong điều kiện lạm phát được kiểm soát tốt dưới mức mục tiêu, NHNN đã chủ động thực hiện 02 lần điều chỉnh chỉ tiêu TTTD cho các TCTD trong tháng 8 và tháng 11 theo nguyên tắc cụ thể, đảm bảo công khai, minh bạch để kịp thời đáp ứng vốn cho nền kinh tế, hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh; đồng thời, tiếp tục đổi mới công tác điều hành TTTD và triển khai chủ trương của Quốc hội, Chính phủ về thực hiện giảm dần biện pháp giao chỉ tiêu TTTD cho các TCTD.

Bên cạnh đó, NHNN yêu cầu các TCTD thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Chính phủ, lãnh đạo Chính phủ và NHNN về hoạt động tiền tệ, tín dụng, các quy định về cấp tín dụng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, bảo đảm an toàn hệ thống và ổn định thị trường tiền tệ. TTTD an toàn, hiệu quả, lành mạnh, hạn chế nợ xấu gia tăng và phát sinh, đảm bảo an toàn hoạt động của TCTD; kiểm soát chặt chẽ đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; cấp tín dụng đối với khách hàng theo đúng quy định của pháp luật, tăng cường các biện pháp kiểm soát rủi ro tín dụng để đảm bảo chất lượng tín dụng.

Triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng của doanh nghiệp, người dân, qua đó góp phần hạn chế tín dụng đen

Trong năm 2024, NHNN đã chủ động triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng của doanh nghiệp, người dân như: ***(i)*** Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý trong hoạt động cấp tín dụng với nhiều quy định mới tạo thuận lợi cho hoạt động của các TCTD và nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng ngân

hàng của người dân, doanh nghiệp; ***(ii)*** Tổ chức các hội nghị trực tuyến toàn ngành về đẩy mạnh tín dụng ngân hàng, làm việc trực tiếp tại một số địa phương về công tác tín dụng; ***(iii)*** Triển khai mạnh mẽ, sâu rộng chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp bằng những hình thức phù hợp; ***(iv)*** Quyết liệt triển khai các chương trình tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ… nhằm tháo gỡ khó khăn; triển khai theo thẩm quyền các giải pháp ứng dụng Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư trong hoạt động cho vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng… Bên cạnh đó, NHNN yêu cầu các TCTD tăng cường cải cách thủ tục hành chính, rà soát đơn giản hóa quy trình và thủ tục cấp tín dụng, tối ưu hóa áp dụng chuyển đổi số vào quy trình cấp tín dụng; phát triển đa dạng sản phẩm tín dụng ngân hàng phù hợp từng loại hình, nhu cầu vay vốn của người dân, doanh nghiệp…

2. Quản lý ngoại hối

Tăng cường công tác xây dựng, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý ngoại hối

NHNN tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về hoạt động ngoại hối và đổi mới hệ thống văn bản QPPL phù hợp với các điều kiện thực tế, góp phần tạo hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động ngoại hối theo quy định của pháp luật. Năm 2024, NHNN đã ban hành 05 thông tư liên quan đến việc quản lý ngoại hối đối với hoạt động thương mại biên giới và quản lý các giao dịch vốn. Các văn bản mới ban hành đã góp phần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đối với hoạt động chuyển tiền xuyên biên giới, tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân (giảm chi phí, thời gian thực hiện thủ tục hành chính…), từ đó góp phần thu hút ngoại tệ từ nước ngoài chuyển vào Việt Nam, khắc phục những khó khăn, vướng mắc liên quan đến quản lý dự trữ ngoại hối; đồng thời, cũng giúp các cơ quan nhà nước giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính, giảm chi phí lưu trữ hồ sơ… qua đó, góp phần phân bổ nguồn lực lao động hợp lý, hiệu quả hơn.

Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý ngoại hối. Triển khai hiệu quả các công tác quản lý giao dịch vãng lai, quản lý dòng vốn đầu tư nước ngoài, hoạt động vay, trả nợ nước ngoài, quản lý DTNHNN và quản lý thị trường vàng.

Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm quản lý có hiệu quả đối với các giao dịch vãng lai

Công tác quản lý giao dịch vãng lai tiếp tục được thực hiện theo hướng tự do hóa phù hợp với các cam kết quốc tế. Đồng thời, NHNN tiếp tục triển khai các chính sách hạn chế sử dụng ngoại tệ trong nước nhằm thực hiện chủ trương hạn chế, tiến tới chấm dứt tình trạng đô la hóa, tăng niềm tin của người dân vào VND, giảm thiểu những tác động tiêu cực đến cung cầu ngoại tệ và điều hành CSTT. Theo đó: ***(1)*** Chính sách quản lý kiều hối tiếp tục thông thoáng, phù hợp với xu thế hội nhập, nhằm khuyến khích và tạo thuận lợi cho hoạt động gửi tiền về nước của người Việt Nam ở nước ngoài, từ đó giúp tăng nguồn cung ngoại tệ cho nền kinh tế, cải thiện cán cân thanh toán của Việt Nam, góp phần phát triển kinh tế trong nước; ***(2)*** Hoạt động đại lý đổi ngoại tệ phục vụ nhu cầu của khách du lịch nước ngoài và hoạt động mua bán ngoại tệ tiền mặt của TCTD được phép với cá nhân nhằm đáp ứng nhu cầu chi tiêu hợp pháp của cá nhân ở nước ngoài đều được thực hiện theo quy định của pháp luật; qua đó, tạo điều kiện thu hút ngoại tệ vào hệ thống ngân hàng; ***(3)*** Hiệu quả giám sát đối với các giao dịch thanh toán, chuyển tiền xuyên biên giới ngày càng được nâng cao thông qua việc chỉ đạo các TCTD xây dựng Bộ Quy tắc và thực hành thống nhất về danh mục, nguyên tắc cung cấp chứng từ đối với các giao dịch chuyển tiền một chiều ra nước ngoài của người cư trú là công dân Việt Nam. Bên cạnh đó, NHNN tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng triển khai quyết liệt các giải pháp chấn chỉnh thị trường; phát hiện, ngăn chặn, phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm quy định về quản lý ngoại hối; tăng cường công tác truyền thông,… đảm bảo thị trường hoạt động ổn định, thông suốt.

Quản lý dòng vốn đầu tư nước ngoài

Công tác quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư nước ngoài vào Việt Nam được thực hiện theo hướng tạo thuận lợi thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện cán cân thanh toán quốc tế. Bên cạnh đó, hoạt động đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài được quản lý chặt chẽ, thận trọng vừa nhằm hỗ trợ các nhà đầu tư trong nước tranh thủ các cơ hội đầu

tư hiệu quả ở nước ngoài; đồng thời vẫn đảm bảo giám sát chặt chẽ dòng vốn ra, ưu tiên tập trung nguồn lực phát triển kinh tế trong nước.

Quản lý hoạt động vay, trả nợ nước ngoài

NHNN tiếp tục theo dõi, quản lý chặt chẽ hoạt động vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh, nhất quán với mục tiêu quản lý nợ nước ngoài của quốc gia, đảm bảo hạn mức vay trả nợ nước ngoài ròng của doanh nghiệp tự vay tự trả luôn nằm trong hạn mức vay nước ngoài được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, vừa đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu an toàn nợ nước ngoài quốc gia, vừa đáp ứng nhu cầu vốn của doanh nghiệp.

Quản lý DTNHNN

Năm 2024, trong bối cảnh thị trường quốc tế biến động phức tạp, NHNN đã thực hiện bán ngoại tệ và vàng để can thiệp thị trường nhằm hỗ trợ giảm bớt áp lực tỷ giá, ổn định thị trường ngoại tệ, thị trường vàng và đáp ứng các nhu cầu hợp pháp của nền kinh tế, qua đó góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và kiềm chế lạm phát. Bên cạnh đó, NHNN cũng chủ động rà soát, điều chỉnh linh hoạt cơ cấu, tiêu chuẩn, hạn mức đầu tư DTNHNN vừa phù hợp với diễn biến thị trường tài chính trong nước và quốc tế, vừa đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc an toàn, thanh khoản và sinh lời trong quản lý DTNHNN.

Quản lý thị trường vàng

NHNN tiếp tục triển khai các giải pháp quản lý thị trường vàng theo Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ, cụ thể: ***(i)*** Theo dõi sát diễn biến thị trường trong nước và quốc tế, sẵn sàng phương án can thiệp thị trường khi cần thiết (thực hiện đấu thầu vàng miếng, bán vàng miếng trực tiếp thông qua 04 NHTMNN và Công ty SJC); ***(ii)*** Quản lý, theo dõi chặt chẽ thị trường vàng miếng; ***(iii)*** Phối hợp với bộ, ngành, đơn vị liên quan để triển khai kiểm tra, quản lý hoạt động thị trường vàng theo chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ; ***(iv)*** Tăng cường công tác truyền thông về các chính sách quản lý thị trường vàng của Nhà nước. Song song với đó, NHNN tiếp tục hoàn thiện báo cáo tổng kết, đánh

giá tình hình thực hiện Nghị định số 24/2012/NĐ-CP để tham mưu đề xuất Thủ tướng Chính phủ các biện pháp quản lý thị trường vàng phù hợp với tình hình mới.

3. Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng

Công tác thanh tra

NHNN tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về công tác thanh tra, giám sát ngân hàng; các giải pháp về cơ cấu lại hệ thống TCTD gắn với xử lý nợ xấu; đẩy mạnh triển khai thực hiện, đảm bảo an toàn hiệu quả hoạt động theo chuẩn mực quốc tế Basel II.

Công tác thanh tra tiếp tục được đổi mới theo hướng đẩy mạnh thanh tra chuyên đề, tập trung hiệu quả nguồn lực thanh tra vào các đối tượng, lĩnh vực có tiềm ẩn rủi ro cao, dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng, sai phạm. Trong năm 2024, NHNN đã triển khai 1.412 cuộc thanh tra, kiểm tra tập trung vào các lĩnh vực, nội dung gồm: ***(i)*** Hoạt động cấp tín dụng; ***(ii)*** Việc phân loại nợ, xử lý nợ xấu, trích lập dự phòng để xử lý rủi ro; việc xử lý, thu hồi nợ ngoại bảng sau khi xử lý rủi ro; ***(iii)*** Hoạt động tư vấn, giới thiệu, cung cấp thông tin trái phiếu doanh nghiệp với khách hàng; ***(iv)*** Hoạt động phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố; ***(v)*** Việc chấp hành các quy định về hoạt động thu, chi tiền mặt; Công tác an toàn kho quỹ, quản lý và sử dụng ấn chỉ giấy tờ có giá, kiểm kê thực tế quỹ tiền mặt tại quỹ tín dụng nhân dân; ***(vi)*** Việc trang bị, quản lý, vận hành và đảm bảo an toàn hoạt động ATM; ***(vii)*** Hoạt động kinh doanh vàng... Công tác thanh tra đã phát hiện các tồn tại, sai phạm trong hoạt động của các TCTD; từ đó kiến nghị, khuyến nghị và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm để duy trì và giữ vững kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động tiền tệ và ngân hàng. Năm 2024, NHNN đã ban hành 341 quyết định xử phát vi phạm hành chính với tổng số tiền xử phạt là 44,8 tỷ đồng. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong ngành Ngân hàng; thực hiện xác minh tài sản, thu nhập trong ngành theo quy định pháp luật.

Công tác giám sát

Công tác giám sát ngân hàng tiếp tục được chú trọng, tăng cường, từng bước áp dụng các biện pháp mới và gắn kết chặt chẽ với công tác thanh tra nhằm kịp thời phát hiện, cảnh báo rủi ro, sai phạm trong hoạt động của các TCTD, góp phần bảo đảm an toàn hệ thống; trong

đó, tập trung vào một số hoạt động: xây dựng báo cáo giám sát an toàn vĩ mô đối với hệ thống các TCTD và theo nhóm TCTD, báo cáo giám sát an toàn vi mô bám sát hướng dẫn tại Sổ tay giám sát ngân hàng; thực hiện xếp hạng đối với các TCTD thuộc đối tượng quản lý theo quy định tại Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 (đã sửa đổi, bổ sung); phối hợp cung cấp thông tin với các cơ quan liên quan (Bộ Công an, tòa án nhân dân, hải quan,…) trong quá trình giám sát…

Công tác quản lý cấp phép

Năm 2024, công tác cấp phép thành lập mới, cấp phép trong quá trình hoạt động của TCTD tiếp tục được triển khai theo quy định, phù hợp với thực tiễn hoạt động của TCTD. Về cấp phép thành lập mới, NHNN đã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng đối với 02 công ty thông tin tín dụng; đang xử lý đề nghị cấp phép của các ngân hàng Hàn Quốc tại Việt Nam và hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch cụ thông tin tín dụng đối với 01 công ty thông tin tín dụng. Về cấp phép trong quá trình hoạt động của TCTD, NHNN đã xử lý đề nghị của TCTD liên quan đến các nội dung: chấp thuận việc mở rộng/thu hẹp mạng lưới hoạt động; thay đổi mức vốn điều lệ/vốn được cấp; dự kiến nhân sự; thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính; chấp thuận mua bán chuyển nhượng phần vốn góp/cổ phần; sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động; chấp thuận liên quan đến thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản; việc bổ sung nội dung hoạt động đối với các NHTM mua bắt buộc...

Công tác phòng, chống rửa tiền

Công tác phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố tiếp tục đạt được nhiều kết quả quan trọng góp phần phòng, chống tội phạm trong nước và quốc tế, bảo vệ an ninh tài chính - tiền tệ quốc gia và sự an toàn của hệ thống ngân hàng. NHNN đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành trong việc triển khai nhiều nhiệm vụ quan trọng như: ***(1)*** Tổ chức thực hiện và Báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số

941/QĐ-TTg ngày 05/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ; ***(2)*** Xây dựng và đầu mối tổ chức triển khai các nghị quyết về phê duyệt kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền giai đoạn 2018-2022 và ban hành kế hoạch sau đánh giá rủi ro quốc gia giai đoạn 2018-2022 (Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 10/5/2024; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 29/5/2024, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 15/5/2024,…); ***(3)*** Ban hành Quyết định số 06/QĐ-BCĐPCRT ngày 17/01/2024 về Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống rửa tiền; Quyết định số 507/QĐ-NHNN ngày 22/3/2024 kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố ngành Ngân hàng; ***(4)*** Thực hiện các nghĩa vụ thành viên của Việt Nam trong Nhóm Châu Á – Thái Bình Dương về phòng, chống rửa tiền (APG), đầu mối tổ chức thực hiện và báo cáo tiến triển thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (định kỳ 04 tháng/lần) gửi Nhóm rà soát chung của Lực lượng đặc nhiệm tài chính (FATF).

Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục thu thập, xử lý và chuyển giao thông tin giao dịch đáng ngờ và cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền. Năm 2024, NHNN đã xử lý khoảng 5.261 báo cáo giao dịch đáng ngờ từ các đối tượng báo cáo (hơn 80% khối lượng báo cáo nhận được); 28 văn bản trao đổi, chuyển giao, cung cấp thông tin theo đề nghị của Bộ Công an, công an các tỉnh, thành phố…; 622/630 văn bản yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu từ các cơ quan có thẩm quyền trong nước; 41/42 yêu cầu cung cấp thông tin từ các đơn vị tình báo tài chính nước ngoài; đồng thời, tiếp tục nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin vào triển khai công tác phòng, chống rửa tiền nhằm hướng tới điện tử hóa hệ thống thông tin báo cáo.

Tiếp tục triển khai Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025"; chỉ đạo các TCTD đảm bảo an toàn, hiệu quả hoạt động theo chuẩn mực quốc tế Basel II

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai cơ cấu lại hệ thống TCTD gắn với xử lý nợ xấu

Triển khai Đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm

theo Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ (Đề án 689), năm 2024, NHNN tiếp tục đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Đề án 689, trong đó tập trung: ***(1)*** Rà soát, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tiền tệ, hoạt động ngân hàng, cơ cấu lại và xử lý nợ xấu, trong đó tham mưu Chính phủ trình Quốc hội ban hàng Luật các TCTD năm 2024 trong đó Luật hóa một số nội dung về xử lý nợ xấu của các TCTD; ***(2)*** Chỉ đạo các TCTD triển khai các giải pháp nâng cao năng lực tài chính, quản trị, điều hành, xử lý nợ xấu theo các mục tiêu, giải pháp tại Đề án/ Phương án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; ***(3)*** Chỉ đạo các đơn vị trong ngành đẩy mạnh công tác truyền thông về những kết quả nổi bật về điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng, trong đó có công tác cơ cấu lại và xử lý nợ xấu của các TCTD; Luật các TCTD sửa đổi năm 2024 và các văn bản hướng dẫn, các vấn đề được dư luận quan tâm như: sở hữu chéo, kinh doanh trái phiếu, bảo hiểm, vấn đề tăng vốn điều lệ của các NHTM; ***(4)*** Tích cực phối hợp với các bộ, ngành có liên quan thực hiện nhiệm vụ Đề án 689; ***(5)*** Tham mưu trình Chính phủ ban hành các nghị quyết chuyển giao bắt buộc đối với 03 ngân hàng mua bắt buộc và Ngân hàng Đông Á làm cơ sở để NHNN ban hành các quyết định chuyển giao bắt buộc và tổ chức triển khai chuyển giao các ngân hàng này cho các ngân hàng nhận chuyển giao bắt buộc, một dấu mốc quan trọng trong lộ trình xử lý, cơ cấu lại các ngân hàng yếu kém.

Triển khai thực hiện, đảm bảo an toàn hiệu quả hoạt động theo chuẩn mực quốc tế Basel II

Năng lực quản trị, điều hành, quản lý rủi ro của các TCTD từng bước được nâng cao để tiệm cận với thông lệ quốc tế, trong đó, việc triển khai Basel II tiếp tục được các TCTD tập trung thực hiện để đáp ứng yêu cầu về an toàn vốn. Đến nay, 90 NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã áp dụng tỷ lệ an toàn vốn quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN. Các TCTD tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, điều hành, kiểm soát rủi ro và kiểm soát nội bộ theo quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN và các quy định liên quan. Đồng thời, NHNN đang nghiên cứu ban hành khuôn khổ pháp lý áp dụng tiêu chuẩn Basel II, Basel III để hướng dẫn các ngân hàng

thực hiện tính vốn theo phương pháp cơ bản (SA) và phương pháp xếp hạng nội bộ (bao gồm cả nội dung về xếp hạng nội bộ cơ bản - FIRB và xếp hạng nội bộ nâng cao - AIRB).

NHNN tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát an toàn vĩ mô và ổn định tiền tệ, tài chính; đồng thời chú trọng hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, các công cụ và chính sách an toàn vĩ mô nhằm phòng ngừa rủi ro hệ thống, hạn chế tác động tiêu cực đối với nền kinh tế.

4. Hoạt động giám sát an toàn vĩ mô hệ thống tài chính

NHNN tiếp tục củng cố, hoàn thiện khuôn khổ phân tích ổn định tài chính; tăng cường nâng cao cơ sở dữ liệu phục vụ công tác theo dõi, nhận diện, phân tích, đánh giá rủi ro tiềm ẩn tác động đến ổn định tài chính, an toàn vĩ mô; thu thập dữ liệu tài chính - vĩ mô, khảo sát rủi ro hệ thống tài chính, kiểm tra sức chịu đựng của hệ thống ngân hàng trước các cú sốc cũng như các tác động bên ngoài; hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về ổn định tài chính, các công cụ, chính sách an toàn vĩ mô nhằm ngăn ngừa rủi ro hệ thống, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến nền kinh tế.

5. Công tác pháp chế

Công tác xây dựng pháp luật

Công tác xây dựng và thực thi pháp luật tiếp tục được đẩy mạnh nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động tiền tệ - ngân hàng, góp phần tăng cường hiệu quả quản lý của nhà nước, nâng cao tính minh bạch, thống nhất của hệ thống pháp luật về ngân hàng.

Trong năm 2024, NHNN tích cực hoàn thiện thể chế pháp luật ngân hàng; chủ động rà soát để sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách, khuôn khổ pháp lý liên quan đến tổ chức và hoạt động tiền tệ, tín dụng, ngân hàng bảo đảm chặt chẽ, an toàn, phù hợp với hệ thống pháp luật Việt Nam, các cam kết, thông lệ, chuẩn mực quốc tế; sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) nhằm phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng cho người dân, doanh nghiệp; đồng thời, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về cơ cấu lại và xử lý nợ xấu của TCTD, xử lý các TCTD yếu kém bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, thống nhất, đồng bộ trong quá trình thực hiện.

Về kết quả, trong năm qua, NHNN đã trình Chính phủ, trình Quốc hội thông qua Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; đồng thời, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 05 nghị định, 02 quyết định và ban hành theo thẩm quyền 64 thông tư (trong đó có 03

nghị định, 01 quyết định và 42 thông tư để quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Các TCTD).

Công tác rà soát, hệ thống hóa và thực thi văn bản pháp luật ngân hàng

Năm 2024, NHNN đã rà soát công bố danh mục 76 văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ và 50 văn bản QPPL hết hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý của NHNN.

Đồng thời, NHNN đã thường xuyên cập nhật, theo dõi thi hành đối với các văn bản QPPL của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ mới được ban hành để để đề xuất ban hành văn bản hướng dẫn thi hành, hoặc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản QPPL theo thẩm quyền để đáp ứng yêu cầu quản lý, qua đó nâng cao tính thống nhất, minh bạch của hệ thống pháp luật ngân hàng.

6. Công tác phát hành kho quỹ

Về hoạt động phát hành và điều hòa tiền mặt

Triển khai hiệu quả công tác phát hành kho quỹ, đảm bảo an toàn hệ thống, an ninh tiền tệ.

Năm 2024, bội chi tiền mặt ở mức cao. Trong bối cảnh đó, NHNN điều hoà, cung ứng tiền mặt linh hoạt, đáp ứng đầy đủ nhu cầu cho lưu thông cả về giá trị và cơ cấu mệnh giá. Công tác điều chuyển tiền mặt trong hệ thống NHNN được thực hiện chủ động, kịp thời, đảm bảo an toàn tài sản. Dự trữ tiền mặt tại các địa phương được duy trì ở mức hợp lý, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu tiền mặt tăng cao thời điểm cuối năm, giáp tết Nguyên đán. NHNN điều chỉnh linh hoạt tỷ lệ chi tiền 500.000 VND mỗi khoản chi , đẩy mạnh chi tiền mệnh giá trung bình và nhỏ nhằm cân đối cơ cấu các loại tiền trong lưu thông; tăng cường công tác thu, đổi, tuyển chọn, phân loại tiền, làm sạch đẹp đồng tiền trong lưu thông. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông thu hồi về NHNN tiếp tục tăng (tăng 3,2% so với năm 2023). Đồng thời, NHNN đã xây dựng, thí điểm bộ tiêu chuẩn tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông dùng cho tiền polymer đang lưu hành, dự kiến ban hành áp dụng thống nhất trong hệ thống ngân hàng trong thời gian tới.

Công tác an toàn kho quỹ

Năm 2024, NHNN tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kho quỹ, đảm bảo các quy định phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Ngày 31/12/2024, NHNN ban hành Thông tư số 60/2024/TT-NHNN quy định về dịch vụ ngân quỹ cho TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được ban hành, tạo điều kiện và khuyến khích các TCTD triển khai thực hiện cung ứng dịch vụ ngân quỹ cho các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nhu cầu sử dụng dịch vụ, nhất là một số đơn vị có quy mô nhỏ lẻ, lượng tiền mặt giao dịch không lớn, điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện vận chuyển, nhân sự còn hạn chế. Từ đó, giúp nâng cao khả năng chuyên môn hoá và tính chuyên nghiệp trong hoạt động tiền tệ - kho quỹ của hệ thống ngân hàng. Đồng thời, NHNN tiếp tục triển khai có hiệu quả kiểm tra định kỳ và đột xuất công tác an toàn kho quỹ, qua đó phát hiện những tồn tại, thiếu sót, kịp thời chấn chỉnh, đảm bảo tuyệt đối an toàn tài sản.

Bên cạnh đó, NHNN đã nghiên cứu, bố trí mạng lưới cung ứng, vận chuyển tiền trong hệ thống NHNN phù hợp với đề án sát nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh và rà soát hệ thống văn bản QPPL liên quan đến công tác phát hành và kho quỹ chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy của NHNN theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII.

Công tác đấu tranh phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam

NHNN kịp thời phân tích, giám định và thông tin, cảnh báo các loại tiền giả mới xuất hiện cho hệ thống ngân hàng, Kho bạc Nhà nước; chủ động theo dõi, nắm tình hình thu giữ tiền giả trong hệ thống ngân hàng, Kho bạc Nhà nước. NHNN tiếp tục tập huấn nghiệp vụ kỹ năng phân biệt tiền thật/tiền giả cho cán bộ kiểm ngân, thủ quỹ và giao dịch viên của các tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng thực hiện các biện pháp phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam. Để hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL liên quan đến phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam và hướng dẫn việc thực hiện Nghị định số

87/2023/NĐ-CP ngày 08/12/2023 của Chính phủ, ngày 31/12/2024, Thống đốc NHNN đã ban hành Thông tư số 58/2024/TT-NHNN hướng dẫn việc xử lý tiền giả, tiền nghi giả trong ngành ngân hàng, qua đó tạo cơ sở pháp lý để các TCTD, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc phát hiện và xử lý tiền giả, tiền nghi giả thống nhất theo quy định của pháp luật.

7. Hoạt động thanh toán và chuyển đổi số

Hiện đại hóa hệ thống thanh toán

Hệ thống TTĐTLNH

Hệ thống TTĐTLNH hoạt động an toàn, hiệu quả và thông suốt, tiếp tục phát huy vai trò là Hệ thống thanh toán xương sống của quốc gia, đáp ứng nhu cầu thanh toán, chuyển tiền của các đơn vị thành viên, đồng thời thúc đẩy hoạt động thanh toán nhanh chóng, thuận tiện, chính xác, an toàn và bảo mật. Đến cuối năm 2024, hệ thống TTĐTLNH có 100 thành viên và 70 đơn vị thành viên (không bao gồm NHNN), giữ nguyên số lượng thành viên và giảm 02 đơn vị thành viên so với năm 2023. Tổng số lượng giao dịch nội tệ qua Hệ thống TTĐTLNH là 142.436 nghìn giao dịch với tổng giá trị đạt 268.180 nghìn tỷ đồng (tăng 7,43% về số lượng và tăng 32,90% về giá trị giao dịch so với cùng kỳ năm 2023).

Hệ thống thanh toán tiếp tục được hiện đại hóa, hoạt động ổn định, an toàn, tiện lợi, bảo mật, phục vụ hiệu quả nhu cầu thanh toán của nền kinh tế.

Đồ thị 12: Biến động giao dịch Hệ thống TTĐTLNH, 2020-2024

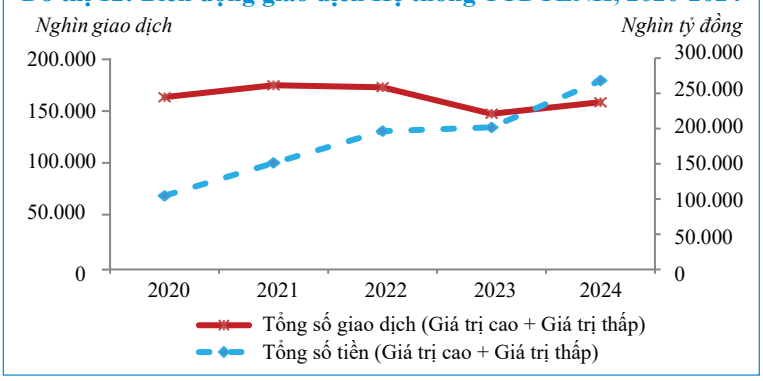

Nguồn: NHNN

Hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính

Hệ thống chuyển mạch giao dịch tài chính và bù trừ điện tử hoạt động ổn định, thông suốt đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế; xử lý khoảng 9,56 tỷ giao dịch với tổng giá trị đạt 61,05 triệu tỷ đồng (tăng 29,69% về số lượng và 15,12%

về giá trị giao dịch so với năm 2023). Hệ thống thanh toán bù trừ điện tử tự động phục vụ các giao dịch thanh toán bán lẻ (ACH) với khả năng thanh toán theo thời gian thực, hoạt động 24x7x365, xử lý giao dịch đa kênh, đa phương tiện, phục vụ nhu cầu chuyển tiền, giao dịch thanh toán bán lẻ, thanh toán các dịch vụ tiện tích. Trong năm 2024, hệ thống ACH xử lý 553,84 triệu giao dịch với giá trị đạt 4,93 triệu tỷ đồng (tăng 139,69% về số lượng và 75,17% về giá trị so với năm 2023).

Hoạt động thanh toán thẻ

Các ngân hàng tiếp tục đầu tư, nâng cao chất lượng ATM, POS và lắp đặt tại hầu hết các đơn vị cung cấp dịch vụ công, điểm bán lẻ, trung tâm thương mại, siêu thị... Đến cuối năm 2024, toàn quốc có 21.123 ATM (tăng 0,77% so với năm 2023); 737.159 POS (tăng 37,15% so với năm 2023) và 155,8 triệu thẻ ngân hàng đang lưu hành (tăng 6% so với năm 2023); 204,5 triệu tài khoản thanh toán của cá nhân (tăng 11,85% so với năm 2023).

Số lượng giao dịch qua POS đạt 716,14 triệu giao dịch với giá trị đạt 1,17 triệu tỷ đồng (giảm 1,75% về số lượng và giảm 4,40% về giá trị so với năm 2023); số lượng giao dịch qua thẻ ngân hàng đạt 2,32 tỷ giao dịch với giá trị đạt khoảng 4,45 triệu tỷ đồng (tương ứng tăng 1,83% về số lượng và giảm 2,31% về giá trị so với cuối năm 2023). Giao dịch qua ATM tiếp tục xu hướng giảm[17], với tỷ lệ giảm tương ứng là 12,83% về số lượng và 4,49% về giá trị so với năm 2023 (đạt 846,06 triệu giao dịch với giá trị đạt 2,67 triệu tỷ đồng), cho thấy các chính sách về phát triển TTKDTM phát huy hiệu quả, nhu cầu giao dịch tiền mặt của người dân đang có xu hướng giảm và được thay thế bởi các phương thức, thói quen TTKDTM.

Hoạt động thanh toán qua các kênh thanh toán điện tử

Năm 2024, hoạt động thanh toán qua các kênh thanh toán điện tử duy trì mức tăng trưởng cao so với năm 2023. Số lượng giao dịch TTKDTM đạt 17,77 tỷ giao dịch với giá trị đạt 295,18 triệu tỷ đồng (tăng 56,68% về số lượng và 32,79% về giá trị); số lượng giao dịch qua kênh

[17] Giao dịch qua ATM năm 2023 giảm 9,34% về số lượng và 9,08% về giá trị so với năm 2022.

Internet đạt 3,25 tỷ giao dịch với giá trị đạt 78,34 triệu tỷ đồng (tăng 49,73% về số lượng và 33,12% về giá trị); số lượng giao dịch qua kênh điện thoại di động đạt 12,27 tỷ giao dịch với giá trị đạt 73,85 triệu tỷ đồng (tăng 54,08% về số lượng và 34,03% về giá trị); số lượng giao dịch qua QR Code đạt 305,58 triệu giao dịch với giá trị đạt 181,68 nghìn tỷ đồng (tăng 104,65% về số lượng và 97,14% về giá trị).

Đồng thời, năm 2024, NHNN tiếp tục triển khai các chính sách về mở tài khoản thanh toán bằng phương thức điện tử (eKYC); phát hành thẻ bằng eKYC, triển khai chính sách mới về đại lý thanh toán, giúp người dân ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa có thể tiếp cận dịch vụ ngân hàng mà không cần phải đến các điểm giao dịch ngân hàng. NHNN cũng đã phối hợp tích cực với Bộ Công an và Bộ Thông tin và Truyền thông[18] triển khai thí điểm dịch vụ dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile Money), góp phần cung ứng cho nhóm khách hàng không có tài khoản ngân hàng một kênh giao dịch trực tuyến. Đến cuối năm 2024, tổng số tài khoản đăng ký và sử dụng dịch vụ Mobile-Money là hơn 10,2 triệu tài khoản, trong đó số lượng tài khoản của khách hàng đăng ký và sử dụng dịch vụ ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo là gần 7,3 triệu tài khoản (chiếm khoảng 72% tổng số tài khoản đăng ký và sử dụng dịch vụ).

Năm 2024, thị trường có sự góp mặt của 50 tổ chức không phải là ngân hàng được NHNN cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đang cung ứng dịch vụ; trong đó có 47 tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử, 48 tổ chức cung ứng dịch vụ cổng thanh toán điện tử và hỗ trợ thu hộ, chi hộ. Các tổ chức trung gian thanh toán đã tích cực hợp tác, hỗ trợ hiệu quả cho các ngân hàng trong việc đa dạng hóa và gia tăng tiện ích, tiện lợi trong cung ứng dịch vụ, mở rộng phạm vi phục vụ khách hàng, tối ưu hóa chi phí đầu tư về hạ tầng công nghệ thông tin, góp phần tích cực trong việc phát triển TTKDTM. Đến cuối năm 2024, số lượng ví điện tử đang hoạt động là gần 31,9 triệu ví, số lượng giao dịch bằng ví

[18] Nay là Bộ Khoa học và Công nghệ

điện tử được xử lý thành công đạt 4,7 tỷ giao dịch với giá trị đạt hơn 2,11 triệu tỷ đồng (tăng 11,84% về số lượng và tăng 6,9% về giá trị giao dịch so với năm 2023).

Tăng cường chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng nhằm cung ứng các sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo, an toàn, tiện lợi đến khách hàng

Triển khai Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Ngân hàng, các TCTD, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã ứng dụng các công nghệ số tiên tiến để tối ưu hóa, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ, nâng cao hiệu quả hoạt động và trải nghiệm giao dịch khách hàng. Nhiều sản phẩm, dịch vụ ngân hàng thân thiện giàu tiện ích, đem lại giá trị thiết thực và đáp ứng tốt nhu cầu đa dạng của khách hàng được các TCTD cung ứng ra thị trường. Theo kết quả khảo sát năm 2024 của NHNN: ***(i)*** 50% TCTD đã ban hành và triển khai Chiến lược ứng dụng trí tuệ nhân tạo/học máy (AI/ML) hoặc lồng ghép vào Chiến lược công nghệ; ***(ii)*** 100% các TCTD tham gia khảo sát đã ứng dụng các công nghệ dữ liệu (như phân tích dữ liệu, dữ liệu lớn, AI/ML…) cho các quy trình nghiệp vụ. Trong số đó, các quy trình có số lượng đơn vị ứng dụng nhiều nhất là cho vay cá nhân (100%), quản lý rủi ro (95%), phát hành và sử dụng thẻ ngân hàng (87,8%), cho vay doanh nghiệp (85%), mở và sử dụng TKTT (83,7%)…

Trong năm 2024, ngành Ngân hàng tiếp tục triển khai tích cực Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ[19] nhằm thúc đẩy, tạo thuận lợi cho việc cung ứng các sản phẩm, dịch vụ thanh toán an toàn, bảo mật, tiện ích, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. NHNN đã chỉ đạo các TCTD, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nghiên cứu, ứng dụng dữ liệu về dân cư, căn cước công dân (CCCD) gắn chíp, tài khoản định danh và xác thực điện tử (VneID) để làm sạch dữ liệu, nhận biết, xác minh chính xác khách hàng nhằm phòng chống, ngăn ngừa việc tội phạm mạo danh, sử dụng giấy tờ tùy thân giả mạo đăng ký sử dụng

[19] Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

dịch vụ ngân hàng cho mục đích bất hợp pháp; đồng thời nghiên cứu ứng dụng dữ liệu dân cư trong triển khai các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng thuận tiện, an toàn nhất đến với người dân, khách hàng. Đến cuối năm 2024, toàn ngành ngân hàng đã có hơn 80 triệu hồ sơ khách hàng cá nhân (CIF) được đối chiếu sinh trắc học qua CCCD gắn chip hoặc VneID; 57 TCTD đã triển khai ứng dụng thẻ CCCD gắn chip qua thiết bị tại quầy, 51 TCTD và 32 tổ chức trung gian thanh toán đã triển khai ứng dụng thẻ CCCD gắp chip qua ứng dụng Mobile app.

Công tác quản lý hoạt động thanh toán và giám sát các hệ thống thanh toán

Công tác quản lý hoạt động thanh toán và giám sát các hệ thống thanh toán của NHNN tập trung vào các nhiệm vụ: ***(1)*** Theo dõi, giám sát trực tuyến hàng ngày Hệ thống TTĐTLNH Quốc gia; ***(2)*** Theo dõi tình hình hoạt động hệ thống ATM qua nhiều kênh khác nhau; ***(3)*** Giám sát định kỳ đối với các hệ thống thanh toán quan trọng khác như: Hệ thống Thanh toán ngoại tệ, Hệ thống Thanh toán tiền giao dịch chứng khoán, Hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính; ***(4)*** Tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nhằm đảm bảo an toàn, hiệu quả hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. Bên cạnh đó, các quy định mới về giám sát các hệ thống thanh toán và hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được ban hành trong năm 2024 nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đã góp phần giảm thiểu các rủi ro phát sinh, đảm bảo các hệ thống thanh toán hoạt động an toàn, hiệu quả, thông suốt đáp ứng tốt nhu cầu thanh toán trong nền kinh tế.

8. Hoạt động ngân hàng xanh

Các giải pháp thúc đẩy hoạt động ngân hàng xanh tiếp tục được triển khai mạnh mẽ: ***(i)*** Rà soát, sửa đổi Đề án Phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam (Quyết định số 1663/QĐ-NHNN ngày 06/8/2024) nhằm tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho các đơn vị trong NHNN, các TCTD triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tại Đề án; ***(ii)*** Lồng ghép chỉ đạo các TCTD tiếp tục triển khai các nhiệm vụ tại Quyết định số 1408/QĐ-NHNN ngày 26/7/2023 về Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng

Giải pháp thúc đẩy hoạt động ngân hàng xanh tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, dư nợ tín dụng xanh tiếp tục tăng trưởng tích cực.

thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia giai đoạn 2021-2030, tập trung nguồn lực để tài trợ vốn cho các ngành, lĩnh vực kinh tế xanh, thúc đẩy thực hiện cam kết COP-26 tại Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 15/01/2024 của Thống đốc NHNN và các hội nghị về đẩy mạnh tín dụng ngân hàng; ***(iii)*** Chỉ đạo các TCTD tích cực triển khai các chương trình, chính sách tín dụng phù hợp với mục tiêu của tăng trưởng xanh như: chính sách cho vay khuyến khích các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, mô hình liên kết và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp: các chương trình tín dụng chính sách qua NHCSXH hỗ trợ người nghèo về nhà ở phòng tránh biến đổi khí hậu; chương trình cho vay phục vụ Đề án "Phát triển bền vững ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBCSL đến năm 2030" theo Quyết định số 1490/QĐ-Ttg ngày 27/11/2023; ***(iv)*** Tiếp tục theo dõi, giám sát tình hình thực hiện Thông tư số 17/2022/TT-NHNN ngày 23/12/2022 của TCTD về việc quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng để kịp thời nắm bắt các khó khăn, vướng mắc và hỗ trợ TCTD triển khai thực hiện; ***(v)*** Phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ tăng trưởng xanh và phát triển bền vững như dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về Danh mục tiêu chí phân loại xanh quốc gia và hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia, dự thảo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng trưởng xanh…; đồng thời, phối hợp với Tổ chức tài chính IFC xây dựng Sổ tay hướng dẫn hệ thống quản lý rủi ro về môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Đến cuối năm 2024, có 48 TCTD phát sinh dư nợ tín dụng xanh với tổng dư nợ đạt gần 680.000 tỷ đồng (tăng 9,5% so với cuối năm 2023), chiếm trên 4,3% tổng dư nợ toàn nền kinh tế, tập trung vào các ngành năng lượng tái tạo, năng lượng sạch (chiếm hơn 41%) và nông nghiệp xanh (trên 29%); dư nợ được đánh giá rủi ro môi trường và xã hội đạt 3,6 triệu tỷ đồng (tăng 26% so với cuối năm 2023), chiếm hơn 23% tổng dư nợ nền kinh tế.

9. Hoạt động thông tin tín dụng

Hoạt động thông tin tín dụng tiếp tục được duy trì ổn định và phát triển. CIC tập trung hoàn thiện cơ cấu tổ chức, hành lang pháp lý và chủ động chuẩn bị kế hoạch triển khai hiệu quả Thông tư số 15/2023/TT-NHNN ngày 05/12/2023 quy định về hoạt động thông tin tín dụng của NHNN (hiệu lực từ ngày 01/01/2025), tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình mở rộng và nâng cao chất lượng cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia.

Hoạt động của CIC tiếp tục được đẩy mạnh phát triển, trở thành một trong những cơ sở dữ liệu quan trọng của toàn ngành Ngân hàng, góp phần minh bạch hoá thông tin và đảm bảo an toàn, hạn chế rủi ro cho hoạt động ngân hàng.

Mở rộng và nâng cao chất lượng kho dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia

Đồ thị 13: Số lượng hồ sơ khách hàng vay trong kho dữ liệu CIC, 2020-2024

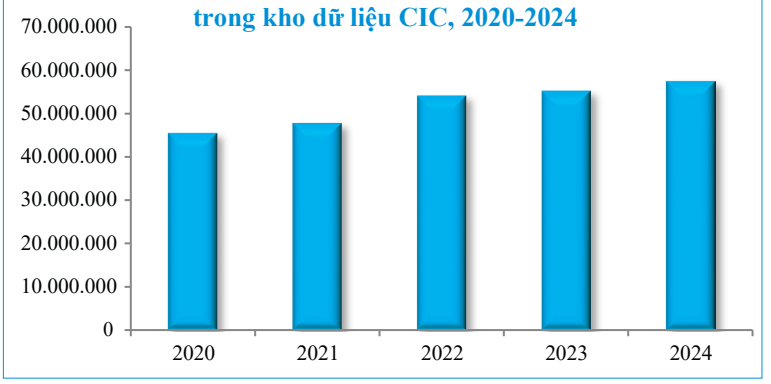

Nguồn: NHNN

Bên cạnh nguồn dữ liệu thông tin truyền thống từ 100% các TCTD, CIC đã mở rộng thêm 03 tổ chức tự nguyện tham gia hoạt động thông tin tín dụng, nâng tổng số tổ chức tự nguyện lên 63 tổ chức. Chất lượng cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia được nâng cao cả về chiều rộng và chiều sâu. Theo đó, CIC đã cơ bản hoàn thành xác thực thông tin định danh khách hàng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, trong đó tỷ lệ khớp dữ liệu và bổ sung cập nhật được thông tin định danh của khách hàng đạt 80% (trên 42 triệu khách hàng); trao đổi, thu thập thông tin từ các cơ quan quản lý nhà nước khác để cập nhật các thông tin pháp lý, thông tin báo cáo tài chính doanh nghiệp, tình trạng nợ thuế của doanh nghiệp… Năm 2024, độ phủ thông tin tín dụng tiếp tục được cải thiện, tăng hơn 1 triệu hồ sơ khách hàng, nâng tổng số hồ sơ khách hàng lên hơn 57,5 triệu hồ sơ, đạt khoảng 75% tổng số dân số trưởng thành, vượt mục tiêu đề ra cho giai đoạn 2022-2025 trong Đề án phát triển CIC đến năm

2025, định hướng 2030. Tại Báo cáo sẵn sàng kinh doanh (B-READY) năm 2024, WB công bố đánh giá nhóm chỉ tiêu về "Sự vận hành của cơ quan/công ty thông tin tín dụng" có liên quan trực tiếp đến việc triển khai hoạt động thông tin tín dụng của NHNN với 03 chỉ tiêu cụ thể bao gồm: chỉ tiêu về mức độ bao phủ thông tin của Việt Nam đạt 10 điểm (điểm tối đa 16,67), chỉ tiêu về dạng thông tin được chia sẻ đạt điểm tối đa 16,67 điểm, và chỉ tiêu về các dịch vụ bổ trợ và khả năng truy cập thông tin của khách hàng vay đạt 12,5 điểm (điểm tối đa là 16,67).

Cung cấp thông tin tín dụng

CIC tiếp tục cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của NHNN và cơ quan quản lý nhà nước khác, trong đó cung cấp gần 59 nghìn báo cáo tín dụng chi tiết (tăng 49,6% so với năm 2023) hỗ trợ công tác thanh tra, giám sát cho các đơn vị NHNN, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố. Năm 2024, số lượt khai thác của các đơn vị NHNN đạt trên 20 nghìn lượt (tăng 114% so với năm 2023). Bên cạnh đó, CIC cung cấp các sản phẩm, dịch vụ thông tin tín dụng đáp ứng nhu cầu về quản trị rủi ro của các TCTD (cung cấp trên 91,7 triệu báo cáo, tăng khoảng 16 triệu báo cáo so với năm 2023); tỷ lệ cung cấp thông tin tự động đạt trên 97% với đơn giá sản phẩm trung bình giảm 24% so với đơn giá áp dụng năm 2023 (tương đương giảm khoảng 153 tỷ đồng). Đặc biệt, CIC đã phát triển và triển khai cung cấp sản phẩm Báo cáo chi tiết quan hệ tín dụng tức thời khách hàng vay thể nhân (mã sản phẩm S11T) với thời gian trả lời dưới 0,3s để hỗ trợ các TCTD phát triển cung cấp sản phẩm bằng phương thức điện tử (cho vay online).

Đồng thời, CIC tiếp tục đẩy mạnh hoạt động dịch vụ cho khách hàng vay. Số lượng báo cáo thông tin tín dụng cung cấp trực tiếp cho khách hàng vay đạt khoảng trên 1 triệu báo cáo, tăng 67% so với cùng kỳ năm 2023. Cổng thông tin kết nối khách hàng vay của CIC năm 2024 ghi nhận hơn 57 nghìn nhu cầu được kết nối trên tổng số 355 nghìn nhu cầu vay thể nhân đăng ký, tỷ lệ tiếp cận đạt 16,1% nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế được bình đẳng và thuận lợi trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng theo chủ trương của NHNN.

Đồ thị 14: Số lượng sản phẩm, dịch vụ thông tin tín dụng do CIC cung cấp cho TCTD, 2020-2024

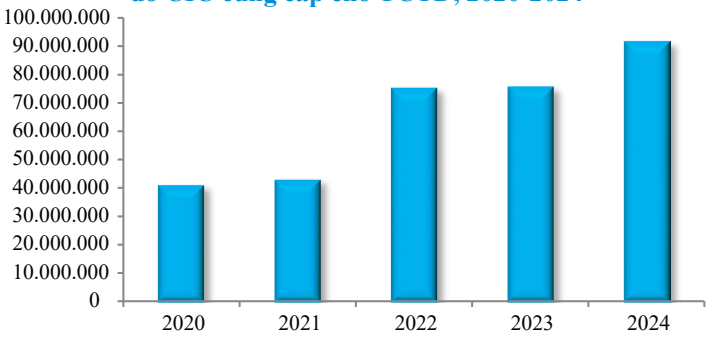

Nguồn: NHNN

Nâng cao năng lực hệ thống công nghệ thông tin, đảm bảo hệ thống thông tin tín dụng hoạt động liên tục, an toàn và bảo mật

Thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của NHNN năm 2024, máy chủ cơ sở dữ liệu chính của CIC được đầu tư, nâng cấp chuyển từ nền tảng ảo hóa sang nền tảng vật lý; dung lượng cơ sở dữ liệu tăng trưởng mạnh (gần 60TB) so với đầu năm, đạt khoảng 73TB và đã triển khai chuyển đổi dữ liệu thành công, đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng cao và đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn, liên tục của hệ thống. Bên cạnh đó, CIC đã hoàn thành triển khai dự án Đầu tư hạ tầng kết nối mạng và máy chủ tại trung tâm dữ liệu chính (DC), nâng cấp hệ điều hành và triển khai các giải pháp phòng chống mã độc, mã hóa cơ sở dữ liệu, đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin của CIC được vận hành liên tục, hiệu quả, tuân thủ các quy định về an toàn, an ninh mạng. CIC cũng đã hoàn thiện hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 và phối hợp với Cục Công nghệ thông tin, Tổ công tác của Bộ Công an và Bộ Thông tin và Truyền thông kiểm tra, đánh giá an ninh mạng, an toàn thông tin cho hệ thống kết nối cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Ngày 13/6/2024, Thống đốc NHNN đã ký Quyết định số 1130/QĐ-NHNN về việc phê duyệt cấp độ an toàn thông tin cấp độ 3 đối với hệ thống kết nối.

10. Hoạt động truyền thông, minh bạch hóa thông tin

Công tác truyền thông, minh bạch hóa thông tin tiếp tục được triển khai chủ động, sáng tạo, thống nhất, chuyên nghiệp, qua đó giữ vững được niềm tin của doanh nghiệp, người dân đối với công tác điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng, góp phần tích cực vào kết quả chung của toàn ngành.

Năm 2024, công tác truyền thông, minh bạch hóa thông tin tiếp tục được triển khai chủ động, sáng tạo, thống nhất, chuyên nghiệp trong toàn hệ thống từ trung ương đến địa phương, giữa NHNN với các TCTD, giữa các đơn vị truyền thông trong Ngành, tập trung vào các nhiệm vụ như: ***(i)*** Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về truyền thông trong hệ thống ngân hàng; ***(ii)*** Tăng cường truyền thông các chủ trương, chính sách của Chính phủ, điều hành CSTT của NHNN và hoạt động ngân hàng, trong đó tập trung vào các chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hoạt động TTKDTM và chuyển đổi số ngành Ngân hàng, về ứng dụng dữ liệu dân cư vào hoạt động nghiệp vụ ngân hàng; ***(iii)*** Tiếp tục triển khai các chương trình truyền thông giáo dục tài chính; tổ chức các sự kiện, hội thảo, hội nghị, tọa đàm về những nội dung chính sách mới, vấn đề dư luận quan tâm; tổ chức các cuộc thi liên quan đến kiến thức tài chính - ngân hàng cho học sinh, sinh viên toàn quốc[20]; ***(iv)*** Tổ chức thực hiện tốt quy định về phát ngôn và cung cấp thông tin của NHNN, đảm bảo minh bạch hóa thông tin theo đúng quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế... Nhằm thực thi chính sách thông suốt, hiệu quả, đi vào cuộc sống, NHNN chú trọng truyền thông trước, trong và sau đối với các cơ chế, chính sách mới. Phương thức truyền thông thường xuyên được đổi mới, đa dạng, đặc biệt ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động truyền thông. Bên cạnh đó, Cổng Thông tin điện tử NHNN thực hiện tốt nhiệm vụ minh bạch hóa thông tin theo các cam kết quốc tế; cung cấp thông tin chính thống của NHNN về cơ chế, chính sách điều hành, kết quả và định hướng liên quan đến các hoạt động tiền tệ - ngân hàng; thực hiện tốt vai trò tích hợp thông tin dịch vụ công trực tuyến của NHNN, hỗ trợ tích cực cho công tác cải cách hành chính, thực hiện Chính phủ điện tử.

[20] Một số chương trình giáo dục tài chính như: "Đồng tiền thông thái", "Tay hòm chìa khóa" trên VTV1. Các chương trình góp phần hiện thực hóa các mục tiêu tại Đề án về thúc đẩy thanh toán và các dịch vụ công qua ngân hàng, Đề án nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng cho nền kinh tế, Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Phần III - Quản trị nội bộ

1. Hoạt động kiểm toán nội bộ

Năm 2024, NHNN tiếp tục tổ chức triển khai hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ theo Thông tư số 06/2020/TT-NHNN ngày 30/6/2020, đồng thời từng bước chuyển đổi phương pháp kiểm toán trên cơ sở rủi ro, kế hoạch kiểm toán chi tiết đảm bảo phù hợp về thời gian và nguồn nhân lực. Theo đó, NHNN đã thực hiện kiểm toán 03 chuyên đề và 18 đơn vị/dự án, kiểm tra tại 07 đơn vị. Nội dung kiểm toán, kiểm tra tập trung rà soát, đánh giá các hoạt động, nghiệp vụ tiềm ẩn rủi ro (an toàn, an ninh hệ thống thông tin; quản lý thanh tra, giám sát các TCTD; quản lý an toàn tài sản kho quỹ; quản lý tài chính, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản…). Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục chỉ đạo các đơn vị tăng cường thực hiện tốt công tác tự kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm kịp thời chấn chỉnh các tồn tại, thiếu sót trong hoạt động; bổ sung, hoàn thiện quy trình, quy chế nội bộ, nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, điều hành; đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả, an toàn hoạt động của NHNN.

Hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ tiếp tục tập trung vào những hoạt động nghiệp vụ tiềm ẩn rủi ro, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả, an toàn hoạt động của NHNN.

2. Tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng

Công tác tổ chức bộ máy, biên chế và vị trí việc làm

Cơ cấu tổ chức của NHNN tiếp tục được sắp xếp theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động của NHNN. Năm 2024, NHNN đã xây dựng, ban hành/trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc NHNN đảm bảo không xảy ra chồng chéo, phù hợp với quy định pháp luật. Đồng thời, thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ về đổi mới, sắp xếp mô hình tổ chức bộ máy bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới, tháng 12/2024, NHNN đã thành lập Ban Chỉ đạo rà soát, sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bộ máy của NHNN do Thống đốc NHNN làm Trưởng ban và triển khai quyết liệt việc sắp xếp mô hình tổ chức

NHNN tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động; nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng.

bộ máy theo yêu cầu của Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong của NHNN được thực hiện dựa trên các nguyên tắc, định hướng sau: ***(i)*** Tổ chức bộ máy của NHNN đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ngân hàng và thực hiện chức năng NHTW, thực hiện nguyên tắc một đơn vị thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính; ***(ii)*** Sắp xếp, kiện toàn các đơn vị thuộc NHNN đảm bảo tinh gọn, giảm cấp trung gian, cụ thể hóa trách nhiệm của từng đơn vị, gắn phân cấp, phân quyền và chịu trách nhiệm; ***(iii)*** Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của NHNN trong giai đoạn mới.

Tiếp tục thực hiện Chính sách tinh giản biên chế của Chính phủ phù hợp với yêu cầu thực tiễn công tác tổ chức và thực hiện biên chế trong bộ máy nhà nước, năm 2024, NHNN đã giải quyết tinh giản biên chế đối với 04 trường hợp, trong đó 02 trường hợp được hưởng chính sách về hưu trước tuổi và 02 trường hợp được hưởng chính sách thôi việc ngay. Đồng thời, thực hiện các quy định về vị trí việc làm, biên chế công chức tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ và thông tư hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực, ngày 11/12/2024, Thống đốc NHNN đã ban hành Quyết định số 2656/QĐ-NHNN phê duyệt Đề án Vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị hành chính thuộc NHNN làm cơ sở cho các đơn vị xây dựng Đề án Vị trí việc làm và bản mô tả công việc của đơn vị.

Về tuyển dụng công chức, năm 2024, NHNN triển khai công tác tuyển dụng đảm bảo tuân thủ đầy đủ, nghiêm túc các quy trình, quy định của pháp luật để lựa chọn được ứng viên có chất lượng đầu vào tốt, đáp ứng được yêu cầu vị trí việc làm. Năm 2024, NHNN tổ chức thi tuyển bằng 02 hình thức: thi tuyển theo Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 và xét tuyển theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ. Trong đó, NHNN tiếp tục thực hiện thi tuyển bằng hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính nhằm nâng cao hơn nữa tính minh bạch trong tuyển dụng, rút ngắn thời gian, chi phí thi tuyển và thực

hiện cải cách hành chính. Căn cứ chỉ tiêu biên chế được giao, NHNN đã tuyển dụng 41 công chức loại C vào làm việc tại Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, trong đó có 05 trường hợp là sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; 7 viên chức hạng III vào làm việc tại Viện Chiến lược Ngân hàng theo danh mục vị trí việc làm cần tuyển dụng. Về công tác cán bộ, NHNN tiếp tục rà soát, ban hành các quy định, hướng dẫn có liên quan, bao gồm: ***(i)*** Quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị thuộc NHNN quản lý; ***(ii)*** Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, miễn nhiễm, từ chức, điều động, biệt phái công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị thuộc NHNN; ***(iii)*** Quy định về phân cấp quản lý các chức danh lãnh đạo tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc NHNN quản lý. Trong tổ chức triển khai, NHNN thực hiện đầy đủ, đúng thẩm quyền, quy định các khâu trong quy trình công tác cán bộ, có sự chuẩn bị về kế hoạch nhân sự. Các vị trí công tác được bố trí đúng người, đúng việc và phát huy được năng lực, sở trường của cán bộ, hạn chế tối đa hiện tượng thiếu hụt cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực

Công tác đào tạo, bồi dưỡng luôn được chú trọng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo bồi dưỡng, tập trung vào tính thiết thực và khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng, theo vị trí việc làm, qua đó góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của NHNN. Năm 2024, NHNN đã cử 12.179 lượt công chức, viên chức và người lao động tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước, hoàn thành vượt mức về mặt số lượng (đạt 328,1% kế hoạch)[21], đảm bảo về tiến độ, nội dung sát với yêu cầu thực tế, với các hình thức đa dạng và phù hợp với từng nhóm đối tượng. NHNN tập trung cử cán bộ tham giá các khóa đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý nhà nước và nghiệp vụ chuyên môn sâu ở nước ngoài. Mục tiêu là đáp ứng tiêu chuẩn chức danh quy hoạch, bổ nhiệm lãnh đạo quản lý, cập nhật kiến thức và kĩ năng mới. Đặc biệt, ưu tiên đào tạo

[21] Số lượt cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng tăng cao so với kế hoạch đề ra do NHNN tích cực triển khai các khóa học theo hình thức E-learning và lớp học ảo (tỷ lệ số lượt cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng bằng hình thức Elearning/tổng số lượt cán bộ tham gia là 46,3%, tăng đáng kể so với giai đoạn 2020-2023 (8,2%).

công chức làm việc trong lĩnh vực thanh tra, giám sát ngân hàng, thanh toán, công nghệ thông tin và chuyển đổi số… Đồng thời, NHNN tiếp tục huy động và tranh thủ các nguồn hỗ trợ quốc tế thông qua các chương trình, dự án hợp tác với các tổ chức quốc tế NHNN chú trọng cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý nhà nước và các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn sâu ở nước ngoài nhằm đáp ứng tiêu chuẩn chức danh quy hoạch, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo quản lý và cập nhật kiến thức, kỹ năng tiên tiến; ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng các công chức công tác trong lĩnh vực thanh tra, giám sát ngân hàng, thanh toán, công nghệ thông tin, chuyển đổi số… Đồng thời, NHNN tiếp tục huy động, hợp tác và tranh thủ các nguồn hỗ trợ quốc tế (IMF, SEACEN, ADB, WB), các cơ quan phát triển song phương (JICA (Nhật Bản), GIZ (Đức), SECO (Thụy Sỹ), CIDA (Canada), FSS (Hàn Quốc), ATTF (Luxembourg), chương trình học bổng chính phủ Úc và các NHTW đối tác như Đức, Singapore, Thụy Điển, Thái Lan, Malaysia… Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục triển khai các đề án hướng đến phát triển nguồn nhân lực như: Đề án đào tạo chuyên gia, Đề án xây dựng và phát triển đội ngũ Giảng viên kiêm chức; Chương trình hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trong lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu, xây dựng Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nguồn cho các vị trí lãnh đạo, quản lý của NHNN đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

3. Công tác nghiên cứu khoa học

Hoạt động khoa học và công nghệ tiếp tục bám sát các mục tiêu, định hướng của Ngành, đóng góp đáng kể vào nghiên cứu lý luận và thực tiễn cho hoạt động của ngành trong bối cảnh cuộc cách

Hoạt động khoa học và công nghệ tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo NHNN. Năm 2024, NHNN đã phê duyệt triển khai 06 nhiệm vụ cấp bộ, tập trung vào các vấn đề: ***(i)*** Nghiên cứu các luận cứ khoa học và thực tiễn hỗ trợ cho công tác điều hành CSTT, tín dụng, tỷ giá và quản lý ngoại hối; ***(ii)*** Nghiên cứu hỗ trợ mục tiêu nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng; ***(iii)*** Các nội dung liên quan đến hiện đại hóa mô hình thu thập và quản lý dữ liệu thống kê, báo cáo của NHNN trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0; ***(iv)*** Nghiên cứu các nội dung liên quan đến công nghệ thông tin và

phát triển dịch vụ ngân hàng; ***(v)*** Nghiên cứu về phát triển các TCTD; nghiệp vụ NHTM; củng cố và đổi mới hệ thống quản trị ngân hàng phù hợp với thông lệ quốc tế; ***(vi)*** Các nghiên cứu hỗ trợ liên quan đến hoàn thiện mô hình, xây dựng tiêu chuẩn và khung năng lực các vị trí lãnh đạo tại các TCTD... Đồng thời, NHNN đã hoàn thành kết quả nghiên cứu 02 đề tài cấp quốc gia "Thúc đẩy tài chính toàn diện và bền vững, thông qua cải thiện thể chế, hiểu biết tài chính và công nghệ tài chính", "Kỷ luật thị trường trong hệ thống ngân hàng" và đang triển khai nghiên cứu đề tài "Tác động của rào cản năng lượng tới sự tồn tại, tăng trưởng và quốc tế hóa của doanh nghiệp: Nghiên cứu thực tiễn của Việt Nam".

mạng khoa học công nghệ 4.0 và quá trình chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ.

Đối với hoạt động hội thảo, tọa đàm khoa học, NHNN đã tổ chức 01 tọa đàm quốc tế với chủ đề "Hướng tới một tương lai bền vững: Tăng cường hợp tác tài chính Việt Nam - Hàn Quốc"; 04 hội thảo cấp bộ liên quan đến tín dụng, tài chính cá nhân với các chủ đề: "Tài chính vi mô cho thúc đẩy tài chính toàn diện – thực trạng và giải pháp"; "Phát triển triển lành mạnh tín dụng tiêu dung, đẩy lùi "tín dụng đen"; "Tín dụng cho nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp"; "Hoạch định tài chính cá nhân hướng tới tài chính toàn diện tại Việt Nam".

4. Công tác thống kê

Để tiếp tục nâng cao chất lượng công tác thống kê, NHNN tích cực đôn đốc và hướng dẫn các TCTD thực hiện báo cáo thống kê đảm bảo chính xác, kịp thời, đầy đủ phục vụ công tác phân tích, dự báo, điều hành CSTT của NHNN. Ngoài ra, NHNN đẩy mạnh công tác kiểm tra, cảnh báo/chấn chỉnh, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong quá trình thực hiện quy định báo cáo thống kê của NHNN. NHNN tiếp tục triển khai các cuộc điều tra chính thức[22] và công bố kết quả trên Cổng thông tin điện tử của NHNN nhằm giúp các nhà hoạch định chính sách nắm bắt xu hướng diễn biến và kỳ vọng trên thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Đồng thời, NHNN tiếp

Chất lượng công tác thống kê tiếp tục được nâng cao, góp phần phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành.

[22] Điều tra kỳ vọng lạm phát theo định kỳ tháng, Điều tra xu hướng kinh doanh theo định kỳ quý, Điều tra xu hướng tín dụng định kỳ 6 tháng đối với các TCTD theo hình thức trực tuyến và tiếp tục triển khai thí điểm cuộc Điều tra kỳ vọng lạm phát đối với các chuyên gia kinh tế định kỳ quý.

tục cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu về kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính trong nước và quốc tế; định kỳ theo dõi, đánh giá mối liên kết giữa khu vực tài chính với khu vực phi tài chính; chia sẻ cho các đơn vị liên quan, góp phần phục vụ cho công tác phân tích, dự báo, hoạch định và điều hành CSTT của NHNN. Bên cạnh đó, NHNN khẩn trương nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu tài chính toàn diện quốc gia; đồng thời phối hợp với Tổng cục Thống kê tiến hành điều tra các chỉ tiêu về tiếp cận tài chính cá nhân trong khuôn khổ cuộc điều tra quốc gia về Lao động, việc làm năm 2024 nhằm thu thập số liệu phục vụ công tác giám sát, đánh giá Chiến lược tài chính toàn diện Quốc gia.

5. Công nghệ thông tin

Tăng cường quản lý nhà nước về công nghệ thông tin; phát triển, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin của NHNN đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống.

NHNN ban hành các văn bản QPPL và các văn bản hướng dẫn về công nghệ thông tin, chuyển đổi số (02 thông tư, 01 chỉ thị, 05 kế hoạch và nhiều quyết định). Song song với đó, NHNN đã hoàn thành 100% kế hoạch kiểm tra về công nghệ thông tin tại 20 đơn vị, trong đó bao gồm 6 đơn vị thuộc NHNN, 14 TCTD. Đồng thời, trong năm 2024, NHNN đã đẩy mạnh triển khai các hoạt động phát triển, hiện đại hóa công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cụ thể: ***(1)*** Triển khai 02 hệ thống thông tin quan trọng gồm: hệ thống phục vụ công tác giám sát hoạt động của QTDND và tổ chức tài chính vi mô; hệ thống quản lý văn bản điều hành và lưu trữ mới. Đồng thời, triển khai hệ thống hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán (SIMO) đến 103 đơn vị là các ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; ***(2)*** Triển khai 11 hệ thống thông tin nghiệp vụ chính nhằm đảm bảo an toàn, thông suốt, phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý, điều hành, báo cáo của NHNN như: Hệ thống TTĐTLNH, Hệ thống ngân hàng lõi, Hệ thống báo cáo NHNN, Hệ thống dịch vụ công và một cửa điện tử, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của NHNN (Edoc)…; ***(3)*** Triển khai đầy đủ các nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Tổ Công tác triển khai Đề án 06 giao tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 phê duyệt Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; ***(4)*** Định kỳ rà soát, xác định cấp độ, đánh giá rủi ro

và cập nhật phương án bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin của NHNN; lập kế hoạch và thực hiện kiểm tra, đánh giá cho 18/18 hệ thống thông tin; kịp thời gửi 33 lượt công văn và email cảnh báo về các rủi ro, lỗ hổng bảo mật và chỉ đạo, hướng dẫn các TCTD triển khai giải pháp phòng, chống. ***(5)*** Tổ chức quản lý, vận hành, bảo trì thường xuyên các hệ thống công nghệ thông tin (trung tâm dữ liệu chính, trung tâm dữ liệu dự phòng, hệ thống mạng, máy chủ, cơ sở dữ liệu,…); ***(6)*** Tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng để tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin như phối hợp với Cục An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao (Bộ Công an) tổ chức đoàn kiểm tra chuyên đề về công tác bảo đảm an toàn thông tin tại các TCTD, Cục An toàn thông tin[23] (Bộ Thông tin và Truyền thông) tổ chức các chương trình diễn tập an toàn thông tin cho các đơn vị trong ngành Ngân hàng; thiết lập kênh trao đổi thông tin nhanh để xử lý kịp thời các trang website giả mạo ngân hàng.

[23] Chấm dứt hoạt động từ 01/3/2025.

Phần IV - Hợp tác quốc tế

Năm 2024, hoạt động hợp tác quốc tế của NHNN đã được triển khai hiệu quả trong bối cảnh môi trường quốc tế tiếp tục diễn biến phức tạp với những biến động khó lường, tác động không nhỏ đến nền kinh tế có độ mở lớn như Việt Nam. NHNN tiếp tục tập trung duy trì và phát triển quan hệ với các đối tác quốc tế; tăng cường huy động các nguồn lực hỗ trợ tài chính, kỹ thuật, tư vấn; đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngành ngân hàng và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Nhờ đó, ngành ngân hàng đã đạt được các kết quả đáng ghi nhận về hợp tác quốc tế như: ngày càng khẳng định vị thế và thể hiện vai trò tích cực trong việc triển khai các hoạt động hợp tác đa phương; mở rộng tiến trình tự do hóa dịch vụ tài chính, ngân hàng thông qua việc tham gia đàm phán, ký kết, nâng cấp và sửa đổi các hiệp định thương mại tự do (FTA); tham gia và thúc đẩy hợp tác tại các định chế kinh tế, tài chính toàn cầu như IMF, WB, ADB, AIIB, BIS… nhằm nắm bắt các xu thế, động lực phát triển mới, tranh thủ hỗ trợ tư vấn chính sách, thu hút nguồn lực phục vụ phát triển, đẩy mạnh cải cách nền kinh tế hướng đến tiêu chuẩn của các nước đang phát triển; tiếp tục tham gia các Ủy ban Liên Chính phủ, Tổ/Nhóm công tác ngân hàng với các nước đối tác như Lào, Campuchia...

1. Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế

Hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới và khu vực.

Trong năm 2024, NHNN tiếp tục chủ động triển khai công tác hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng, tích cực tăng cường mối quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác toàn diện trong khuôn khổ hợp tác ASEAN, ASEAN+3, APEC, WTO, SEACEN...

Trong khuôn khổ hợp tác ASEAN, với phương châm coi mối quan hệ hợp tác trong ASEAN là trọng tâm, nòng cốt trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ngành ngân hàng, năm 2024, NHNN tiếp tục thể hiện vai trò chủ động, dẫn dắt trong tiến trình hợp tác ngân hàng ASEAN thông qua việc đảm nhận các vai trò/vị trí quan trọng trong các tiến trình hợp tác và tích cực phối hợp với các thành viên xây dựng, triển khai các sáng kiến liên quan tới

các hoạt động của NHTW với tinh thần trách nhiệm cao nhất nhằm góp phần hiện thực hóa tầm nhìn Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) 2025. Kết quả đáng ghi nhận từ các sáng kiến của các Nhóm công tác đã góp phần tăng cường tài chính toàn diện trong khu vực, thúc đẩy tự do hóa hơn nữa tài khoản vốn của các quốc gia ASEAN, tăng cường kết nối hệ thống thanh toán nội khối ASEAN và thúc đẩy các luồng lưu chuyển vốn nội khối, hướng tới mục tiêu kết nối đa phương trong khu vực ASEAN. Đáng chú ý, năm 2024, NHNN đã tiếp nhận vai trò đồng chủ trì Ủy ban cấp cao về hội nhập tài chính ASEAN (SLC) nhiệm kỳ 2024-2025 cùng với NHTW Indonesia. Đây là kênh điều phối hợp tác ASEAN ở cấp Phó Thống đốc NHTW nhằm thúc đẩy hội nhập tài chính ngân hàng và thực hiện các mục tiêu của AEC. Tháng 9/2024, NHNN đã đăng cai tổ chức và cùng với NHTW Indonesia đồng chủ trì thành công Hội nghị SLC lần thứ 28 tại TP. Đà Nẵng. Đây là tiền đề để NHNN tiếp tục triển khai và hoàn thành trọng trách đồng chủ trì SLC do các thành viên ASEAN tín nhiệm và tin tưởng giao phó; đồng thời góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam nói chung và NHNN nói riêng trong tiến trình hội nhập ngân hàng trong khu vực, phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về công tác đối ngoại đa phương trong lĩnh vực ngân hàng.

Trong khuôn khổ hợp tác ASEAN+3, NHNN đã tích cực, chủ động phối hợp với Cơ quan Nghiên cứu Kinh tế vĩ mô khu vực ASEAN+3 (AMRO) và các nước ASEAN+3 tiếp tục triển khai định kỳ các hoạt động giám sát kinh tế vĩ mô khu vực ASEAN+3 và thảo luận về các sáng kiến nhằm nâng cao tính sẵn sàng của Thỏa thuận Đa phương hóa Sáng kiến Chiềng Mai (CMIM) như xây dựng mức lãi suất CMIM phù hợp với diễn biến thị trường, qua đó góp phần nâng cao khả năng tiếp cận CMIM cho các thành viên khi gặp khó khăn về thanh khoản và cán cân thanh toán. Năm 2024 ghi nhận kết quả nổi bật trong tiến trình hợp tác ASEAN+3 với việc Thống đốc NHTW và Bộ trưởng Tài chính khu vực chính thức phê duyệt việc thiết lập Thể thức Hỗ trợ nhanh (RFF) trong khuôn khổ CMIM nhằm đa dạng hóa các thể thức hỗ trợ cho các thành viên trong trường hợp phải đối mặt với các cú sốc ngoại sinh như thiên tai, dịch bệnh. NHNN đang cùng các thành viên ASEAN+3 cơ bản hoàn tất việc sửa đổi lời

văn Thỏa thuận CMIM và Hướng dẫn thực hiện CMIM để xây dựng cơ sở pháp lý cho thể thức RFF. Đáng chú ý, tháng 5/2024, các Bộ trưởng Tài chính và Thống đốc NHTW ASEAN+3 đã nhất trí về những lợi ích của cơ chế góp vốn thực (paid-in capital-PIC) để nâng cao hiệu quả của mạng lưới an toàn tài chính khu vực và giao các Thứ trưởng Tài chính và Phó Thống đốc NHTW ASEAN+3, với sự hỗ trợ của AMRO, tiến hành nghiên cứu kỹ lưỡng các mô hình PIC để tìm ra cơ chế góp vốn thực phù hợp cho CMIM.

Trong quan hệ với các đối tác, NHNN đã thiết lập và duy trì mối quan hệ hợp tác chặt chẽ, tốt đẹp ở các cấp với các cơ quan quản lý tài chính, ngân hàng của các nước đối tác lớn, góp phần kịp thời trao đổi, chia sẻ thông tin, duy trì lòng tin và thúc đẩy tình hữu nghị giữa hai bên, phù hợp với chủ trương, đường lối đối ngoại đa phương của Đảng. Trong khuôn khổ hợp tác với Bộ Tài chính Mỹ, NHNN và Bộ Tài chính Mỹ thường xuyên duy trì các kênh đối thoại chính sách các cấp. Nhằm hiện thực hoá cam kết tại Tuyên bố chung của Thống đốc NHNN và Bộ trưởng Tài chính Janet Yellen vào tháng 7/2023, trong năm 2024, NHNN đã tổ chức hai phiên Đối thoại Chính sách Kinh tế vĩ mô và Tài chính cấp cao với Bộ Tài chính Mỹ để trao đổi, thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm về tình hình, triển vọng kinh tế vĩ mô, công tác điều hành và hiện đại hóa khuôn khổ CSTT cũng như các vấn đề hai bên cùng quan tâm.

Trong khuôn khổ hội nhập kinh tế giai đoạn hậu WTO, NHNN tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý nhằm định hướng hoạt động của ngành theo đúng lộ trình hội nhập sâu rộng trong WTO. Đối với các nội dung liên quan tới lĩnh vực ngân hàng, NHNN triển khai đầy đủ công tác rà soát, cung cấp các thông tin để xây dựng Báo cáo Rà soát chính sách thương mại, báo cáo định kỳ cập nhật về các biện pháp thương mại qua đó góp phần cải thiện việc tuân thủ các nguyên tắc của WTO và cam kết của Việt Nam trong các hiệp định thương mại đa phương và các hiệp định nhiều bên, tăng cường tính minh bạch, sự hiểu biết về các chính sách và thực tiễn thương mại của Việt Nam.

Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục triển khai hiệu quả tiến trình tự do hóa dịch vụ tài chính thông qua khai thác lợi thế và hạn chế các rủi ro, tác động bất lợi từ việc tham gia các FTA. Năm 2024, NHNN đã tích cực, chủ động tham gia đàm phán các cam kết về dịch vụ tài chính - ngân hàng tại các FTA như Hiệp định Việt Nam - UAE, Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Canada, Hiệp định khung về Kinh tế số ASEAN (DEFA)… Quá trình đàm phán, thực thi cam kết tại các FTA luôn hướng tới mục tiêu áp dụng các chuẩn mực cao hơn, được quốc tế công nhận trong lĩnh vực ngân hàng nhằm nâng cao tiêu chuẩn, năng lực cạnh tranh của hệ thống TCTD trong nước; hoàn thiện và đổi mới khuôn khổ pháp lý về điều hành CSTT theo hướng chủ động, dẫn dắt thị trường, linh hoạt và đảm bảo mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Đồng thời, NHNN cũng chủ động tham gia và cung cấp các thông tin liên quan phục vụ cho các phiên giải trình kinh tế thị trường, hướng tới vận động Mỹ công nhận quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam; phối hợp và cung cấp thông tin cho các bộ, ngành liên quan phục vụ cho các vụ việc điều tra chống trợ cấp và chống bán phá giá đối với các doanh nghiệp Việt Nam.

2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế

NHNN tiếp tục duy trì, phát triển quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính, tiền tệ, ngân hàng quốc tế, tiếp tục hoàn thành tốt vai trò là đại diện của Chính phủ Việt Nam và bảo vệ quyền lợi của Việt Nam tại các tổ chức này.

Với IMF, năm 2024 là mốc thời gian quan trọng khi IMF thực hiện những cải cách quan trọng liên quan đến củng cố nguồn lực nhằm tăng cường khả năng hỗ trợ các nước hội viên ứng phó với khủng hoảng, điều chỉnh các công cụ hỗ trợ tài chính đáp ứng nhu cầu thời đại và nhu cầu của từng nước, qua đó nâng cao hiệu quả cho vay các nước hội viên gặp khó khăn về cán cân thanh toán, cũng như tăng cường vai trò giám sát kinh tế vĩ mô và hệ thống tài chính toàn cầu với mục tiêu cải thiện khả năng phòng ngừa xảy ra tình huống khủng hoảng. Với vai trò đại diện cho Chính phủ, NHNN đã chủ động, tích cực tham gia vào các cuộc thảo luận xây dựng chính

Mở rộng hợp tác và tăng cường vị thế tại các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế.

sách, hướng tới đảm bảo cân bằng, hài hòa giữa lợi ích quốc gia với yêu cầu của IMF, tích cực phối hợp với các nước trong Nhóm Đông Nam Á thống nhất quan điểm, tiếng nói về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Quỹ. Bên cạnh đó, năm 2024, NHNN tiếp tục đón và làm đầu mối thu xếp chương trình làm việc cho các Đoàn đánh giá định kỳ của IMF (02 Đoàn Cán bộ và 01 Đoàn Điều IV). Đoàn đã có các buổi làm việc với các Bộ, ngành, các doanh nghiệp, ngân hàng, quỹ đầu tư nhằm đưa ra các nhận định, đánh giá về tình hình, triển vọng kinh tế vĩ mô, tài chính, công tác điều hành của Chính phủ và đưa ra các khuyến nghị chính sách liên quan. Ngoài ra, hoạt động hỗ trợ kỹ thuật tiếp tục được triển khai trong các lĩnh vực dự báo và phân tích chính sách, đánh giá ổn định khu vực tài chính, thống kê khu vực đối ngoại, kiểm toán nội bộ và phòng, chống rửa tiền. Hoạt động tăng cường năng lực trong năm có bước tiến triển tích cực, phong phú về hình thức đào tạo với nhiều khóa đào tạo trong và ngoài nước cho trên 50 cán bộ NHNN.

Với BIS, quan hệ hợp tác giữa NHNN và BIS tiếp tục được triển khai sâu rộng và hiệu quả trên nhiều lĩnh vực. Lãnh đạo NHNN đã tích cực tham gia năm cuộc họp cấp cao do BIS tổ chức, bao gồm các kỳ họp định kỳ của Hội đồng Tư vấn Châu Á (ACC), với các chủ đề thiết thực như CSTT trong bối cảnh biến động giá cả, điều hành tín dụng, xu hướng dòng vốn, và dữ liệu trong hoạt động NHTW. Qua đó, NHNN không chỉ cập nhật kinh nghiệm điều hành từ các nước trong khu vực mà còn chia sẻ các chính sách và định hướng phát triển kinh tế – tài chính của Việt Nam, đóng góp tiếng nói tích cực vào các thảo luận đa phương. Đặc biệt, việc Thống đốc NHNN chính thức đảm nhận vai trò Chủ tịch ACC nhiệm kỳ 2024-2026 đã đánh dấu một bước tiến quan trọng, thể hiện sự ghi nhận của cộng đồng quốc tế đối với vai trò ngày càng chủ động và có trách nhiệm của NHNN. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục là thành viên tích cực của nhiều cơ chế hợp tác kỹ thuật trực thuộc BIS như Ủy ban Irving Fisher về Thống kê NHTW (IFC), Trung tâm Đổi mới sáng tạo (BISIH), Hiệp hội Bảo hiểm tiền gửi quốc tế (IADI). Đặc biệt, tháng 9/2024, NHNN đã chính thức trở thành thành viên Nhóm Tư vấn Basel (BCG) thuộc Ủy ban Basel về Thanh tra, giám sát ngân hàng (BCBS), tạo

tiền đề để Việt Nam tham gia sâu hơn vào quá trình xây dựng và chia sẻ chuẩn mực giám sát ngân hàng toàn cầu. Hoạt động đào tạo và tăng cường năng lực cán bộ tiếp tục là điểm sáng trong hợp tác BIS (Ngân hàng Thanh toán quốc tế). Trong năm 2024, NHNN đã cử 42 lượt cán bộ tham gia hội nghị, khóa học và chương trình biệt phái do BIS tổ chức, tập trung vào các chủ đề cốt lõi như quản lý dự trữ ngoại hối, điều hành CSTT và quản trị rủi ro.

Với WB, quan hệ hợp tác Việt Nam-WB tiếp tục được củng cố và tăng cường. Các buổi tiếp và làm việc cấp cao giữa lãnh đạo Việt Nam và WB thể hiện nỗ lực không ngừng của hai bên trong việc tăng cường quan hệ hợp tác, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong danh mục tài trợ, qua đó nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn hỗ trợ quý báu của WB. Hiện NHNN đang triển khai "Bản Ghi nhớ với IFC về phát triển ngân hàng xanh và bền vững giai đoạn 2022-2026" nhằm xây dựng công cụ giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý rủi ro môi trường và xã hội; hỗ trợ kỹ thuật "Tăng cường Phát triển và Lành mạnh khu vực Ngân hàng Việt Nam" do Cục Kinh tế Liên bang Thụy Sỹ (SECO) tài trợ ủy thác qua WB trị giá khoảng 7,2 triệu USD kết thúc thời gian thực hiện tháng 10/2024 đã giúp tăng cường phát triển và lành mạnh khu vực ngân hàng, xử lý tồn tại, hạn chế về cơ cấu trong hệ thống ngân hàng, hướng đến đáp ứng chuẩn mực quốc tế và góp phần ổn định kinh tế - tài chính vĩ mô.

Với ADB, sự kiện đối ngoại nổi bật trong năm 2024 là Lễ kỷ niệm 30 năm quan hệ đối tác Việt Nam – ADB được tổ chức vào ngày 13/3/2024 tại NHNN, đánh dấu chặng đường 30 năm hợp tác, phát triển giữa Việt Nam và ADB, đồng thời mở ra một chương mới trong giai đoạn tiếp theo. Bên cạnh đó, Lãnh đạo ADB và Lãnh đạo Chính phủ đã có nhiều buổi làm việc để cùng trao đổi về định hướng, tăng cường hiệu quả hợp tác giữa hai bên. Ngoài ra, được sự uỷ quyền của Chủ tịch nước và Chính phủ, đại diện NHNN đã ký với đại diện ADB Hiệp định viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả tại một số tỉnh miền Bắc bị thiệt hại nghiêm trọng bởi bão Yagi và lũ lụt trị giá 2 triệu USD vào ngày 24/12/2024. Trong năm 2024, NHNN cũng đã phối hợp, thực hiện đầy đủ

nghĩa vụ bỏ phiếu để thông qua các chính sách/nghị quyết quan trọng của ADB về thay đổi nhân sự chủ chốt (bầu Chủ tịch mới), gia nhập, thay đổi vị thế của các quốc gia thành viên, sửa Hiến chương thành lập ADB…

Với AIIB, NHNN tiếp tục giữ vững vai trò là một thành viên tích cực thông qua việc tham gia góp ý các văn bản chính sách, đề xuất dự án; giám sát công tác quản trị tổ chức, danh mục đầu tư, tình hình tài chính và quản trị rủi ro…, góp phần đảm bảo AIIB hoạt động an toàn, đúng tôn chỉ của một tổ chức tài chính quốc tế minh bạch, uy tín. Năm 2024, AIIB đã nghiên cứu thảo luận và đưa vào thực hiện nhiều chính sách mới, bao gồm: ***(1)*** Chiến lược đầu tư vào lĩnh vực y tế, ***(2)*** Chương trình hành động về bình đẳng giới, ***(3)*** Chính sách tài trợ cho khí hậu dựa trên chính sách nhằm mục đích giúp các thành viên AIIB thực hiện kế hoạch quốc gia về tài trợ cho khí hậu bằng cách hỗ trợ Chính phủ các nước thành viên thực hiện các hành động cải cách cần thiết để xây dựng hoặc cải thiện khả năng phục hồi khí hậu và/hoặc tạo điều kiện cho các khoản đầu tư quy mô lớn và xanh hơn từ cả khu vực công và tư nhân. Tại Nhóm nước số 7[24], Việt Nam với vai trò là Cố vấn Giám đốc Nhóm nước đã tích cực đóng góp vào quá trình thảo luận: ***(i)*** xây dựng và sửa đổi các văn bản hướng dẫn hoạt động của Nhóm nước; ***(ii)*** việc hình thành và cơ chế phân bổ vị trí Giám đốc phụ khuyết thứ hai của Nhóm nước; ***(iii)*** kết nạp thành viên mới vào Nhóm nước. Năm 2024 đánh dấu mốc phát triển vượt bậc trong mối quan hệ giữa Việt Nam và AIIB, thể hiện qua các chuyến thăm và làm việc tại Việt Nam của Chủ tịch và Phó Chủ tịch AIIB, cũng như hàng loạt các cuộc gặp gỡ bên lề các sự kiện quốc tế giữa Thủ tướng Chính phủ Việt Nam và Chủ tịch Ngân hàng AIIB. Thông qua các hoạt động này, hai bên đã thể hiện sự nhất trí cao về đường lối phát triển mối quan hệ giữa hai bên, tạo nền tảng cho AIIB tham gia vào các dự án cơ sở hạ tầng giá trị lớn tại Việt Nam, đặc biệt là các dự án phát triển các tuyến đường sắt, kết nối các vùng trọng điểm kinh tế của Việt Nam.

[24] Nhóm nước số 7 tại AIIB bao gồm: Úc, Niu DI lân, Việt Nam, Singapore, Đảo Cúc.

Trong năm 2024, NHNN đã tăng cường hợp tác với các đối tác quốc tế như WB, ADB, IFC, DSIK, UN, ASEAN, UK, EU... thu hút các nguồn lực hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, trọng tậm của ngành ngân hàng, trong đó tập trung vào: ***(i)*** các hoạt động hỗ trợ triển khai Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia như chuẩn bị Họp Ban Chỉ đạo Quốc gia về Tài chính toàn diện lần 2 do Thủ tướng Chính phủ chủ trì; sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện 2021-2026 và nghiên cứu định hướng cho giai đoạn tiếp theo tới 2030; thúc đẩy các hoạt động về giáo dục tài chính, ưu tiên tới các đối tượng còn hạn chế về kiến thức và điều kiện tiếp cận tới các dịch vụ tài chính, ngân hàng và ***(ii)*** các hoạt động hỗ trợ về tăng trưởng xanh, tín dụng xanh, phát triển thị trường tài chính xanh, bền vững hướng tới mục tiêu hoàn thành các cam kết của Việt Nam tại Hội nghị các bên về Biến đổi Khí hậu của Liên hợp quốc (COP26); triển khai tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP). Bên cạnh đó, NHNN đã tích cực phối hợp triển khai các hoạt động trong khuôn khổ các sáng kiến hợp tác ASEAN, ASEAN+3, APEC như: xây dựng Hệ thống phân loại tài chính bền vững ASEAN (ASEAN Taxonomy), xây dựng Lộ trình xanh ASEAN (ASEAN Green Map)…

Ngoài ra, NHNN đã và đang tích cực nghiên cứu, thúc đẩy huy động nguồn vốn cho khu vực tư nhân không có bảo lãnh Chính phủ từ các định chế tài chính quốc tế, gồm: ADB, AIIB, IFC, Opec fund…, đây là nguồn lực quan trọng cho đầu tư phát triển đất nước, dần thay thế cho vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước trong tương lai. NHNN đã tích cực phối hợp với các cơ quan Chính phủ triển khai thực hiện Quyết định số 12/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhằm nhanh chóng xử lý các đề nghị cấp ý kiến không phản đối hoạt động tài trợ của các tổ chức tài chính quốc tế vào khu vực tư nhân Việt Nam theo quy định; đồng thời khẩn trương phối hợp các bên liên quan xây dựng định hướng thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn của các tổ chức này vào khu vực tư nhân không có bảo lãnh Chính phủ, qua đó đảm bảo hoạt động tài trợ của các tổ chức được thực hiện phù hợp với chủ trương, định hướng của Chính phủ, quy định trong nước, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn từ các tổ chức

giúp đáp ứng nhu cầu vốn của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng trong nước. Năm 2024, NHNN đã nhận được tổng số 24 đề nghị cấp Thư không phản đối từ các tổ chức tài chính quốc tế (tổng số vốn cam kết 1,7 tỷ USD), trong đó có 10 đề nghị NHNN đã không cấp Thư không phản đối do chưa đủ thông tin cần thiết, 4 đề nghị đang trong quá trình xử lý và 10 Thư không phản đối được cấp cho IFC/ADB/AIIB (tổng số vốn cam kết 1 tỷ USD, chiếm 58% số vốn cam kết đề nghị cấp thư không phản đối). Trong số các dự án trên, 43% các dự án được thực hiện dưới hình thức khoản vay, 11% các dự án được thực hiện dưới hình thức góp vốn cổ phần, 30% các dự án còn lại thực hiện dưới hình thức đầu tư trái phiếu và bảo lãnh. 100% các dự án đầu tư/cho vay được cấp Thư không phản đối là đầu tư bằng vốn tự có của tổ chức tài chính quốc tế. Tỷ lệ giải ngân các khoản vay trung và dài hạn đạt hơn 90%, chưa phát sinh nợ xấu. Các dự án tập trung vào các lĩnh vực ngân hàng, công nghiệp, năng lượng, tiêu dùng và hợp vốn với các quỹ đầu tư nước ngoài để đầu tư vào doanh nghiệp trong nước.

3. Quan hệ hợp tác song phương

Quan hệ hợp tác song phương tiếp tục được tăng cường và đẩy mạnh.

Bám sát chủ trương, định hướng của Đảng và Chính phủ, NHNN tiếp tục triển khai hiệu quả các nhiệm vụ hợp tác song phương trong lĩnh vực ngân hàng và đạt được một số kết quả nổi bật như: ***(1)*** Tiếp tục củng cố khuôn khổ pháp lý cho việc tăng cường các hoạt động hợp tác về đổi mới tài chính, kết nối thanh toán, chia sẻ kinh nghiệm, tăng cường năng lực quản trị, điều hành NHTW và thúc đẩy thanh toán bằng bản tệ qua việc ký kết 04 Bản Ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác với NHTW, cơ quan quản lý tiền tệ, cơ quan giám sát ngân hàng - tài chính các nước (Úc, UAE, Cuba, Trung Quốc); ***(2)*** Triển khai các dự án thanh toán bán lẻ bằng mã QR với Lào, Campuchia và thúc đẩy kết nối với Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ... trong bối cảnh kinh tế, công nghệ tài chính biến đổi nhanh chóng nhằm cung cấp một phương thức thanh toán với chi phí rẻ hơn, nhanh chóng, an toàn, tiện lợi hơn và thúc đẩy sử dụng đồng bản tệ. Các dự án này đã tạo tiền đề để NHNN tiếp tục nghiên cứu mở rộng việc kết nối thanh toán bán lẻ song phương giữa Việt Nam với các nước có hợp tác du lịch phát triển với Việt Nam

như Trung Quốc, Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ; ***(3)*** Duy trì và mở rộng các kênh hợp tác thực chất, hiệu quả, khai thác và phát triển các lĩnh vực hợp tác tiềm năng, huy động các nguồn lực hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn chính sách với các nước đối tác với hình thức và nội dung hợp tác ngày càng đa dạng, bắt kịp xu thế phát triển mới đối với NHTW nói riêng và ngành ngân hàng nói chung. NHNN đã tổ chức thành công các Hội đàm song phương cấp Thống đốc và các kỳ họp Tổ/Nhóm công tác về hợp tác trong lĩnh vực ngân hàng với các đối tác truyền thống như Lào, Campuchia, Thái Lan, Trung Quốc, Nga. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục triển khai các hỗ trợ kỹ thuật và chương trình hợp tác trên cơ sở nhu cầu, ưu tiên chính sách của các đối tác truyền thống (đặc biệt, NHNN đã lần đầu tiên triển khai chương trình chia sẻ kinh nghiệm thực tế cho đoàn NHTW Cuba do Bộ trưởng - Chủ tịch NHTW Cuba dẫn đầu); ***(4)*** Tích cực, chủ động tham gia, đóng góp ý kiến trong khuôn khổ các diễn đàn, ủy ban hợp tác song phương cấp Chính phủ, qua đó thúc đẩy cơ chế hợp tác, chia sẻ thông tin về khuôn khổ pháp lý, thị trường, giải quyết tranh chấp… nhằm góp phần hỗ trợ các NHTM Việt Nam đẩy mạnh vai trò trung gian tài chính, phục vụ hiệu quả hoạt động thương mại, đầu tư của Việt Nam với các đối tác nước ngoài.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: CÁC MỨC LÃI SUẤT DO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CÔNG BỐ

Đơn vị: %/năm

Thời gian	Lãi suất tái cấp vốn	Lãi suất tái chiết khấu	Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng
Tháng 12/2023	4,50	3,00	5,00
Tháng 1/2024	4,50	3,00	5,00
Tháng 2/2024	4,50	3,00	5,00
Tháng 3/2024	4,50	3,00	5,00
Tháng 4/2024	4,50	3,00	5,00
Tháng 5/2024	4,50	3,00	5,00
Tháng 6/2024	4,50	3,00	5,00
Tháng 7/2024	4,50	3,00	5,00
Tháng 8/2024	4,50	3,00	5,00
Tháng 9/2024	4,50	3,00	5,00
Tháng 10/2024	4,50	3,00	5,00
Tháng 11/2024	4,50	3,00	5,00
Tháng 12/2024	4,50	3,00	5,00

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 2: HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ THỊ TRƯỜNG MỞ

Chào mua	Năm 2024
Số phiên	251
Kỳ hạn (ngày)	7; 14
Số lượt thành viên	981
Doanh số đặt thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	8.110
Doanh số trúng thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	5.375
Lãi suất (%/năm)	4,0-4,5
Chào bán	**Năm 2024**
Số phiên	169
Kỳ hạn (ngày)	7; 14; 28
Số lượt thành viên	905
Doanh số đặt thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	7.366
Doanh số trúng thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	5.658
Lãi suất (%/năm)	1,32-4,5

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 3: TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC (*)

Đơn vị: %

Thời điểm bắt đầu hiệu lực	TIỀN GỬI BẰNG VND (**)		TIỀN GỬI BẰNG NGOẠI TỆ (****)				
			Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng		Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên		Tiền gửi nhận từ các TCTD ở nước ngoài (***)
	Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã	TCTD khác	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã	TCTD khác	
5/2011	3	1	5	6	3	4	
6/2011	3	1	6	7	4	5	
9/2011	3	1	7	8	5	6	1

(*) Không bao gồm QTDND, tổ chức tài chính vi mô áp dụng tỷ lệ DTBB 0% đối với tất cả các loại tiền gửi; ngân hàng chính sách áp dụng tỷ lệ DTBB theo quy định của Chính phủ (hiện nay là 0%).

(**) Các TCTD có tỷ trọng dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn bình quân từ 40% trở lên được áp dụng tỷ lệ DTBB tiền gửi bằng VND thấp hơn tỷ lệ DTBB nêu trên theo quy định của NHNN về hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ CSTT để hỗ trợ các TCTD cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn (hiện có hiệu lực thi hành là Thông tư số 14/2018/TT-NHNN ngày 29/5/2018).

(***) Các TCTD hoạt động tại Việt Nam tính DTBB đối với tiền gửi nhận từ các TCTD ở nước ngoài (TCTD thành lập và hoạt động tại nước ngoài) bắt đầu từ tháng 9/2011 (theo Thông tư số 27/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011).

(**), (****) Các loại tiền gửi bằng VND và bằng ngoại tệ thuộc cơ sở tiền gửi phải tính DTBB được quy định tại: *(1)* Quy chế DTBB đối với các TCTD và các văn bản sửa đổi, bổ sung trước tháng 02/2020; *(2)* Thông tư số 30/2019/TT-NHNN ngày 27/12/2019 từ tháng 3/2020 đến nay.

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 4: CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ

Đơn vị: triệu USD

		2023	2024
A.	**CÁN CÂN VÃNG LAI**	**25.793**	**28.049**
	Hàng hóa: Xuất khẩu F.O.B	354.721	405.532
	Hàng hóa: Nhập khẩu F.O.B	310.693	362.487
	Hàng hóa (ròng)	*44.028*	*43.045*
	Dịch vụ: Xuất khẩu	20.265	23.851
	Dịch vụ: Nhập khẩu	29.092	36.183
	Dịch vụ (ròng)	*-8.827*	*-12.332*
	Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp): Thu	4.551	5.542
	Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp): Chi	27.014	21.235
	Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp) (ròng)	*-22.463*	*-15.693*
	Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp): Thu	16.112	17.122
	Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp): Chi	3.057	4.093
	Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp) (ròng)	*13.055*	*13.029*
B.	**CÁN CÂN VỐN**	**0**	**0**
	Cán cân vốn: Thu	0	0
	Cán cân vốn: Chi	0	0
C.	**CÁN CÂN TÀI CHÍNH**	**-2.838**	**-8.029**
	Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	1.550	-600
	Đầu tư trực tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	18.500	20.170
	Đầu tư trực tiếp (ròng)	*20.050*	*19.570*
	Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	-34	-63
	Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	-1.155	-5.650
	Đầu tư gián tiếp (ròng)	*-1.189*	*-5.713*
	Đầu tư khác: Tài sản có	-14.341	-12.260
	Tiền và tiền gửi	-14.171	-12.071
	TCTD	-6.671	-1.484
	Khu vực khác	-7.500	-10.587
	Cho vay, thu hồi nợ nước ngoài	0	0
	Tín dụng thương mại và ứng trước	0	0
	Các khoản phải thu/phải trả khác	-170	-189
	Đầu tư khác: Tài sản nợ	-7.358	-9.626
	Tiền và tiền gửi	-4.090	-3.495
	TCTD	-4.179	-3.760
	Khu vực khác	89	265
	Vay, trả nợ nước ngoài	-3.268	-6.131
	Ngắn hạn	-1.647	595
	Rút vốn	25.150	24.546
	Trả nợ gốc	-26.797	-23.951
	Dài hạn	-1.621	-6.726
	Rút vốn	14.232	11.100
	Chính phủ	1.257	1.020
	Tư nhân	12.975	10.080
	Trả nợ gốc	-15.853	-17.826
	Chính phủ	-2.591	-2.680
	Tư nhân	-13.262	-15.146
	Đầu tư khác (ròng)	*-21.699*	*-21.886*
D.	**LỖI VÀ SAI SÓT**	**-17.347**	**-29.187**
E.	**CÁN CÂN TỔNG THỂ**	**5.608**	**-9.167**
F.	**DỰ TRỮ VÀ CÁC HẠNG MỤC LIÊN QUAN**	**-5.608**	**9.167**
	Tài sản dự trữ	-5.608	9.167
	Tín dụng và vay nợ từ IMF	0	0
	Tài trợ đặc biệt	0	0

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 5: TỶ GIÁ GIỮA VND VÀ USD

Đơn vị tính: VND/USD

Năm 2024	Tỷ giá ngày cuối tháng			Tỷ giá bình quân trong tháng		
	Tỷ giá trung tâm	Tỷ giá niêm yết của Vietcombank		Tỷ giá trung tâm	Tỷ giá niêm yết của Vietcombank	
		Mua	Bán		Mua	Bán
Tháng 1	23.981	25.180	22.782	23.991	24.255	24.595
Tháng 2	23.981	25.180	22.782	24.002	24.480	24.820
Tháng 3	23.994	25.194	22.795	24.003	24.630	24.970
Tháng 4	24.126	25.333	22.920	24.246	25.118	25.458
Tháng 5	24.255	25.468	23.042	24.261	25.254	25.474
Tháng 6	24.253	25.465	23.040	24.260	25.253	25.473
Tháng 7	24.252	25.465	23.040	24.255	25.080	25.420
Tháng 8	24.246	25.458	23.034	24.224	24.690	25.030
Tháng 9	24.161	25.369	22.953	24.093	24.400	24.740
Tháng 10	24.192	25.402	22.983	24.243	25.115	25.455
Tháng 11	24.277	25.491	23.063	24.251	25.160	25.463
Tháng 12	24.284	25.498	23.070	24.335	25.251	25.551

Nguồn: NHNN, Vietcombank.

Ghi chú: Tỷ giá niêm yết nêu trên được hiểu là số lượng VND để đổi 1 USD.

PHỤ LỤC 6: GIÁ VÀNG THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Đơn vị: triệu đồng/lượng

Năm 2024	Giá vàng ngày cuối tháng	Giá vàng bình quân trong tháng
Tháng 1	76,45	74,46
Tháng 2	78,45	77,31
Tháng 3	79,83	79,97
Tháng 4	84,01	82,05
Tháng 5	84,74	87,54
Tháng 6	76,05	76,56
Tháng 7	78,01	77,19
Tháng 8	80,00	79,04
Tháng 9	82,50	80,65
Tháng 10	89,04	85,45
Tháng 11	84,61	84,66
Tháng 12	83,21	84,00

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 7: CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

Đơn vị: %

Năm	Thời gian	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
2020	So với tháng 12 năm trước	1,23	1,06	0,34	-1,21	-1,24	-0,59	-0,19	-0,12	0,01	0,09	0,08	0,19
	So với tháng trước	1,23	-0,17	-0,72	-1,54	-0,03	0,66	0,40	0,07	0,12	0,09	-0,01	0,10
	So với cùng kỳ	6,43	5,40	4,87	2,93	2,40	3,17	3,39	3,18	2,98	2,47	1,48	0,19
	Bình quân so với cùng kỳ	6,43	5,91	5,56	4,90	4,39	4,19	4,07	3,96	3,85	3,71	3,51	3,23
2021	So với tháng 12 năm trước	0,06	1,58	1,31	1,27	1,43	1,62	2,25	2,51	1,88	1,67	2,00	1,81
	So với tháng trước	0,06	1,52	-0,27	-0,04	0,16	0,19	0,62	0,25	-0,62	-0,20	0,32	-0,18
	So với cùng kỳ	-0,97	0,70	1,16	2,70	2,90	2,41	2,64	2,82	2,06	1,77	2,10	1,81
	Bình quân so với cùng kỳ	-0,97	-0,14	0,29	0,89	1,29	1,47	1,64	1,79	1,82	1,81	1,84	1,84
2022	So với tháng 12 năm trước	0,19	1,20	1,91	2,09	2,48	3,18	3,59	3,60	4,01	4,16	4,56	4,55
	So với tháng trước	0,19	1,00	0,70	0,18	0,38	0,69	0,40	0,005	0,40	0,15	0,39	-0,01
	So với cùng kỳ	1,94	1,42	2,41	2,64	2,86	3,37	3,14	2,89	3,94	4,30	4,37	4,55
	Bình quân so với cùng kỳ	1,94	1,68	1,92	2,10	2,25	2,44	2,54	2,58	2,73	2,89	3,02	3,15
2023	So với tháng 12 năm trước	0,52	0,97	0,74	0,39	0,40	0,67	1,13	2,02	3,12	3,20	3,46	3,58
	So với tháng trước	0,52	0,45	-0,23	-0,34	0,01	0,27	0,45	0,88	1,08	0,08	0,25	0,12
	So với cùng kỳ	4,89	4,31	3,35	2,81	2,43	2,00	2,06	2,96	3,66	3,59	3,45	3,58
	Bình quân so với cùng kỳ	4,89	4,60	4,18	3,84	3,55	3,29	3,12	3,10	3,16	3,20	3,22	3,25
2024	So với tháng 12 năm trước	0,31	1,35	1,12	1,19	1,24	1,40	1,89	1,89	2,18	2,52	2,65	2,94
	So với tháng trước	0,31	1,04	-0,23	0,07	0,05	0,17	0,48	0,00	0,29	0,33	0,13	0,29
	So với cùng kỳ	3,37	3,98	3,97	4,40	4,40	4,34	4,36	3,45	2,63	2,89	2,77	2,94
	Bình quân so với cùng kỳ	3,37	3,67	3,77	3,93	4,03	4,08	4,12	4,04	3,88	3,78	3,69	3,63

Nguồn: Tổng cục Thống kê – Bộ Tài chính

PHỤ LỤC 8: MỘT SỐ CHỈ TIÊU TIỀN TỆ, TÍN DỤNG

Chỉ tiêu	2023	T3/2024	T6/2024	T9/2024	12/2024
Số dư cuối kỳ (tỷ đồng)					
1. Tổng phương tiện thanh toán	15.998.956	16.012.915	16.513.106	16.949.072	17.914.566
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	14.573.389	14.446.194	14.957.565	15.410.224	16.283.791
3. Tín dụng đối với nền kinh tế	13.569.733	13.762.131	14.397.000	14.806.343	15.617.121
Tăng trưởng so với năm trước (%)					
1. Tổng phương tiện thanh toán	12,46	0,09	3,21	5,94	11,97
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	13,20	-0,87	2,64	5,74	11,74
3. Tín dụng đối với nền kinh tế	13,78	1,42	6,1	9,11	15,09

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 9: TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC

Năm	GDP theo giá hiện hành (tỷ đồng)	Mức tăng trưởng* GDP (%)	GDP bình quân đầu người (nghìn đồng)
2015	5.191.324	6,99	56.288
2016	5.639.401	6,69	60.476
2017	6.293.905	6,94	66.753
2018	7.009.042	7,47	73.482
2019	7.707.200	7,36	79.881
2020	8.044.386	2,87	82.437
2021	8.487.476	2,55	86.200
2022	9.548.738	8,12	96.000
2023	10.221.815	5,05	101.900
2024	11.511.867	7,09	114.000

Nguồn: Tổng cục Thống kê - Bộ Tài chính

*Ghi chú: * Tính theo giá so sánh năm 2010*

TABLE OF CONTENTS

LIST OF FIGURES - TABLES

List of figures

List of tables

LIST OF ABBREVIATIONS

Acronym	Abbreviation
ADB	Asian Development Bank
AIIB	Asian Infrastructure Investment Bank
AML	Anti-money laundering
BIS	Bank for International Settlements
BOP	Balance of payments
CAR	Capital adequacy ratio
CIC	Viet Nam National Credit Information Center
CIs	Credit institutions
CPI	Consumer price index
DIV	Depisit Insurance of Viet Nam
ECB	European Central Bank
Fed	US Federal Reserve
FDI	Foreign direct investment
FX	Foreign exchange
GDP	Gross domestic product
IMF	International Monetary Fund
LNDs	Legal normative documents
M2	Total means of payment
NPL	Non-performing loan
OMO	Open market operations
RRR	Required reserve ratio
SBV	State Bank of Viet Nam
SOCBs	State-owned commercial banks
USD	US Dollar
VAMC	Viet Nam Credit Institutions Asset Management Company Limited
VBSP	Viet Nam Bank for Social Policies
VND	Vietnamese Dong
VneID	Viet Nam electronic identification
WB	World Bank
WTO	World Trade Organization
y-o-y	Year on year
y-t-d	Year to date

ROLE AND FUNCTIONS OF THE STATE BANK OF VIET NAM

Head office, 49 Ly Thai To, Ha Noi, Viet Nam

❒ The State Bank of Viet Nam is a ministerial-level agency of the Government, the Central Bank of the Socialist Republic of Viet Nam which performs the function of state management over monetary, banking and foreign exchange activities; exercises central banking functions of currency issuance, serving as the bank of credit institutions, and providing monetary services to the Government.

Summary of Article 2, the 2010 Law on the State Bank of Viet Nam

❒ National monetary policy refers to the national-level monetary decisions. The national monetary policies include national decisions of state authorities on the currency value stabilizing objectives represented by inflation target, use of proper instruments and measures to fulfill the set objectives.

Clause 1, Article 3, the 2010 Law on the State Bank of Viet Nam

❒ The National Assembly determines the annual inflation target reflected by the consumer price index and supervises the implementation of the national monetary policies.

Clause 2, Article 3, the 2010 Law on the State Bank of Viet Nam

❒ The Government submits to the National Assembly for decision on annual inflation target. The Prime Minister, the Governor of the State Bank of Viet Nam decide on the use of proper instruments and measures to realize national monetary objectives in accordance with the regulation of the Government.

Clause 4, Article 3, the 2010 Law on the State Bank of Viet Nam

MANAGEMENT BOARD OF THE STATE BANK OF VIET NAM

Ms. Nguyen Thi Hong
Governor

Mr. Dao Minh Tu
Permanent Deputy Governor

Mr. Doan Thai Son
Deputy Governor

Mr. Pham Thanh Ha
Deputy Governor

Mr. Pham Tien Dung
Deputy Governor

Mr. Pham Quang Dung
Deputy Governor

Governor
Nguyen Thi Hong

Foreword by the Governor

In 2024, the world continued to face numerous difficulties and challenges stemming from geopolitical conflicts and escalating instability in various regions. Global economic growth remained subdued, while inflation eased following a period of monetary tightening and declining oil prices, prompting central banks to begin loosening monetary policy. However, the pace of disinflation was slower than expected; the global macroeconomic outlook, markets, and monetary policy conduct became increasingly uncertain and unpredictable, especially after the U.S. presidential election. Domestically, the Vietnamese economy remained under pressure from unpredictable global developments and internal issues in the corporate bond and real estate markets, compounded by the severe impact of historic Storm No. 3 (Yagi), which caused significant material and human losses. Nevertheless, under the close leadership of the Party, National Assembly, Government, and Prime Minister, the economy gradually overcame difficulties and achieved encouraging results, with annual GDP growth reaching 7.09%, exports and FDI rising positively, and inflation kept stable at 3.63%.

The achievements in economic growth and inflation control were greatly supported by monetary policy management and the close cooperation of the banking system with businesses and households under the principle of "harmonious benefits, shared risks." The State Bank of Viet Nam (SBV) closely followed the guidance of the Party, National Assembly, Government, and Prime Minister; closely monitored domestic and international macroeconomic, financial, and monetary developments; and ensured proactive, flexible, coordinated, and effective management of monetary policy and banking operations. These efforts helped ease difficulties for production and business, made significant contributions to the successful attainment of macroeconomic objectives, and safeguarded the stability of the credit institution system. The key highlights in monetary policy management and banking operations in 2024 include:

First, improving the legal framework for banking operations to facilitate credit institutions (CI)' activities and enhance access to credit for households and businesses: The SBV advised the Government to submit to the National Assembly the 2024 Law on CIs to replace the 2010 Law, thereby creating a legal foundation for CIs and foreign bank branches to improve governance and management in line with good practices, strengthen risk control, and diversify products and services, including those delivered electronically. The Law also introduced a regulatory sandbox mechanism in banking sector, enabling early access to new banking technologies, and provisions on early risk resolution to ensure system safety and maintain public confidence in the banking sector.

Second, the SBV proactively and flexibly managed monetary policy in close coordination with fiscal and other macroeconomic policies to contain inflation, stabilize

the macroeconomy, and support economic recovery. As a result of these measures, lending rates of CIs continued to decline. This was a significant effort by the banking sector given that global interest rates remained elevated, negative VND–USD interest rate differential at various points of time, and recurrent pressures on the exchange rate and foreign exchange (FX) market during the year due to global instability and unfavorable domestic foreign currency supply–demand conditions. The SBV strived to harmoniously balance interest rate and exchange rate management, operated the exchange rate flexibly in combination with other monetary policy instruments, and stood ready to intervene in the FX market when necessary. Consequently, exchange rates and the FX market remained stable, thereby contributing to inflation control and macroeconomic stability, in line with the Government's and Prime Minister's directive of "proactive adaptation and flexible management."

Third, the SBV implemented decisive credit measures to ensure sufficient credit supply consistent with economic growth and inflation control objectives, improve access to finance, and ease difficulties for businesses and households. The SBV set an annual credit growth target of around 15% and publicly announced guiding principles for CIs to proactively implement credit expansion from the beginning of the year; adjusted targets in a timely manner; and directed CIs to channel lending toward production, business, priority sectors, and growth drivers in accordance with the Government and Prime Minister's policies, while strictly controlling credit to high-risk areas. At the same time, the SBV continued to gradually phase out the administrative allocation of credit growth quotas in line with the National Assembly's and Government's directives. In addition, to further support businesses that have yet to recover from the Covid-19 pandemic and those affected by Storm No. 3, the SBV promptly guided CIs to restructure debt repayment terms and maintain debt classifications for eligible borrowers.

Fourth, the SBV promoted digital transformation and expanded cashless payment activities, while ensuring security and safety in payment systems. The SBV vigorously implemented projects, programs, and policies to accelerate digital transformation in the banking sector, placing people and businesses at the center of service delivery. The adoption of new technologies was carried out in parallel with measures to strengthen system security. In particular, the SBV actively implemented the Prime Minister's Decision No. 06/QD-TTg dated January 6, 2022 on developing population data, identification, and electronic authentication applications for national digital transformation for the period of 2022 and 2025, vision to 2030, directing CIs and payment intermediaries to apply national population data, chip-based ID cards, and electronic identification accounts (VNeID) in public services, credit information, and other banking operations.

Fifth, the SBV continued to effectively and consistently implement FX management measures and pursued the policy of reducing dollarization in the economy. FX management was carried out with greater transparency and closely monitor of inflows and outflows, thereby supporting exchange rate management and stablizing the FX market. Against the backdrop of volatile domestic gold prices, the SBV intervened to stabilize the gold

market, narrow the gap between domestic and international prices, and worked with relevant ministries and agencies to tighten inspection, supervision of gold trading activities, strictly handling violations.

Sixth, the SBV implemented the Project on "Restructuring the system of CIs in association with bad debt settlement for 2021–2025," carried out plans to resolve weak CIs, and advanced the restructuring of commercial banks under special control as directed by the competent authorities. Significant progress was made in restructuring weak commercial banks, aimed at protecting the legitimate rights and interests of depositors and consolidating the stability of the CI system. By end-2024, the SBV had completed the compulsory transfer of Construction Bank (CBBank) and Ocean Bank in accordance with regulations, and continued to submit to the Government restructuring plans for the remaining two weak commercial banks. The CIs system actively improved asset quality, strengthened credit risk control, and resolved non-performing loans; accelerated the restructuring of distribution networks and operations; and enhanced business efficiency and competitiveness. Most CIs operated effectively with reasonable profitability while implementing support measures to help bussinesses and the economy overcome difficulties.

In parallel with monetary policy and banking operations, the SBV also vigorously advanced administrative reforms, enhanced information transparency, strengthened communication efforts, and renewed and improved statistical work, organizational development, training, and scientific research. At the same time, the SBV continued to expand and deepen bilateral and multilateral relations with central banks and international financial institutions to secure support and assistance, thereby enhancing Viet Nam's position in the international arena.

Thus, although the global economic situation in 2024 was marked by complexity, risks, and uncertainties, thanks to the SBV's coordinated, flexible, and decisive management-guided by the spirit of "daring to think, daring to act, and daring to take responsibility for the common good"-monetary policy and banking operations made important contributions to containing inflation, stabilizing the macroeconomy, supporting economic growth, safeguarding the stability of the CIs system, and positively contributing to the Government's overall socio-economic management outcomes.

Governor of the State Bank of Viet Nam

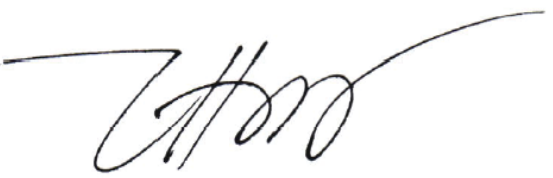

NGUYEN THI HONG

DEPARTMENTS AND ADMINISTRATION UNITS OF THE STATE BANK OF VIET NAM[2]

Monetary Policy Department	Advise and assist the Governor in deciding on the use of instruments to implement national monetary policy, including: refinancing, interest rates, exchange rates, reserve requirements, open market operations, issuance of SBV bills and other instruments and measures to implement national monetary policy.
Foreign Exchange Management Department	Advise and assist the Governor in performing the state management function over FX, FX activities and gold trading activities, and in managing the State FX reserves in accordance with the provisions of law.
Payment Department	Advise and assist the Governor in performing state management of the payment sector in the national economy and digital banking activities in accordance with the provisions of law.
Credit for Economic Sectors Department	Advise and assist the Governor in performing the state management function in the field of banking credit for economic sectors according to the provisions of law.
Forecasting, Statistics - Monetary and Financial Stability Department	Advise and assist the Governor in performing state management of statistics; organize statistical activities of the banking sector in accordance with the provisions of law; carry out forecasting on monetary and banking developements; carry out tasks related to monetary and financial system within SBV's scope of state management; conduct research, strategy formulation, planning and development of the banking sector.
International Cooperation Department	Advise and assist the Governor in performing state management of international cooperation and integration within the SBV's scope of authority in accordance with the provisions of law; and manage the SBV's external relations in compliance with the provisions of law and the SBV's regulations on foreign affairs.
Legal Department	Advise and assist the Governor in performing state management by law in the fields of monetary, banking and FX activities, and in organizing the SBV's legal affairs in accordance with the provisions of law.
Finance and Accounting Department	Advise and assist the Governor in managing finance, accounting, and construction investment of the SBV.

[2] Pursuant to Decree No. 26/2025/ND-CP dated February 24, 2025 of the Government defining the functions, tasks, mandates and organizational structure of the State Bank of Viet Nam

Organization and Personnel Department	Advise and assist the Governor and the Party Committee of the SBV in managing the organizational structure, staffing, job positions, salary regimes, personnel affairs, and training and development of officials, public employees, and workers under the SBV's management in accordance with law; perform state management of emulation and commendation work in the banking sector in accordance with law; and perform state management of science and technology in the banking sector within the SBV's scope of authority in accordance with law.
Office	Advise and assist the Governor in directing and managing banking operations; matters related to the National Assembly; protection of state secrets at the SBV; implementation of administrative reform of the SBV; management of clerical and archival activities at the SBV; management and organization of communication on banking activities related to the SBV's functions and tasks; fulfillment of responsibilities as the governing body of press agencies under the SBV; management of finance and assets within the scope and entities assigned by the Governor; and administration and logistics of the SBV's Central Office in Ha Noi and Ho Chi Minh City.
Information Technology Department	Advise and assist the Governor in performing specialized state management in the fields of information technology (IT), innovation, and digital transformation across the banking sector, and in implementing IT applications and digital transformation within the SBV.
State Bank Inspectorate	Advise and assist the Governor in performing state management of inspection, citizen reception, settlement of complaints and denunciations, and prevention of corruption and misconduct; conduct administrative inspections and specialized inspections in areas under the SBV's state management; carry out citizen reception, complaint and denunciation settlement, and anti-corruption and anti-misconduct tasks in accordance with law and as assigned by the Governor; and perform internal audit in accordance with regulations.
Anti-Money Laundering Department	Advise and assist the Governor in performing state management of anti-money laundering (AML) in accordance with law; perform the tasks of the agency responsible for AML in accordance with the Law on Anti-Money Laundering; and carry out the SBV's responsibilities for combating terrorism financing and proliferation financing of weapons of mass destruction in accordance with laws on counter-terrorism and counter-proliferation financing, as well as the delegation and authorization of the Governor.

Credit Institutions Management and Supervision Department	Advise and assist the Governor in supervising (excluding AML supervision) and licensing entities under the SBV's management in accordance with law and as assigned by the Governor, specifically: (i) credit institutions (excluding people's credit funds) and foreign bank branches; (ii) the Viet Nam Asset Management Company (VAMC); and (iii) the Deposit Insurance of Viet Nam (DIV).
Issuance and Vault Department	Advise and assist the Governor in performing the state management function in the fields of issuance and vault management, and the central bank function of issuing banknotes and coins in accordance with law.
Credit Institutions Systemic Safety Department	Advise and assist the Governor in formulating policies and legal normative documents on the safety of operations of CIs, foreign bank branches, representative offices in Viet Nam of foreign CIs, and foreign organizations engaged in banking activities; in formulating policies and legal normative documents on microfinance programs and projects of socio-political organizations and non-governmental organizations; and in drafting legal normative documents on banking supervision. Perform supervision of the systemic safety of the CIs and foreign bank branches in accordance with law.
Central Banking Department	Advise and assist the Governor in performing certain central banking functions as delegated or authorized by the Governor; implement certain instruments and measures for conducting national monetary policy; provide payment and treasury services to CIs, foreign bank branches, and other organizations in accordance with law; and act as agent and provide banking services for the State Treasury.
Provincial and Municipal Branches	Advise and assist the Governor in performing state management of monetary, banking and FX activities in the locality, and carry out certain central banking operations as authorized by the Governor.
	ADMINISTRATIVE UNITS AND UNITS ESTABLISHED BY THE GOVERNOR
Viet Nam National Credit Information Center	As a public service unit under the SBV, it performs the functions of collecting, processing, analyzing, and storing credit information; registering credit; conducting credit scoring and credit rating of legal entities and individuals within the territory of Viet Nam; and providing credit information products and services for the purposes of credit risk prevention and serving the SBV's state management requirements in accordance with law.

Banking Times	As the official press agency and forum on professional theory, science, technology, social issues, and banking activities, it functions to disseminate and promote the Party's guidelines, the State's policies and laws, the activities of the banking sector, and the achievements in science and technology of the banking sector and related fields, in accordance with SBV regulations and the provisions of law.
Banking Academy	Has the function of providing training and capacity building for human resources at college, undergraduate, and postgraduate levels; and conducting scientific research in the fields of economics, finance–banking, and other disciplines and specialties as prescribed by competent authorities.
Banking University of Ho Chi Minh City	Has the function of providing training and capacity building in economics, finance-banking at undergraduate and postgraduate levels; conducting scientific research and providing consultancy in economics, finance-banking, and other disciplines as approved by competent authorities.

Part I – The Global and Viet Nam's economy

1. Global economic overview

In 2024, the world continued to face many difficulties and challenges stemming from geopolitical conflicts and rising instability across several regions. Global economic growth remained weak, while inflation eased following a period of monetary tightening and lower oil prices, which encouraged central banks to begin loosening monetary policy. However, the pace of disinflation was slower than expected, and macroeconomic prospects, market developments, and monetary policy management in many countries became increasingly uncertain and unpredictable, especially after the U.S. presidential election.

1.1. Global economic growth

According to the International Monetary Fund (IMF) statistics[2], global economic growth in 2024 stood at 3.3% (2023: 3.5%); global inflation slowed down from 8.7% in 2023 to 5.8% in 2024.

In 2024, the global economy grew slowly and lacked sustainability, while inflation eased back toward target after a period of monetary tightening, prompting a shift toward monetary loosening.

The U.S. economy grew by 2.8%, lower than in 2023 (2.9%) but higher than expected, supported by consumption as a resilient labor market continued to support employment and wages stability. The unemployment rate remained low at 4.0%. The fiscal deficit for the fiscal year rose to 8% of GDP (2023: 7.8% of GDP). Public debt increased from 119.8% of GDP in 2023 to 122.3% of GDP in 2024. Inflation fell from 4.1% in 2023 to 3.0% in 2024.

The Eurozone economy grew modestly by 0.9% (2023: 0.4%) due to prolonged weakness in manufacturing and goods exports. Among the major economies, Spain recorded the highest growth at 3.5% (2023: 2.5%); Italy grew by 0.7% (2023: 0.7%); France by 1.1% (2023: 1.6%); while Germany posted negative growth for the second consecutive year at -0.5% (2023: -0.9%). Public debt in the region increased slightly from 87.1% of GDP in 2023 to 87.2% of GDP in 2024. Inflation slowed sharply to

[2] World Economic Outlook report, October 2025, IMF.

2.4% (2023: 5.4%). The unemployment rate stood at 6.4% (2023: 6.6%).

The Japanese economy weakened, growing only 0.1% (2023: 1.2%), as household spending was dampened by inflation amid a sharp depreciation of the Yen (around 11%). Public debt stood at 236.1% of GDP (2023: 240.5% of GDP). The unemployment rate was about 2.6% (2023: 2.6%). Inflation, after rising to 3.3% in 2023, eased to 2.7% but remained above target.

Emerging markets and developing countries grew by 4.3% (2023: 4.7%). The BRICS bloc expanded its membership in 2024 and recorded positive growth, above the global average. India registered the highest growth at 6.5%, driven mainly by rural consumption and the services sector, meanwhile, China's economy grew by 5.0%, supported by a recovery in exports, while domestic consumption remained weak due to the continued stagnation of the real estate market. Russia, Brazil, and South Africa grew by 4.3%, 3.4%, and 0.5%, respectively. The ASEAN-5[3] economies grew by 4.6% (2023: 4.1%). Except for Indonesia, which maintained growth similar to 2023, all economies recorded higher growth than the previous year. Specifically, Indonesia, Malaysia, Philippines, Thailand, and Viet Nam grew by 5.0%, 5.1%, 5.7%, 2.5%, and 7.1%, respectively. Average inflation in emerging markets and developing economies eased slightly from 8.0% in 2023 to 7.7% in 2024, while inflation in the ASEAN-5 group declined to 2.0% (2023: 3.5%).

Global trade reached a record high of USD 33 trillion and grew by 3.7% year-on-year after contracting by 3% in 2023 (with goods trade up 2% and services trade up 9%)[4], supported by the expansion of the services sector and U.S. consumer import demand. Emerging markets and developing economies made a positive contribution to the recovery of global trade and grew faster than advanced economies.

[3] Including: Indonesia, Malaysia, Philippines, Thailand, and Viet Nam.
[4] According to the UNCTAD's Global Trade Update Report, December 2024.

1.2. Monetary policy conduct in selected economies

Against the backdrop of continued global disinflation, central banks began the process of monetary easing, though the pace and scale varied across countries. Disinflation proceeded more slowly than expected as inflation in some economies remained persistently high. In addition, political instability, policy uncertainty associated with the wave of elections in 2024, and the broad-based strengthening of the U.S. dollar tightened financial conditions slightly in Q4. For the year as a whole, about 70 central banks delivered more than 198 rate cuts and 31 rate hikes. The re-election of President Trump for a second term-with expectations of stronger trade protectionism, tax cuts, and policies to boost the U.S. domestic economy-triggered a sharp appreciation of the U.S. dollar globally and capital outflows from emerging markets. This forced some central banks to intervene by selling FX to defend their currencies and safeguard macroeconomic stability.

With signs of easing inflation, central banks tended to loosen monetary policy to support their economies. Sharp fluctuations of the U.S. dollar in global markets slowed the pace of interest rate cuts in the fourth quarter and prompted some central banks to intervene through FX sales to defend the value of their domestic currencies.

For advanced economies, the risks of slowing growth and inflation gradually converging toward target supported the monetary easing trend. The Fed cut interest rates three times, bringing the policy rate down from 5.25–5.5% to 4.25–4.5% per year. The ECB lowered its policy rate four times, from 4% to 3% per year. The Bank of England also cut rates twice, from 5.25% to 4.75% per year. Other advanced economies such as Canada and New Zealand also eased monetary policy. By contrast, Japan diverged from the global easing trend, officially ending its negative interest rate policy after nearly two decades in March. The Bank of Japan raised its benchmark rate twice, from -0.1% to 0.25% during 2024, and intervened in the FX market to stabilize the yen amid its sharp depreciation against the U.S. dollar.

For emerging and developing countries, disinflation provided room to start loosening monetary policy. However, pressures from currency depreciation against the U.S. dollar, rising bond yields, and persistent capital outflows posed risks to macroeconomic and financial stability. As a result, many central banks slowed the pace and scope of rate cuts in Q4, with some combining them

with FX sales to mitigate domestic currency depreciation and stabilize FX markets. In ASEAN, Thailand cut its policy rate once from 2.5% to 2.25%; the Philippines lowered its rate three times from 6.5% to 5.75%; Indonesia unexpectedly raised its rate in April from 6% to 6.25% to stabilize the rupiah, which had fallen to its weakest level in nearly four years, before lowering it once to 6% later in the year; while Malaysia kept its rate unchanged at 3%. In China, low inflation reflecting weak demand and prolonged real estate sector weakness prompted the People's Bank of China to continue monetary easing, cutting policy rates, reducing the reserve requirement ratio, and lowering the Medium-term Lending Facility (MLF) rate to inject liquidity into the banking system and support growth.

2. Viet Nam's economic overview

In 2024, the global situation remained complex and unpredictable, with many risk and uncertainty factors. Given Viet Nam's high level of economic openness, these global developments quickly and strongly affected the domestic economy, finance, and monetary conditions. In response, the National Assembly and the Government issued Resolution No. 103/2023/QH15 dated November 9, 2023 on the 2024 Socio-Economic Development Plan, and Resolution No. 01/NQ-CP dated January 5, 2024 on key tasks and solutions for implementing the Socio-Economic Development Plan and State budget estimates for 2024. Alongside the engagement of the entire political system, the timely, decisive, and close direction of the Government and the Prime Minister, as well as the efforts of all levels, sectors, localities, the business community, and the people nationwide, priority was given to promoting economic growth, maintaining macroeconomic stability, controlling inflation, and ensuring major balances of the economy. As a result, the Vietnamese economy continued its clear recovery momentum, achieving GDP growth of 7.09%, surpassing the target of 6–6.5%; macroeconomic stability was maintained; average inflation rose by 3.63% compared to 2023, remaining below the National Assembly's target of 4–4.5%; and major economic balances were ensured. Outcomes in many key areas met

or exceeded the set targets, making Viet Nam a bright spot for economic growth in the region and globally. The positive results of 2024 provide an important foundation for the economy to accelerate in 2025 and achieve the highest possible fulfillment of the objectives of the 2021–2025 Five-Year Socio-Economic Development Plan.

2.1. Economic growth

By economic sector, growth in the Industry - Construction and Services sectors recovered while growth in the Agriculture - Forestry - Fisheries sector slowed down

Agriculture, forestry and fisheries grew by 3.27% - the lowest rate in the past three years - mainly due to natural disasters and storms, particularly the impact of storm No. 3 on agriculture. Nevertheless, thanks to strong export growth of certain agricultural, forestry, and fishery products (up 20.1% in 2024), stable livestock development, and timely measures to mitigate the effects of natural disasters, agricultural output still increased by 2.94% (2023: 3.88%). Forestry and fisheries recorded higher growth than the previous year, at 5.03% and 4.03%, respectively (2023: 4.41% and 4.01%).

Industry expanded by 8.32%, the second-highest growth rate in the 2019–2024 period after the 8.52% increase in 2022, driven mainly by a strong rebound in manufacturing, which grew 9.83% (2023: 3.61%) amid a surge in export orders due to concerns that the U.S. would impose new import tariffs starting in 2025 (manufacturing exports rose 14.2% in 2024). By contrast, mining contracted by 7.24% (2023: -3.47%).

> *GDP was estimated to grow by 7.09% compared with the previous year, mainly driven by the recovery of the industry–construction and services sectors, amid stronger import demand from trading partners concerned about potential U.S. import tariffs to be applied from 2025, and continued robust growth in tourism.*

Figure 1: Real GDP growth and contribution by sectors, 2020 - 2024

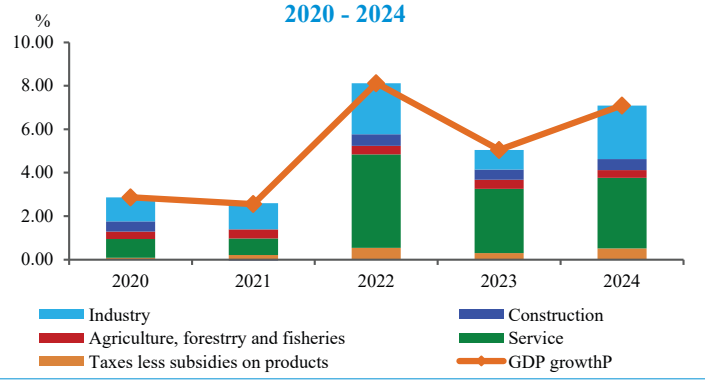

Source: General Statistics Office, calculation of the SBV

Construction grew by 7.87% - the highest rate since 2020. In line with construction growth, total social investment rose by 7.5% (2023: 6.2%). This indicates that the Government's measures to address difficulties in the real estate market gradually took effect, with signs of recovery emerging in 2024, thereby supporting construction sector growth.

Service expanded by 7.38%, higher than the 6.91% growth recorded in 2023. Several major market services contributed significantly to overall value-added growth, including: wholesale and retail trade, up 7.96% year-on-year, contributing 0.80 percentage points; transportation and warehousing, up 10.82%, contributing 0.68 percentage points; financial, banking, and insurance services, up 7.11%, contributing 0.43 percentage points; and accommodation and catering, up 9.76%, contributing 0.26 percentage points.

Consumption and investment both recovered, while net exports made a slight positive contribution to economic growth, even though both exports and imports increased

Final consumption rose by 6.57%, higher than 3.59% in the previous year. Within this, government consumption increased by 5.8% (2023: 4.58%) due to a rise of 8.77% in recurrent State budget expenditure (2023: 6.34%); private consumption grew by 6.7% (2023: 3.43%).

Gross capital formation rose by 7.2%, the highest rate since 2020, mainly driven by the non-state sector and the foreign-invested sector. In 2024, total social investment increased by 7.5% (2023: 6.2%), with the non-state sector up 7.7% and the foreign-invested sector up 10.6% (2023: 2.7% and 5.4%, respectively). Meanwhile, the state sector grew only 5.3% (2023: 14.6%), as realized investment from the State budget rose by 3.3%, significantly lower than the 24.0% increase in 2023.

Net exports made a slight positive contribution (0.15 percentage points) to economic growth as both exports and imports increased. Specifically, exports of goods and services rose by 15.97% (2023: -3.22%) as

trading partners accelerated imports ahead of U.S. tariff measures, while imports of goods and services grew by 15.99% (2023: -5.17%) to meet domestic production and consumption needs.

2.2. Labor, income, and productivity

According to the General Statistics Office, the labor force aged 15 and above reached 53.0 million people in 2024, an increase of 575.4 thousand compared with the previous year, comprising 28.25 million men (53.4%) and 24.69 million women (46.6%). The unemployment rate among the working-age population was 2.24%, down 0.04 percentage points from the previous year, with 2.53% in urban areas and 2.05% in rural areas. The youth unemployment rate (ages 15–24) stood at 7.83%, up 0.30 percentage points from the previous year. Within this, the urban youth unemployment rate was 9.35% (down 0.45 percentage points), while the rural rate was 6.97% (up 0.61 percentage points). The underemployment rate among the working-age population was 1.84%, down 0.18 percentage points from the previous year, with 1.28% in urban areas (down 0.32 percentage points) and 2.20% in rural areas (down 0.07 percentage points).

> *In 2024, the labor market showed signs of improvement as the economy continued to recover. Labor productivity and incomes increased, while unemployment and underemployment among the working-age population declined.*

Labor productivity of the whole economy in 2024 was estimated at VND 221.9 million per worker at current prices (equivalent to USD 9,182 per worker, up USD 726 from 2023). At constant prices, labor productivity rose by 5.88%, driven by improvements in workers' qualifications, with the proportion of trained workers holding degrees or certificates estimated at 28.3% in 2024, up 1 percentage point from 2023.

GDP per capita in 2024 was estimated at VND 114 million (equivalent to USD 4,700), an increase of USD 377 compared with 2023. The average monthly income of workers was VND 7.7 million, an increase of 8.6% or VND 610 thousand from the previous year. By gender, average monthly income was VND 8.7 million for men and VND 6.5 million for women; by residence, it was VND 9.3 million in urban areas and VND 6.7 million in rural

areas. The base salary for public officials, civil servants, and the armed forces was raised from VND 1.8 million per month to VND 2.34 million per month, an increase of 30% - the highest ever - effective from July 1, 2024, under Decree No. 73/2024/ND-CP dated June 30, 2024. After no adjustment in 2023, the regional minimum wage was increased under Decree No. 74/2024/ND-CP dated June 30, 2024, effective from July 1, 2024. Wages were set according to four regions, at VND 4.96 million; VND 4.41 million; VND 3.86 million; and VND 3.45 million per month, respectively.

2.3. Inflation developments

Inflation showed a slight upward trend over the months of the year, averaging 3.63% for 2024 compared with 2023, in line with the target set by the National Assembly; core inflation averaged 2.71%.

In the early months of 2024, inflation in Viet Nam came under upward pressure; however, it began to moderate from the end of Q2/2024[5]. For the year as a whole, average CPI inflation was 3.63%, in line with the target. Several key factors helped Viet Nam successfully control inflation in 2024 despite strong pressures, including: ***(1)*** A slight decline in global oil prices (in 2024 compared with 2023, the domestic fuel price index fell by 2.78%); ***(2)*** Strong and decisive direction from the Government, with ministries, agencies, and localities implementing coordinated measures on taxation, supply, and price support to reduce inflationary pressures. These measures included closely monitoring supply–demand and market prices developments; ensuring smooth supply, circulation, and distribution of goods; reducing value-added tax on certain goods and services; lowering environmental protection tax on petroleum products; exempting, reducing, or deferring taxes, fees, and land rents to support businesses and households; and waiving tuition fees for the 2024–2025 school year in certain provinces and centrally-run cities; ***(3)*** Anchored inflation expectations, supported by Viet Nam's consistent track record of inflation control in recent years. These factors helped mitigate the impact of Government administered price adjustments, and rising input costs and rental

[5] The headline CPI inflation increased year-on-year from 3.37 percent in January 2024 to 4.4 percent in May 2024, before easing to 2.94 percent in December 2024.

housing prices (in 2024 compared with 2023, residential electricity prices rose by 7.68%; water supply prices by 8.33%; medicine and healthcare services by 7.16%; and housing and construction materials by 5.2%).

Core inflation also tended to ease in the second half of 2024, though at a slower pace than overall CPI inflation, as some major components of core inflation (such as dining out and rental housing prices) remained elevated[6]. Average core inflation for 2024 was 2.71%, lower than headline CPI, thereby contributing to macroeconomic stability. The continued control of domestic inflation further consolidated the macroeconomic foundation and reinforced the confidence of investors, businesses, and the public in Viet Nam's business environment.

Figure 2: CPI and core inflation, 2020-2024

(% compared to the same period)

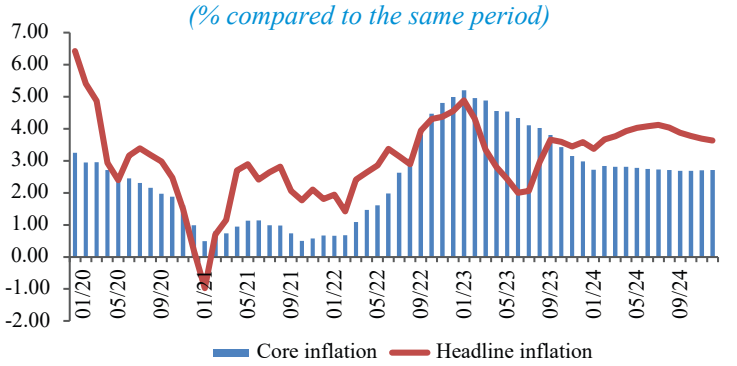

Source: General Statistics Office - Ministry of Finance.

2.4. State budget revenue and expenditure

State budget revenue[7] reached 120.1% of the estimate, equivalent to about 17.8% of GDP (2023: 100% of the estimate and 15.9% of GDP). Revenue outperformed estimates across most categories (except for slightly lower aid receipts), with crude oil revenue rising sharply to

State budget revenue increased sharply and exceeded the estimate, driven by stable economic growth and a recovery in import–export activities; state budget expenditure was higher than both the estimate and

[6] On average in 2024 compared with 2023, rental housing prices rose by 4.6 percent, while dining out prices increased by 3.99 percent.

[7] The State budget data for 2024 and 2023 are the estimated figures announced by the Ministry of Finance on the Ministry of Finance's electronic information portal. Based on the above State budget data sources, the SBV calculates the State budget revenue/GDP ratio and State budget expenditure/GDP ratio using the published adjusted GDP. The State budget deficit/GDP ratio is announced by the Ministry of Finance.

the same period last year. The state budget deficit was lower than the estimate.

127.5% of the estimate (2023: 81.6%). Domestic revenue accounted for the largest share of total budget revenue (around 80%), reaching 118.5% of the estimate (2023: 101.8%). Revenue from import–export activities reached 132.6% of the estimate (2023: 147.9%).

State budget expenditure exceeded the estimate approved by the National Assembly, reaching 113.9% of the estimate and equivalent to about 21.5% of GDP (2023: 98.1%). Of this, development investment spending reached 103.4% of the estimate (2023: 101.8%), while recurrent expenditure reached 106.1% (2023: 99.7%).

The state budget deficit was lower than the estimate in both absolute and relative terms, amounting to VND 359,720 billion, equivalent to 3.6% of GDP (2023: 4.0% of GDP).

2.5. Balance of payments

The overall balance of payments recorded a deficit in 2024, reversing from a surplus in 2023.

The overall balance of payments (BOP) deficit recorded a deficit of USD 9.17 billion in 2024, reversing from a surplus of USD 5.6 billion in 2023, as the FX market came under significant pressure from unpredictable global developments and less favorable domestic FX supply–demand conditions.

Figure 3: Viet Nam's Balance of payments, 2020-2024

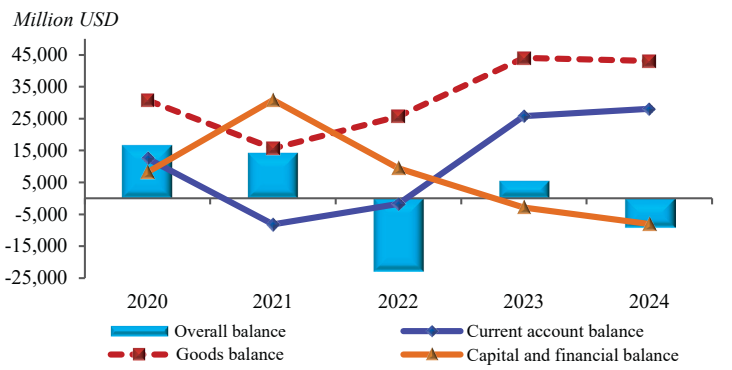

Source: the SBV

The current account balance had a surplus of 30.5 billion USD (equivalent to 6.45 % of GDP), up 10.6% from the USD 27.6 billion surplus in 2023, marking the third consecutive year of current account surplus. *The balance of goods* recorded a surplus of 43.05 billion

USD, down 2% from 2023. *The trade balance*[8] posted a surplus of USD 24.77 billion (equivalent to 6% of export turnover), 13% lower than the record-high surplus of USD 28.36 billion in 2023. Notably, both exports and imports of goods reached their highest values in recent years, with double-digit growth, representing one of the most positive developments in Viet Nam's external sector. *The services balance* recorded a deficit of USD 10 billion, up 43% from 2023, as service imports grew faster than exports. Specifically, service exports reached USD 23.85 billion, up 17.7%, while service imports reached USD 36.18 billion, up 24.4%. *The income balance* recorded a deficit of USD 15.7 billion, narrowing significantly from the USD 22.46 billion deficit in 2023. Within this, total income receipts reached USD 5.54 billion, up 21.8% from USD 4.55 billion in 2023, supported by higher investment returns from FX reserves and foreign currency deposits of credit institutions. Total income payments fell by 21.4% to USD 21.24 billion, largely due to lower dividend payments to foreign investors in 2024. *Current transfers* recorded a surplus of approximately USD 13.03 billion, broadly unchanged from 2023. Current transfer inflows reached USD 17.1 billion, up 6.3% from 2023, while outflows rose sharply by 33.9% to USD 4.09 billion.

The capital and financial balance recorded a deficit of USD 7.9 billion in 2024, following a deficit of USD 2.84 billion in 2023; apart from FDI inflows which remained in surplus, all other capital flows registered deficits. *Net FDI inflows*[9] reached USD 19.57 billion, down slightly by 2.4% from 2023 but still at a high surplus level. Other capital flows, however, were in deficit amid a highly

[8] Exports in 2024 reached USD 405.95 billion, up 14.4% year-on-year (2023: -4.6%). Imports reached USD 380.99 billion on a CIF basis (equivalent to USD 362.7 billion on an FOB basis), an increase of 16.7% year-on-year (2023: -9.2%).

[9] FDI disbursement by foreign investors in Viet Nam amounted to 20.17 billion USD, up 9% from the previous year. Total implemented capital, including both domestic and foreign contributions, stood at USD 25.35 billion, up 9.4% year-on-year. The sectors attracting the largest registerd capital were: manufacturing and processing: USD 25.58 billion (66.9%), real estate: USD 6.31 billion (16.5% share), followed by electricity production and distribution (over USD 1.42 billion) and wholesale and retail trade (nearly USD 1.41 billion). Among 114 countries and territories investing in Viet Nam, Singapore led with USD 10.21 billion (26.7%), followed by South Korea with USD 7.06 billion (18.5%), China, Hong Kong, Japan, etc.

uncertain global economic environment, with the Fed cutting interest rates more slowly than expected, keeping international USD interest rates elevated, strengthening the USD in global markets, and dampening capital flows into developing countries. *Net foreign portfolio investment* posted a deficit of USD 5.7 billion in 2024, reflecting net selling by foreign investors in the domestic stock market and net repayments of internationally issued bond. *External borrowing* recorded a deficit of USD 6.1 billion in 2024, driven by higher external debt repayments and slower borrowing demand under high interest rate conditions. *Money and deposits* registered a deficit of USD 15.57 billion, narrowing from the USD 18.33 billion deficit in 2023.

2.6. Monetary and financial developments

Monetary developments

Credit growth was in line with positive economic performance and remained the main driver of the increase in broad money (M2). In addition, accelerated public investment disbursement injected liquidity into the economy, further supporting M2 growth.

Total broad money supply (M2) increased by 11.97% by end-2024 compared with end-2023 (2023: 12.46%), mainly supported by credit growth and improved public investment disbursement. Credit to the economy rose by 15.09% year-on-year, while stronger public investment disbursement drove a sharp increase of 66.75% in the banking sector's net lending to the Government (2023: 0.69%). However, under mounting pressure on the exchange rate and the FX market, the SBV sold foreign currency to stabilize the macroeconomy and control inflation. This intervention was a factor restraining M2 growth, with net foreign assets declining by 1.16%, compared with an increase of 17.89% in 2023.

Figure 4: Growth of key monetary indicators, 2020-2024

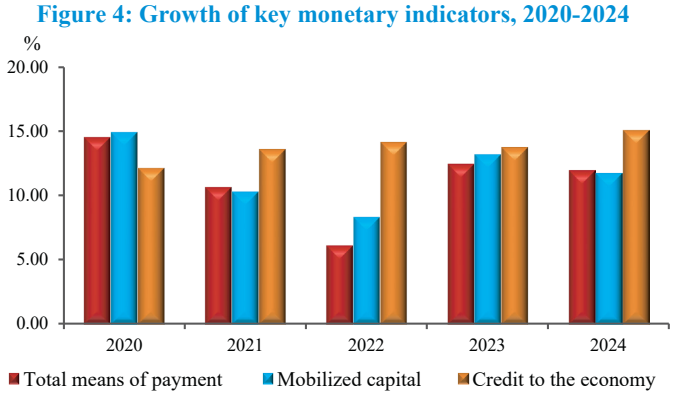

Source: the SBV

Banking sector deposits continued to increase

Total deposits mobilized by the banking system reached VND 16.28 quadrillion, up 11.74% from end-2023, of which VND-denominated deposits rose by 11.85% and foreign currency deposits by 10.1%. The dollarization ratio, measured by the share of foreign currency deposits in broad money, continued its downward trend for the third consecutive year, falling from 7.27% in 2022 to 6.12% in 2023 and further to 6.02% in 2024.

The composition of deposits showed a slight decline in the shares of state-owned commercial banks (SOCBs) and the Viet Nam Bank for Social Policies (VBSP), while other credit institutions (CIs) gained a modest increase[10], specifically: ***(i)*** SOCBs accounted for 45.57% of total system deposits, down from 45.87% in 2023; ***(ii)*** VBSP accounted for 0.79%, slightly lower than 0.84% in 2023; ***(iii)*** Other CIs accounted for 53.64%, up from 53.29% in 2023.

Figure 5: Growth of capital mobilization, 2022-2024
(% compared to the same period)

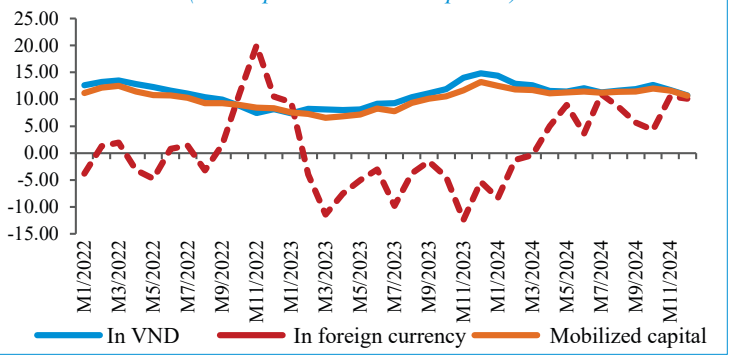

Source: the SBV

Figure 6: Capital mobilization by banking groups, 2024

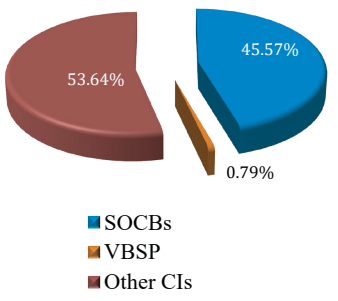

Figure 7: Credit to the economy by banking groups, 2024

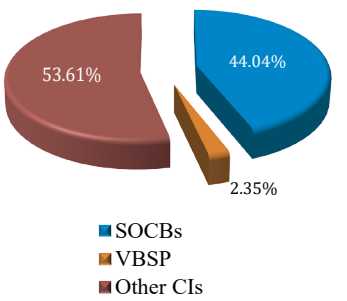

Source: the SBV

[10] Including joint stock commercial banks, non-bank credit institutions, People's Credit Funds, 100% foreign-owned commercial banks, joint venture commercial banks, and foreign bank branches.

Credit to the economy recovered strongly, providing vital capital for economic growth

By end-2024, credit to the economy reached VND 15.62 quadrillion, up 15.09% from end-2023 (2023: 13.78%), in line with the SBV's annual credit growth orientation[11]. Specifically, VND-denominated credit grew by 15.38% (2023: 14.21%), while foreign currency credit rose by 7.92% (2023: 4.21%). The share of foreign currency credit in total outstanding credit of the banking system continued to decline, consistent with the policy of de-dollarization of the economy.

In terms of credit structure by banking group, the share of outstanding credit increased in other CIs, while declining in the Viet Nam Bank for Social Policies (VBSP) and state-owned commercial banks (SOCBs): ***(i)*** Credit of other CIs accounted for 53.61% (2023: 53.2%); ***(ii)*** Credit of the VBSP accounted for 2.35% (2023: 2.45%); ***(iii)*** Credit of SOCBs accounted for 44.04% (2023: 44.35%).

Figure 8: Credit growth, 2022-2024
(% compared to the same period)

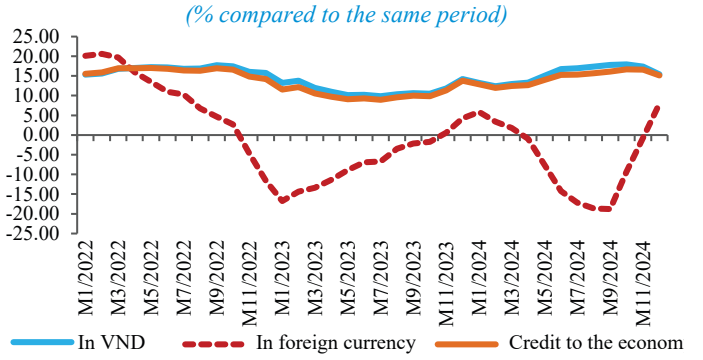

Source: the SBV

Interest rate developments

VND interest rate

Deposit and lending rates of CIs in 2024 continued their downward trend in 2024.

By end-2024, the average VND deposit rates offered by domestic commercial banks stood at: 0.1–0.2% per annum for demand deposits and term deposits of less than 1 month; 3.1–4.0% per annum for term deposits of 1 month to less than 6 months; 4.4–5.2% per annum for term deposits of 6 to 12 months; 5.0–5.9% per annum for

[11] Since the beginning of 2024, the SBV assigned the entire credit growth target to CIs at around 15%, as stipulated in Directive No. 01/CT-NHNN dated January 15, 2024.

term deposits of over 12 to 24 months; and 6.8–7.2% per annum for term deposits over 24 months. The average lending rates of domestic commercial banks for both new loans and outstanding loans ranged from 6.7–9.0% per annum. The average short-term VND lending rate for priority sectors was around 3.8% per annum, lower than the SBV's regulated maximum short-term lending rate of 4.0% per annum.

USD interest rate

By end-2024, USD deposit rates at CIs remained at 0% per annum for both individuals and organizations. The average USD lending rates of domestic commercial banks for both new loans and outstanding loans stood at: 4.1–4.9% per annum for short-term loans; 5.8–7.0% per annum for medium- and long-term loans.

Figure 9: Average deposit and lending rates, 2020-2024

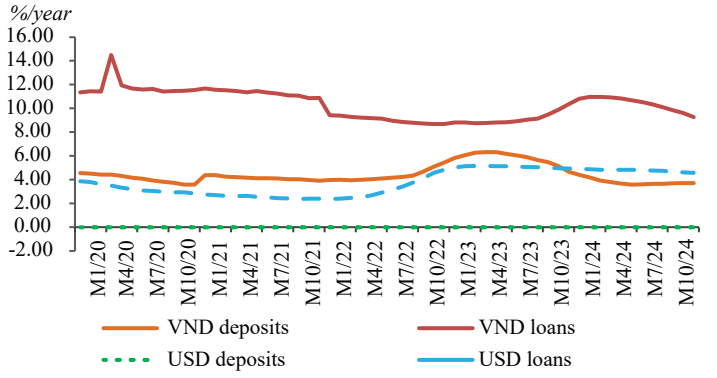

Source: the SBV

Interbank money market

The interbank market continued to expand, particularly in VND lending and deposit activities.

Total lending and deposit turnover in the interbank market reached VND 87,940 trillion, while USD-denominated transactions converted into VND reached VND 17,394 trillion, up 46% and 13% respectively compared with 2023. In contrast, repo transactions of valuable papers among CIs were smaller in scale, with turnover amounting to VND 872 trillion in 2024.

By maturity, transactions on the interbank market continued to concentrate in maturities of less than one month, with overnight and one-week tenors accounting

"Interbank interest rates increased in 2024 as the SBV proactively implemented measures to manage system-wide liquidity and ease pressures on the exchange rate and the FX market.

for the largest shares. Overnight VND transactions reached VND 76,954 trillion, and overnight USD transactions (converted into VND) reached VND 13,803 trillion, accounting for 88% and 79% respectively of total annual turnover.

Interbank interest rates increase

Average interbank interest rates showed an upward trend during 2024 as the SBV actively managed liquidity to mitigate exchange rate and FX market pressures. Annual average interest rates for overnight, one-week, and two-week maturities were 3.43%, 3.66%, and 3.76% per annum, respectively.

Figure 10: Average interbank interest rate (VND), 2020-2024

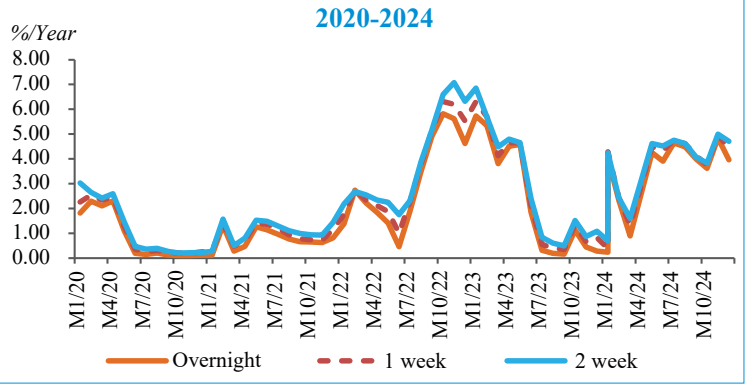

Source: the SBV

Foreign exchange market developments

The exchange rate and FX market came under significant pressure, with two-way fluctuations and rapid changes.

In the first half of the year and from October through year-end 2024, the exchange rate and the FX market faced signficant pressures from several factors: ***(i)*** Unpredictable global economic and political developments (Fed's monetary policy, the U.S. presidential election, geopolitical tensions, etc.); the USD was highly volatile and surged toward year-end, putting depreciation pressure on other currencies (DXY rose 6.71% by end-2024 compared with end-2023); ***(ii)*** During many periods, the negative interest rate differential between VND and USD in the interbank market spurred demand for holding USD and for forward FX purchases; and ***(iii)*** Domestic FX supply–demand conditions were less favorable, reflecting strong import growth and increased capital repatriation and profit transders by

foreign investors; in Q4, the State Treasury also generated large FX demand concentrated within a short period.

In Q3, market sentiment improved as external pressures eased. The Fed lowered its policy rate and signaled further monetary easing, while the USD depreciated significantly (DXY down about 5% during Q3). Domestic FX supply–demand conditions also improved compared with early 2024. Along with the SBV's stabilization measures, these factors drove a downward trend in the USD/VND exchange rate. As of December 31, 2024: the central exchange rate stood at 24,335 VND/USD (up 1.97% from end-2023); the average interbank exchange rate was around 25,477 VND/USD (up 5.03% from end-2023); Vietcombank's quoted buying/selling rates were 25,251/25,551 VND/USD (up 4.86 and 4.83%, respectively, from end-2023).

Figure 11: VND/USD exchange rate developments, 2024

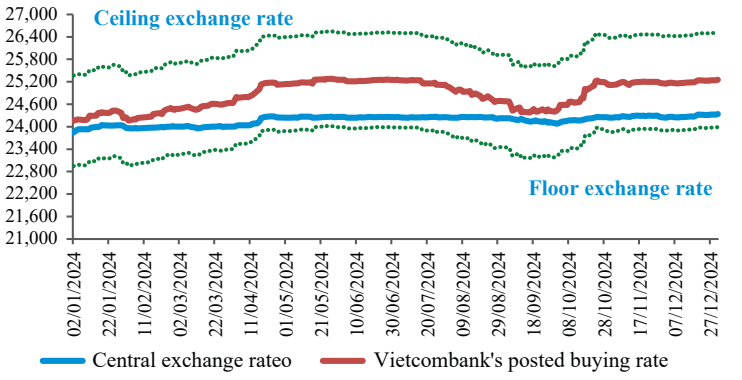

Source: the SBV

Gold price developments

In 2024, global gold prices followed a sharp upward trend, peaking at USD 2,795 per ounce on 30 October 2024. Domestic SJC bullion prices also rose markedly and fluctuated, hitting a record VND 90 million per tael on the same date. The gap between domestic SJC bullion prices and global prices remained wide, particularly in the first five months of 2024. This was mainly due to surging global gold prices while other investment channels were less attractive (a sluggish corporate bond market, difficulties in the real estate sector, and low deposit interest rates), which fueled speculation and gold hoarding by individuals and businesses. This tendency

> *Domestic gold prices increased in line with global trends, reaching the highest levels in many years.*

was reinforced by the common sentiment of increased gold hoarding whenever prices rise sharply.

Stock market

The Vietnamese stock market recorded encouraging growth.

In 2024, despite being affected by global economic and geopolitical volatility as well as strong net foreign outflows, Viet Nam's stock market still posted notable gains. As of 31 December 2024, the VN-Index stood at 1,266.78 points, up 12.1% from end-2023. The total market capitalization of the three exchanges (HOSE, HNX, and UPCoM) reached VND 7,173.32 trillion, up 20.8% from end-2023, equivalent to 70.2% of estimated 2024 GDP. In parallel with the index performance, market liquidity remained robust, with average daily trading value at VND 21,017 billion per session, up 19.2% compared with the previous year's average[12].

On average in 2024, the total market's average daily trading value reached VND 33.43 trillion, up 36.52% compared with 2023 (of which HOSE accounted for VND 18.76 trillion, HNX VND 1.47 trillion, UPCoM VND 916 billion, and the bond market VND 12.29 trillion)[13]. Regarding listing and registration activities, by end-December 2024, the market had 724 listed stocks and fund certificates on the two stock exchanges and 888 stocks registered for trading on UPCoM, with total listed and registered value of VND 2,296 trillion, up 7.9% from end-2023, equivalent to 20% of GDP. The number of investor accounts reached nearly 9.3 million by end-2024, an increase of 27.5% compared with end-2023. Overall, the stock market in 2024 maintained stable growth momentum, with increases in the index, liquidity, and market capitalization.

As for foreign investor transactions, for the whole year 2024, foreign investors recorded net sales of VND 84.88 trillion (including both stocks and bonds), compared with net sales of nearly VND 27 trillion in the same period of 2023[14].

[12] Report on Resolution No. 86/NQ-CP on developing a safe, transparent, efficient and sustainable capital market

[13] Calculation was based on data published on SSC's official electronic information portal.

[14] Data published on SSC's official electronic information portal.

2.7. Activities of credit institutions

By end-2023, the CIs system comprised: 04 state-owned commercial banks holding more than 50% of charter capital; 02 commercial banks under compulsory transfer; 01 commercial bank under compulsory purchase; 02 Policy Bank; 28 joint-stock commercial banks; 02 joint-venture banks; 09 wholly foreign-owned banks; 50 branches of foreign banks; 26 finance and financial leasing companies; 01 Cooperative Bank; 1,176 People 's Credit Funds and 04 microfinance institutions.

CIs continued to strengthen and enhance their financial capacity and governance, improved prudential ratios, and reinforced risk management in accordance with legal regulations and international best practices.

Table 1: Viet Nam's CIs system (as of December 31, 2024)

No	Type of credit institution	2023	2024
1	SOCBs	4	4
2	Commercial banks under compulsory transfer	0	2
3	Commercial banks under compulsory purchase	3	1
4	Social Policy Bank	1	1
5	Viet Nam Development Bank	1	1
6	Joint-stock commercial bank	28	28
7	Joint-venture bank	2	2
8	100% foreign-owned bank	9	9
9	Branches of foreign banks	50	50
10	Finance and financial leasing companies	26	26
11	Cooperative Bank	1	1
12	People's Credit Funds	1,178	1,176
13	Microfinance institutions	4	4

Source: the SBV

The financial capacity of CIs continued to be strengthened, with expansion in scale of operations

The financial capacity of the CIs system continued to be reinforced, with expansion in operational scale. Solutions for addressing non-performing loans (NPLs) were implemented in parallel with measures to control and prevent new NPLs from arising. Governance and risk management capacities of CIs were gradually enhanced, aligning more closely with international practices while remaining suitable for the Vietnamese market context. System liquidity remained stable, prudential limits and safety ratios were strictly observed by CIs, and business performance continued to improve. By end-2024, the

total assets of the system reached VND 22.78 quadrillion, up 14.4% compared with end-2023; total charter capital reached VND 1.11 quadrillion, up 11.1% from end-2023.

Table 2: Selected key indicators

Type of CI	Total assets		Chartered capital		Ratio of short-term funds used for medium and long-term loans (%)	Loan-to-deposit ratio (%)
	VND Billion	± %	VND Billion	± %		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
SOCBs	9,761,087	14.8	254,986	10.0	23.41	82.21
Social policy banks	382,158	8.5	24,781	3.4		
Joint-stock commercial banks	10,309,417	15.6	624,066	15.0	38.97	79.05
Joint-venture banks, foreign	2,038,226.7	9.24	173,589.8	6.39	-11.92	41.90
Finance and financial leasing companies	343,598	13.7	48,255	6.5	31.26	
Cooperative Bank	61,707	8.3	3.029	0.00	6.47	61.08
People's credit funds	191,476	4.2	7,778	11.4		
CIs system	**22,768,411**	**14.4**	**1,115,798**	**11.1**	**27.74**	**76.04**

Source: the SBV

Note:

- *Data are based on the Balance Sheet Reports and the December 2024 statistical reports of credit institutions (CIs) and branches of foreign banks, excluding microfinance institutions.*
- *The SOCBs group includes: Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development (Agribank), Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (VietinBank), Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank), Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV), Vietnam Modern One-Member Limited Liability Commercial Bank (MBV), Global Petroleum One-Member Limited Liability Commercial Bank (GPBank), and VCBNeo Digital Technology Commercial Bank Limited.*
- *Figures in columns (6) and (7) exclude the Vietnam Bank for Social Policies (VBSP) (not subject to reporting) and people's credit funds.*
- *Total assets are calculated in accordance with Circular No. 49/2014/TT-NHNN.*
- *The ratio of short-term funds used for medium- and long-term loans is not applicable for the group of joint-venture and foreign banks, as this group does not use short-term funds for medium- and long-term lending.*
- *The loan-to-deposit ratio is calculated pursuant to regulations on prudential ratios in banking operations applicable to banks and branches of foreign banks (Circular No. 22/2019/TT-NHNN).*

System-wide liquidity remained stable, with prudential limits and ratios strictly observed by CIs

In 2024, system-wide liquidity was ensured and financial stability was maintained. CIs largely complied with statutory liquidity reserve requirements. Liquidity conditions across CIs remained adequate. Total mobilized funds, particularly medium- and long-term funding, continued to increase compared with end-2023. The Capital Adequacy Ratio (CAR) of banks applying Circular No. 41/2016/TT-NHNN was 12.33%; those applying Circular No. 22/2019/TT-NHNN was 8.92%; and those applying Circular No. 23/2020/TT-NHNN was 17.82%. The average liquidity reserve ratio stood at 17.87%[15]; with most CIs meeting prudential limits and ratios as prescribed by law.

Table 3: Capital adequacy ratio of CIs and foreign banks branches

No.	Type of CI	Equity capital		Minimum capital adequacy ratio (%)
		VND billion	± %	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	**Group of banks applying Circular No. 41/2016/TT-NHNN**	**2,171,694.20**	**17.07**	**12.33**
1.1	SOCBs	757,395.90	16.11	10.24
1.2	Joint-stock commercial banks	1,055,990.90	16.92	12.17
1.3	Joint-ventured bank and foreign banks	358,307.40	19.60	21.47
2	**Group of banks applying Circular No. 22/2019/TT-NHNN**	**13,002.00**	**22.24**	**8.92**
2.1	SOCBs			
2.2	Joint-stock commerical banks	8,742.24	14.52	7.90
2.3	Cooperative Bank	4,259.76	41.86	12,11
3.	**Group of banks applying Circular No. 23/2020/TT-NHNN**	**63,337.09**	**10.54**	**17.82**

Source: the SBV

Note:

- *Data are based on December 2024 statistical reports of CIs and branches of foreign banks (excluding microfinance institutions).*
- *The SOCBs group includes: Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development (Agribank), Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (VietinBank), Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank), Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV), Vietnam Modern One-Member Limited Liability Commercial Bank (MBV), Global Petroleum One-Member Limited Liability Commercial Bank (GPBank), and VCBNeo Digital Technology Commercial Bank Limited.*
- *Regulatory capital and CAR exclude CIs with negative own capital.*

[15] Data extracted from the Off-site Supervision System (BSA) – Report Form L00010 dated March 24, 2025

Liquidity risk: System-wide liquidity was ensured. Total mobilized funds, particularly medium- and long-term funding, continued to increase compared with end-2023. The liquidity reserve ratio of CIs showed an improving trend, rising from 16.6% at end-2020 to 18.6% at end-2023. However, by end-2024, signs of decline re-emerged as the ratio fell back to 17.9%.

Credit risk: Against the backdrop of heightened global uncertainties adversely affecting the domestic economy and borrowers' repayment capacity, the SBV directed CIs to implement comprehensive measures to handle NPLs and to prevent the emergence of new NPLs. In 2024, the entire CI system resolved VND 334.7 trillion of NPLs, of which 44.6% were settled through provisioning, 35.7% through borrower repayments, and 15.1% through sales to the VAMC.

Part II – Operation of the State Bank of Viet Nam

In line with the directives of the National Assembly and the Government set out in the Resolutions on the 2024 socio-economic development plan,[16] the SBV issued Directive No. 01/CT-NHNN dated January 15, 2024, outlining the objectives and tasks of the banking sector for 2024 as follow: "*To conduct monetary policy in a proactive, flexible, timely, and effective manner, in close, coordinated, and harmonized alignment with fiscal policy and other macroeconomic policies, thereby supporting economic growth, maintaining macroeconomic stability, and keeping inflation under control with the 2024 average target of around 4–4.5%, while ensuring stability in the money market, FX market, and the banking system. In 2024, credit growth is oriented at around 15%, subject to adjustments in line with actual developments, with research on reforming the credit growth management mechanism. Credit growth shall be managed in harmony with macroeconomic conditions to support economic growth, control inflation, stabilize the macroeconomy, and ensure the safety of CIs' operations. The SBV will decisively and effectively implement the Scheme on "Restructuring the CI system in association with NPL resolution for the period 2021–2025," contributing to the development of a sound, efficient, transparent CI system in accordance with the legal regulations and in line with international standards and practices. The SBV will focus on effectively executing restructuring plans for weak CIs and commercial banks under special control as directed by the competent authorities. CIs shall be directed to intensify NPL resolution and recovery, improve credit quality, and prevent the emergence of new NPLs*".

[16] Resolution No. 103/2023/QH15 of the National Assembly dated November 9, 2023; Resolution No. 01/NQ-CP of the Government dated January 5 , 2024.

1. Monetary policy conduct

Proactively conduct appropriate monetary operations to both ensure system-wide liquidity and stabilize the money market, while achieving the objectives of monetary policy.

To conduct monetary policy in a proactive, flexible, timely, and effective manner, in close, coordinated, and harmonized alignment with fiscal policy and other macroeconomic policies, thereby contributing to promoting economic growth, maintaining macroeconomic stability, controlling inflation, and ensuring the stability of the money market, FX market, and the banking system.

In line with the directives of the National Assembly, the Government, and the SBV's monetary policy objectives, as well as developments in the money market and the liquidity position of CIs, the SBV continued to proactively and flexibly conduct open market operations (OMOs) to support system liquidity, contribute to money market stability, and closely coordinate with other monetary policy instruments to achieve monetary policy objectives. Accordingly, the SBV maintained daily repo operations of valuable papers with appropriate volumes and maturities, proactively increasing repo offerings when market demand arose to stabilize the money market, support CIs' liquidity, and ensure timely credit supply to the economy. From early August 2024, amid a decline and relative stability in the exchange rate, which created room for monetary policy management, the SBV reduced the repo rate on OMOs twice-from 4.5% to 4.25% per annum on August 5, 2024, and further to 4.0% per annum on September 16, 2024-thereby contributing to lower market interest rates and supporting economic growth in line with the Government's policy of interest rate reduction. In addition, at certain times when unpredictable international and domestic developments exerted pressure on the exchange rate, the SBV issued SBV bills with appropriate maturities and volumes to proactively manage monetary conditions and closely coordinate with other monetary policy tools in support of exchange rate management.

Maintaining low policy rates to facilitate lending rate reductions by CIs in support of the economy

In line with the National Assembly's guidelines and the Government and Prime Minister's directives on lowering lending rates to ease difficulties for the economy, enterprises, and households, in 2024 the SBV maintained its policy rates unchanged, despite global

interest rates remaining elevated. This created favorable conditions for CIs to access SBV funding at low cost. The SBV also directed CIs to cut costs in order to reduce lending rates and support the economy.

Maintaining reserve requirement ratios (RRRs) for VND and foreign currency deposits

The SBV maintained the general RRRs for CIs to proactively control monetary conditions and ensure stable system liquidity and interest rates. Accordingly, in 2024, the RRR for VND deposits was maintained at 3% for demand deposits and term deposits of less than 12 months, and 1% for term deposits of 12 months or more. For foreign currency deposits, the RRR was maintained at 8% for demand deposits and term deposits of less than 12 months, 6% for term deposits of 12 months or more, and 1% for deposits of offshore CIs.

Continuing refinancing operations in line with monetary policy objectives and the Government's directives

Refinancing instruments were managed in line with Government policies, SBV's monetary policy objectives, and CIs' capital needs. Accordingly, in 2024: ***(i)*** No refinancing requests were submitted by CIs; ***(ii)*** Refinancing repayments were collected from the VBSP related to loans for employers to pay wages under Government Resolution No. 68/NQ-CP and Prime Minister's Decision No. 23/2021/QD-TTg; ***(iii)*** Refinancing was extended for CIs' loans to Viet Nam Airlines Corporation (VNA) under SBV Circular No. 42/2024/TT-NHNN dated July 22, 2024.

Flexibly and appropriately manage exchange rate to absorb external shocks while maintaining FX market stability

Facing strong pressures in the FX market, the SBV: ***(i)*** continued to manage the exchange rate in a flexible manner, consistent with market conditions, thereby helping absorb external shocks; ***(ii)*** coordinated synchronously monetary policy (MP) instruments in each period to manage excess VND liquidity, thereby reducing the negative interest rate differential between VND

and USD in the interbank market and easing exchange rate pressures; and ***(iii)*** intervened in the market when necessary to ensure market liquidity, meet the economy's FX needs, and stabilize market sentiment.

Implementing credit policy measures to meet credit demand for the economy while contributing to inflation control; maintaining strict oversight of credit to high-risk sectors; and facilitating businesses' and households' access to bank credit.

Based on the economic growth and inflation targets set by the National Assembly and the Government, the SBV oriented credit growth at around 15%, subject to adjustment in line with actual developments. Accordingly, credit management measures were implemented proactively, flexibly, and appropriately to macroeconomic and inflation conditions, ensuring sufficient capital for the economy. To facilitate CIs in supplying credit, on December 31, 2023, the SBV allocated the entire 2024 credit growth quotas to CIs and publicly announced the guiding principles for CIs to proactively implement credit expansion.

In 2024, following the Government's and Prime Minister's directions on flexible, effective, and timely credit growth management to ensure adequate credit supply for the economy, and in the context of inflation being well contained below the target, the SBV proactively made two adjustments credit growth limits for CIs in August and November. These adjustments were carried out based on specific principles, ensuring publicity and transparency, in order to promptly meet capital needs of the economy and support production and business activities. At the same time, the SBV continued to reform credit growth management and implement the policy of the National Assembly and the Government on gradually phasing out the use of credit growth targets for credit institutions.

In parallel, the SBV required CIs to strictly comply with the directions of the Government, the Prime Minister, and the SBV on monetary and credit activities, as well as regulations on credit granting to enhance business efficiency, ensure system safety, and stabilize the money

market. Credit growth was pursued in a safe, efficient, and sound manner, with measures to prevent and minimize NPLs, ensure the safe operation of CIs, strictly control lending to high-risk sectors, and strengthen credit risk management to safeguard credit quality.

Implementing multiple coordinated measures to enhance credit access for businesses and individuals, thereby helping to curb informal lending

In 2024, the SBV actively deployed a wide range of measures to improve credit accessibility for businesses and households, including: ***(i)*** refining the legal framework for credit extension activities with new provisions that facilitate CIs operations and enhance credit access for businesses and individuals; ***(ii)*** organizing sector-wide virtual conferences on promoting bank lending and conducting physical working sessions in selected localities on credit matters; ***(iii)*** intensively implementing the bank–enterprise connecting program through appropriate formats; and ***(iv)*** vigorously deploying Government and Prime Minister's directed credit programs to ease difficulties, while, within its authority, leveraging the National Population Database for consumer and personal needs. At the same time, the SBV required CIs to accelerate administrative reforms, streamline lending procedures, optimize digital transformation in credit processes, and diversify banking credit products tailored to different borrower groups and financing needs.

2. Foreign exchange management

Strengthening the development and improvement of the legal framework for FX management

The SBV continued to improve the legal framework for FX activities and to revise the system of legal normative documents in line with actual conditions, thereby creating a comprehensive and consistent legal corridor that facilitates organizations and individuals in conducting FX activities in compliance with the law. In 2024, the SBV issued five circulars relating to FX management of cross-border trade activities and capital transactions. These new regulations helped improve

Further improving the legal framework for FX management. Effectively implementing the management of current account

transactions, foreign investment flows, external borrowing and repayment, management of SBV's foreign reserves, and gold market management.

the legal framework governing cross-border transfers, facilitating organizations and individuals (reducing costs and time for administrative procedures), thereby attracting foreign currency inflows into Viet Nam, addressing difficulties and bottlenecks in foreign reserve management; at the same time, they enabled government agencies to reduce administrative processing time and storage costs, thereby improving the allocation of human resources more effectively.

Comprehensive implementation of measures to effectively manage current account transactions

The management of current account transactions continued to be carried out in the direction of liberalization, consistent with Viet Nam's international commitments. At the same time, the SBV continued to implement policies restricting the use of foreign currency in the domestic economy to realize the policy of limiting and eventually eliminating dollarization, strengthening public confidence in the VND, and minimizing negative impacts on FX supply and demand as well as monetary policy operations. Accordingly: ***(1)*** Remittance policies remained open and aligned with integration trends, encouraging and facilitating overseas Vietnamese to remit money back to Viet Nam, thereby increasing FX supply for the economy, improving Viet Nam's balance of payments, and contributing to domestic economic development; ***(2)*** Foreign currency exchange agent operations serving the needs of foreign tourists and the buying/selling of cash foreign currency between licensed CIs and individuals to meet legitimate overseas spending needs were conducted in accordance with the provisions of law, thereby facilitating the flow of FX into the banking system; ***(3)*** Oversight of cross-border payments and transfers was further enhanced by requiring CIs to establish a uniform Code of Practice on the categories and principles for providing supporting documents for unilateral outward transfers by Vietnamese residents. In addition, the SBV actively coordinated with competent authorities to strictly implement corrective measures in the market; detect, prevent, and handle violations of FX management regulations; and strengthen communication efforts, thereby ensuring the market operates stably and smoothly.

Managing foreign investment flows

FX management related to inward foreign investment into Viet Nam continued to be implemented with a view to facilitating capital inflows, thereby promoting economic growth and improving the international balance of payments. Meanwhile, outward investment activities from Viet Nam were managed prudently and carefully - both to support domestic investors in seizing effective opportunities abroad, and to ensure strict oversight of outward capital flows, while prioritizing the concentration of resources for domestic economic development.

Managing external borrowing and repayment

The SBV continued to closely monitor and manage the external borrowing and repayment activities of enterprises not guaranteed by the Government, in line with the national external debt management objectives. The SBV ensured that enterprises' net self-borrowed and self-repaid external debt remained within the borrowing limits approved by the Prime Minister. This approach not only guaranteed compliance with national external debt safety indicators but also met enterprises' financing needs.

Managing SBV's foreign reserves

In 2024, amid volatile international market conditions, the SBV sold foreign currency and gold to intervene in the market in order to ease exchange rate pressures, stabilize the FX and gold markets, and meet legitimate economic demands, thereby contributing to macroeconomic stability and inflation control. At the same time, the SBV proactively reviewed and flexibly adjusted the structure, standards, and investment limits of its foreign reserves management portfolio, ensuring alignment with domestic and international financial market developments while maintaining compliance with the principles of safety, liquidity, and profitability.

Managing the gold market

The SBV continued to implement gold market management measures in accordance with Government Decree No. 24/2012/ND-CP dated April 3, 2012,

specifically: ***(i)*** Closely monitoring domestic and international market developments and preparing intervention measures when necessary (e.g., gold bar auctions, direct sales through four state-owned commercial banks and SJC Company); ***(ii)*** Closely managing and supervising the gold bar market; ***(iii)*** Coordinating with relevant ministries, agencies, and units to conduct inspections and regulate gold market activities in line with the Government's directions; ***(iv)*** Strengthening communication on State policies for gold market management. In parallel, the SBV continued to prepare a comprehensive report assessing the implementation of Decree No. 24/2012/ND-CP to provide policy advice and propose to the Prime Minister appropriate gold market management measures in response to evolving circumstances.

3. Banking inspection and supervision

Inspection work

The SBV continued to vigorously and comprehensively implement measures on banking inspection and supervision; restructuring CIs in connection with non-performing loan resolution; and promoting the adoption of Basel II international standards to ensure safe and effective operations.

Inspection activities continued to be renewed, with a stronger focus on thematic inspections, thereby concentrating supervisory resources on institutions and areas with higher potential risks of irregularities, corruption, or violations. In 2024, the SBV carried out 1,412 inspections and examinations, focusing on the following areas: ***(i)*** Credit granting activities; ***(ii)*** Loan classification, resolution of NPLs, provisioning for risk management, and off-balance sheet debt recovery after risk handling; ***(iii)*** Advisory, introduction, and provision of corporate bond information to clients; ***(iv)*** Anti-money laundering (AML) and counter-terrorism financing (CTF) activities; ***(v)*** Compliance with regulations on cash collection and disbursement, vault security, management and use of valuable papers, and cash audits at People's Credit Funds; ***(vi)*** Equipping, managing, operating, and ensuring the safety of ATM activities; ***(vii)*** Gold trading activities… These inspections identified shortcomings and violations in the operations of Cis, leading to recommendations and strict handling measures to maintain discipline and order in monetary and banking activities. In 2024, the SBV issued 341 administrative

sanction decisions with total fines amounting to VND 44.8 billion. In parallel, the SBV continued to perform well in citizen reception, complaint and denunciation resolution, and strengthened anti-corruption and integrity measures within the banking sector, including verification of assets and income in accordance with the law.

Supervision work

Banking supervision continued to be strengthened, with gradual adoption of new measures closely linked to inspection activities, enabling timely detection and early warning of risks or violations in CIs' operations, thereby contributing to systemic safety. Key activities included: preparing macroprudential safety supervision reports for the CI system and for CI groups; preparing microprudential supervision reports in line with the SBV's Supervisory Handbook; conducting ratings of supervised CIs as prescribed by Circular No. 52/2018/TT-NHNN (as amended); and coordinating information sharing with relevant agencies (such as the Ministry of Public Security, People's Courts, Customs,…) in the supervisory process…

Licensing management

In 2024, licensing activities related to the establishment and operation of CIs continued to be implemented in compliance with regulations and in line with practical developments of the institutions. Regarding new establishment licenses, the SBV granted Certificates of Eligibility for providing credit information services to two credit information companies, and was processing applications from Korean banks in Viet Nam as well as an additional credit information company. With respect to licensing during ongoing operations, the SBV handled CI applications concerning: approval for expansion/reduction of operational networks; changes in charter capital/allocated capital; proposed personnel; relocation of head offices; transfers of equity/capital shares; amendments and supplements to operating licenses; approvals related to license revocation and asset liquidation; and additional operating activities for compulsory-purchase commercial banks…

AML and CFT activities

Efforts in AML and CTF continued to yield significant results, contributing to the prevention of domestic and international crime, safeguarding national financial and monetary security, and ensuring the safety of the banking system. The SBV worked closely with ministries and agencies to implement a wide range of important tasks, including: ***(1)*** Organizing the implementation and reporting on the National Action Plan on AML, CTF, and counter-proliferation financing for weapons of mass destruction (2021–2025), in accordance with the Prime Minister's Decision No. 941/QD-TTg dated August 5, 2022; ***(2)*** Leading the drafting and implementation of Government Resolutions approving the results of the 2018–2022 National Risk Assessment on money laundering and issuing follow-up action plans (Resolution No. 17/NQ-CP dated May 10, 2024; Resolution No. 35/NQ-CP dated May 29, 2024; Resolution No. 71/NQ-CP dated May 15, 2024, among others); ***(3)*** Issuing Decision No. 06/QD-BCDPCRT dated January 17, 2024 on the Regulation on the Organization and Operation of the AML Steering Committee; and Decision No. 507/QD-NHNN dated March 22, 2024 on strengthening the Steering Committee and its supporting bodies for AML and CTF in the banking sector; (40 Fulfilling Viet Nam's membership obligations in the Asia/Pacific Group on Money Laundering (APG), serving as the focal point for the implementation and reporting of progress under the National Action Plan on AML, CTF, and counter-proliferation financing, with quarterly submissions to the Financial Action Task Force (FATF) Joint Review Group.

In addition, the SBV continued collecting, analyzing, and disseminating suspicious transaction reports to competent authorities. In 2024, the SBV processed approximately 5,261 supsicious transaction reports submitted by reporting entities (accounting for over 80% of total reports received); issued 28 information exchanges with the Ministry of Public Security and provincial police authorities; responded to 622 out of 630 domestic requests for information and documentation

from competent agencies; and fulfilled 41 out of 42 requests for information from foreign financial intelligence units. At the same time, the SBV advanced the application of information technology to further digitize the reporting system for AML purposes.

Continuing the implementation of the scheme on "Restructuring the System of CIs in association with resolving NPLs for the 2021–2025 Period"; directing CIs to ensure safe and effective operations in accordance with Basel II standards

Promoting the restructuring of CIs in association with NPL resolution

In line with the Scheme on Restructuring the System of CIs in association with Resolving NPLs for the 2021–2025 period issued under the Prime Minister's Decision No. 689/QD-TTg dated June 8, 2022 ("Scheme 689"), in 2024, the SBV continued to accelerate the implementation of the Scheme's tasks and solutions, focusing on: ***(1)*** Reviewing and improving the legal framework on monetary policy, banking operations, restructuring, and NPL resolution, including advising the Government to submit to the National Assembly the Law on CIs (2024), which codifies certain provisions on NPL resolution by CIs; ***(2)*** Directing CIs to implement measures to strengthen financial capacity, governance, management, and NPL resolution in line with the objectives and solutions set out in the approved plans under Scheme 689; ***(3)*** Guiding internal units to step up communication on key achievements in monetary policy management and banking operations, particularly in restructuring and NPL resolution, the amended Law on CIs (2024), and related regulations, as well as issues of public concern such as cross-ownership, bond and insurance business, and capital increases for commercial banks; ***(4)*** Strengthening coordination with ministries and agencies to ensure effective implementation of Scheme 689; ***(5)*** Advising the Government on issuing Resolutions on mandatory transfer of three compulsorily purchased banks and DongA Bank, thereby enabling the SBV to issue mandatory transfer decisions and organize their transfer to acquiring banks-marking an important milestone in addressing and restructuring weak banks.

Ensuring safe and effective operations in line with Basel II standards

CIs' governance, management, and risk management capacity have continued to improve, gradually aligning with international practices. The implementation of Basel II remained a priority for CIs in order to meet capital adequacy requirements. To date, 90 commercial banks and foreign bank branches have applied the capital adequacy ratio in accordance with Circular No. 41/2016/TT-NHNN. CIs also continued to enhance governance, risk control, and internal control in compliance with Circular No. 13/2018/TT-NHNN and related regulations. Meanwhile, the SBV has been working on a regulatory framework for the application of Basel II and Basel III standards, including guidance for banks on the standardized approach (SA) and the internal ratings-based approach (both FIRB – Foundation Internal Ratings-Based and AIRB – Advanced Internal Ratings-Based).

4. Macroprudential supervision of the financial system

The SBV continued to enhance the effectiveness and efficiency of macroprudential oversight and monetary–financial stability, while focusing on improving the legal framework, tools, and macroprudential policies to prevent systemic risks and mitigate adverse impacts on the economy.

The SBV further consolidated and improved its financial stability analytical framework; strengthened the financial and macroeconomic database serving the monitoring, identification, analysis, and assessment of potential risks affecting financial stability and macroprudential safety; collected financial and macro data to develop financial vulnerability indicators; and implemented several activities and tools to analyze and assess risks and systemic vulnerabilities, including: financial system risk surveys, stress testing of the banking system against shocks, and developing heatmaps to assess risks of domestic systemically important banks (D-SIBs). The SBV also produced regular reports monitoring monetary and financial stability and analyzing macro-financial linkages. At the same time, the SBV continued to study and refine the legal framework on financial stability and macroprudential tools and policies to prevent systemic risks and minimize adverse impacts on the economy.

5. Legal and regulatory work

Lawmaking work

In 2024, the SBV actively improved the legal framework for the banking sector; proactively reviewed and amended, supplemented legal normative documents, mechanisms, policies, and legal frameworks related to the organization and operation of monetary, credit, and banking activities to ensure they are stringent, safe, consistent with the Vietnamese legal system, and aligned with international commitments, practices, and standards. The SBV also amended and supplemented a number of legal normative documents to reflect actual conditions and State management requirements, thereby facilitating access to bank credit for individuals and enterprises; while at the same time, it completed the system of legal documents on the restructuring and handling of non-performing loans of CIs, and the resolution of weak CIs, ensuring effectiveness, consistency, and uniformity in implementation. As a result, in 2024, the SBV submitted to the Government and the National Assembly the Law on CIs No. 32/2024/QH15 for approval; at the same time, submitted to the Government and the Prime Minister 05 decrees and 02 decisions for promulgation, and issued 64 circulars under its authority (including 03 decrees, 01 decision, and 42 circulars detailing and guiding the implementation of the Law on CIs).

> *Law-making and law enforcement activities continued to be strengthened in order to improve the legal framework for monetary and banking operations, contributing to enhancing the effectiveness of state management and improving the transparency and consistency of the banking legal system.*

Review, systematization, and implementation of banking legal documents

In 2024, the SBV reviewed and announced a list of 76 legal normative documents that had expired or were fully invalidated, and 50 legal normative documents that had partially expired within the SBV's management scope.

At the same time, the SBV regularly updated and monitored the implementation of newly issued legal normative documents of the National Assembly, the Government, and the Prime Minister, in order to promptly propose the formulation of guiding documents, or the amendment, supplementation, or issuance of new documents under its authority to meet management

requirements, thereby improving the transparency and consistency of the banking legal system.

6. Issuance and treasury operation

Issuance and cash circulation management

Effectively implemented currency issuance and vault management operations, ensuring system security and monetary safety.

In 2024, cash deficits remained at a high level. In this context, the SBV flexibly regulated and supplied cash, fully meeting circulation needs in both value and denomination structure. Cash transfers within the SBV system were carried out proactively and promptly, ensuring asset safety. Cash reserves at local branches were maintained at appropriate levels to meet the increased cash demand at year-end and during the Lunar New Year period. The SBV flexibly adjusted the proportion of VND 500,000 notes in cash disbursements, promoted the circulation of medium and small denominations to balance the structure of banknotes in circulation, and strengthened the collection, exchange, sorting, and cleaning of notes to ensure currency quality. Banknotes deemed unfit for circulation continued to increase (up 3.2% compared with 2023). At the same time, the SBV developed and piloted standards for unfit polymer banknotes currently in circulation, which are expected to be officially applied uniformly across the banking system in the near future.

Vault safety management

In 2024, the SBV continued to improve the legal framework to enhance the effectiveness of vault management activities, ensuring that regulations were appropriate to practical requirements. On December 31, 2024, the SBV promulgated Circular No. 60/2024/TT-NHNN on treasury services for CIs and foreign bank branches, creating favorable conditions and encouraging CIs to provide treasury services to other institutions with demand-particularly smaller units with limited transaction volumes, infrastructure, transport, and staffing. This measure helped improve specialization and professionalism in monetary and vault operations across the banking system.

The SBV also continued to effectively implement both regular and ad-hoc inspections of vault safety, promptly identifying shortcomings and deficiencies for correction, thereby ensuring absolute asset safety. In addition, the SBV studied and arranged the cash supply and transport network within its system in line with the plan for provincial administrative unit consolidation, and reviewed relevant legal normative documents impacted by the SBV's organizational restructuring under Resolution No. 18-NQ/TW dated October 25, 2017, of the 6th Plenum of the 12th Party Central Committee.

Counterfeit prevention and protection of the Vietnamese Currency

The SBV promptly analyzed, examined, and issued warnings on newly emerging counterfeit banknotes to the banking system and the State Treasury; actively monitored the detection and seizure of counterfeit banknotes. The SBV continued to provide training on skills for distinguishing genuine from counterfeit banknotes to cashiers, treasurers, and tellers of CIs and the State Treasury, and closely coordinated with competent authorities in implementing anti-counterfeit measures and protecting the Vietnamese currency. To improve the legal framework on counterfeit prevention and currency protection, and to implement Decree No. 87/2023/ND-CP dated December 8, 2023 of the Government, on December 31, 2024 the SBV Governor promulgated Circular No. 58/2024/TT-NHNN guiding the handling of counterfeit and suspected counterfeit banknotes in the banking sector. This circular provides the legal basis for CIs, organizations, and individuals involved in detecting and handling counterfeit and suspected counterfeit banknotes to ensure uniform compliance with the law.

7. Payment system and digital transformation

Modernization of the payment systems

Interbank Electronic Payment System (IBPS)

The IBPS operated safely, efficiently, and smoothly, continuing to serve as the backbone payment system of the country, meeting the payment and fund transfer

"The payment system continued to be modernized,

operating in a stable, safe, convenient, and secure manner, effectively serving the payment needs of the economy; digital transformation in banking activities was further strengthened.

needs of its member institutions while promoting fast, convenient, accurate, safe, and secure payment services. By the end of 2024, the IBPS had 100 members and 70 associate members (excluding the SBV), maintaining the same number of members and decreasing by 2 associate members compared to 2023. The total volume of domestic transactions processed through the IBPS reached 142,436 thousand transactions, with a total value of VND 268,180 trillion (up 7.43% in volume and 32.90% in value compared to 2023).

Figure 12: Transaction volumes in the Interbank Electronic Payment System, 2020-2024

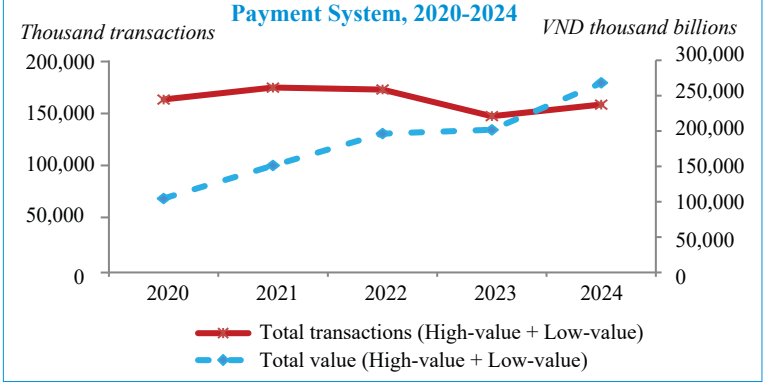

Source: the SBV

Financial switching and clearing systems

The financial switching and electronic clearing systems operated stably and seamlessly, meeting the payment needs of the economy; processing approximately 9.56 billion transactions with a total value of VND 61.05 million trillion (up 29.69% in volume and 15.12% in value compared to 2023). The Automated Clearing House (ACH) system, which supports retail payment transactions with real-time, 24x7x365 operations, multi-channel and multi-platform processing, facilitated transfers, retail payments, and utility bill settlements. In 2024, the ACH system processed 553.84 million transactions with a value of VND 4.93 million trillion (up 139.69% in volume and 75.17% in value compared to 2023).

Card payment activities

Banks continued to invest in and improve the quality of ATMs and POS terminals, installing them at most public service providers, retail outlets, shopping centers,

and supermarkets. By the end of 2024, there were 21,123 ATMs nationwide (up 0.77% compared to 2023), 737,159 POS terminals (up 37.15%), and 155.8 million bank cards in circulation (up 6%). The number of individual payment accounts reached 204.5 million (up 11.85%).

Transactions via POS reached 716.14 million transactions with a total value of VND 1.17 million trillion (down 1.75% in volume and 4.40% in value compared to 2023). Transactions via bank cards reached 2.32 billion with a value of approximately VND 4.45 million trillion (up 1.83% in volume but down 2.31% in value). ATM transactions continued to decline[17], falling by 12.83% in volume and 4.49% in value compared to 2023 (totaling 846.06 million transactions with a value of VND 2.67 million trillion), indicating that policies promoting cashless payments have been effective, with the public's demand for cash transactions increasingly being replaced by non-cash payment methods and habits).

Payment activities through electronic payment channels

In 2024, electronic payment activities maintained a strong growth momentum compared to 2023. The number of non-cash payment transactions reached 17.77 billion, with a total value of VND 295.18 quadrillion (up 56.68% in volume and 32.79% in value). Internet-based transactions totaled 3.25 billion, valued at VND 78.34 quadrillion (up 49.73% in volume and 33.12% in value). Mobile phone-based transactions reached 12.27 billion, with a value of VND 73.85 quadrillion (up 54.08% in volume and 34.03% in value). QR Code transactions amounted to 305.58 million, valued at VND 181.68 trillion (up 104.65% in volume and 97.14% in value).

At the same time, in 2024, the SBV continued to implement policies on opening payment accounts via electronic know-your-customer (eKYC) procedures; issuing bank cards through eKYC; and rolling out new policies on payment agents, enabling people in rural, remote, and isolated areas to access banking services without having to visit bank branches. The SBV also closely

[17] Transactions via ATMs in 2023 decreased by 9.34% in volume and 9.08% in value compared to 2022.

coordinated with the Ministry of Public Security and the Ministry of Information and Communications to pilot the Mobile Money service, which allows the use of telecom accounts to pay for small-value goods and services. This has provided unbanked groups with an additional online payment channel. By the end of 2024, the total number of registered and active Mobile Money accounts exceeded 10.2 million, of which nearly 7.3 million accounts (about 72% of the total) belonged to customers in rural, mountainous, remote, border, and island areas.

In 2024, the market included 50 non-bank organizations licensed by the SBV to provide intermediary payment services, of which 47 organizations offered e-wallet services and 48 provided electronic payment gateways and collection/payment support services. These intermediaries actively cooperated with banks to diversify and enhance the convenience of services, expand customer reach, and optimize IT infrastructure investment costs, thereby contributing positively to the development of non-cash payments. By the end of 2024, the number of active e-wallets was nearly 31.9 million, with 4.7 billion successfully processed transactions valued at over VND 2.11 quadrillion (up 11.84% in volume and 6.9% in value compared to 2023).

Enhancing digital transformation in banking operations to deliver innovative, safe, and convenient products and services to customers

In implementing the Banking Sector Digital Transformation Plan, credit institutions (CIs) and payment intermediaries have applied advanced digital technologies to optimize and simplify business processes, improve operational efficiency, and enhance customer experience. Many customer-friendly banking products and services with high utility value have been introduced to the market, effectively meeting diverse customer needs. According to the SBV's 2024 survey: ***(i)*** 50% of CIs have issued and implemented an Artificial Intelligence/ Machine Learning (AI/ML) application strategy or integrated it into their technology strategy; ***(ii)*** 100% of surveyed CIs have applied data technologies (such as data analytics, big data, AI/ML) in their business processes.

The most widely adopted processes include personal lending (100%), risk management (95%), card issuance and usage (87.8%), corporate lending (85%), and account opening and transaction services (83.7%)...

In 2024, the banking sector actively implemented Decision No. 06/QD-TTg dated January 6, 2022, of the Prime Minister[18] to promote and facilitate the provision of safe, secure, and convenient payment products and services that meet customers' growing demands. The SBV instructed CIs and payment intermediaries to research and apply population data, chip-based ID cards, electronic identification accounts, and VNeID to cleanse customer data, enhance customer identification and verification accuracy, and prevent identity fraud and illegal use of banking services. At the same time, efforts were made to apply population data to develop and deliver the most convenient and secure banking products and services to citizens and customers. By the end of 2024, the banking sector had verified over 80 million individual customer profiles (CIF) through biometric comparison using chip-based ID cards or VNeID. A total of 57 CIs had deployed chip-based ID card verification via in-branch devices, while 51 CIs and 32 payment intermediaries had enabled chip-based ID card verification through mobile applications.

Management of payment activities and supervision of payment systems

SBV's management and oversight of payment activities and payment systems in 2024 focused on: ***(1)*** Real-time daily monitoring of the National Interbank Payment System (NIPS); ***(2)*** Monitoring ATM operations through multiple channels; ***(3)*** Regular supervision of other key payment systems, including the Foreign Currency Payment System, the Securities Transaction Payment System, and the Financial Switching and Clearing System; ***(4)*** Strengthening supervision, inspection, and examination of payment intermediaries to ensure safe and efficient operations. In addition,

[18] Decision No. 06/QD-TTg dated January 06, 2022 of the Prime Minister approving the Scheme on the Development of population data, identification and electronic authentication application to serve the national digital transformation for the 2022 – 2025 period, with a vision to 2030.

new regulations on payment system supervision and oversight of payment intermediaries were issued in 2024, helping to mitigate risks and ensuring that payment systems operate safely, efficiently, and seamlessly to meet the payment needs of the economy.

8. Green banking initiatives

Solutions to promote green banking activities continued to be vigorously implemented, with green credit oustanding maintaing positive growth.

Measures to promote green banking activities continued to be vigorously implemented, including: ***(i)*** Reviewing and amending the Green Banking Development Project in Viet Nam (Decision No. 1663/QD-NHNN dated August 6, 2024) to remove obstacles and facilitate the implementation of tasks and solutions by SBV units and CIs; ***(ii)*** Integrating directives requiring CIs to continue implementing the tasks under Decision No. 1408/QD-NHNN dated July 26, 2023, on the Banking Sector Action Plan for implementing the National Green Growth Strategy for 2021–2030, focusing resources on financing green economic sectors, thereby contributing to the realization of commitments under COP-26, in line with Directive No. 01/CT-NHNN dated January 15, 2024, of the SBV Governor and resolutions of banking credit promotion conferences; ***(iii)*** Directing CIs to actively implement credit programs and policies consistent with green growth objectives, such as preferential lending policies for organic and circular agricultural production models, linkages and high-tech applications in agriculture; policy credit programs through the VBSP to support low-income households with climate-resilient housing; and the lending program to support the Project "Sustainable Development of High-Quality and Low-Emission Rice Cultivation Areas Associated with Green Growth in the Mekong Delta by 2030" under Decision No. 1490/QD-TTg dated November 27, 2023; ***(iv)*** Continuing to monitor and supervise the implementation of Circular No. 17/2022/TT-NHNN dated December 23, 2022, on environmental risk management in credit granting activities to promptly identify difficulties and provide support to CIs; ***(v)*** Coordinating with relevant ministries and agencies to develop and finalize mechanisms and policies to support green growth and sustainable development, such as the

draft Decision of the Prime Minister on the National Green Taxonomy and Green Economic Sector Classification, and the draft Directive of the Prime Minister on green growth; in addition, collaborating with the International Finance Corporation (IFC) to develop a Handbook on Environmental and Social Risk Management Systems in credit granting activities for CIs and foreign bank branches. By the end of 2024, 48 CIs had outstanding green credit with total outstanding loans of nearly VND 680 trillion (up 9.5% compared to the end of 2023), accounting for over 4.3% of the total outstanding credit of the economy, concentrated mainly in renewable and clean energy (over 41%) and green agriculture (over 29%). Loans subject to environmental and social risk assessment reached VND 3.6 quadrillion (up 26% compared to the end of 2023), accounting for more than 23% of the economy's total outstanding credit.

9. Credit information activities

Credit information activities remained stable and further developed. CIC focused on improving its organizational structure and legal framework, and proactively prepared plans for the effective implementation of Circular No. 15/2023/TT-NHNN dated December 5, 2023, on credit information activities of the SBV (effective from January 1, 2025), thereby facilitating the expansion and enhancement of the national credit information database.

The operations of the CIC continued to be strengthened, making it one of the key databases of the banking sector, contributing to greater transparency of information, ensuring safety, and mitigating risks in banking activities.

Expanding and improving the quality of the national credit information database

In addition to traditional credit information sources from 100% of CIs, CIC admitted three more voluntary organizations in 2024, bringing the total to 63 organizations. The quality of the national credit information database was enhanced in both breadth and depth. CIC essentially completed the verification of customer identification data with the National Population Database, with an 80% match and update rate (covering more than 42 million customers). CIC also exchanged and collected data from other state management agencies

to update enterprises' legal information, financial reports, and tax debt status… In 2024, credit information coverage continued to improve, with more than 1 million new customer records added, raising the total to over 57.5 million, equivalent to about 75% of the adult population-exceeding the target for 2022–2025 under the CIC Development Project to 2025, with orientation to 2030. According to the World Bank's 2024 Business Ready (B-READY) report, Vietnam was assessed in three indicators directly related to the implementation of credit information activities by the SBV: credit information coverage (10 points out of a maximum of 16.67), type of information shared (16.67 points, maximum score), and supplementary services/customer access to credit information (12.5 points out of 16.67).

Figure 13: Number of borrowers' records in CIC database, 2020-2024

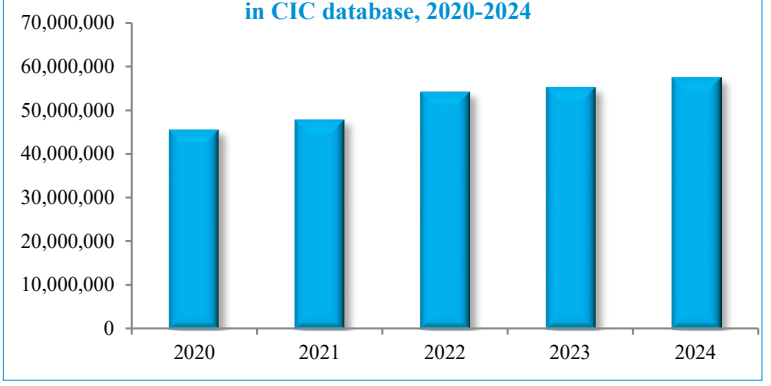

Source: the SBV

Provision of credit information

CIC continued to provide timely information to support the direction and administration of the SBV and other state management agencies. In 2024, CIC supplied nearly 59,000 detailed credit reports (up 49.6% compared to 2023) to support inspection and supervision activities of SBV units and provincial branches. The number of credit information queries by SBV units reached over 20,000, increasing 114% from 2023. At the same time, CIC provided credit information products and services to support CIs in risk management, delivering over 91.7 million reports (an increase of about 16 million reports compared to 2023). The proportion of automatically

provided information exceeded 97%, while the average product price decreased by 24% compared to 2023, equivalent to savings of about VND 153 billion. Notably, CIC developed and launched the Instant Detailed Credit Relationship Report for individual borrowers (Product Code: S11T), with a response time of under 0.3 seconds, to support CIs in offering electronic lending products (online lending).

Figure 14: Number of credit information products and services provided by CIC to CIs, 2020-2024

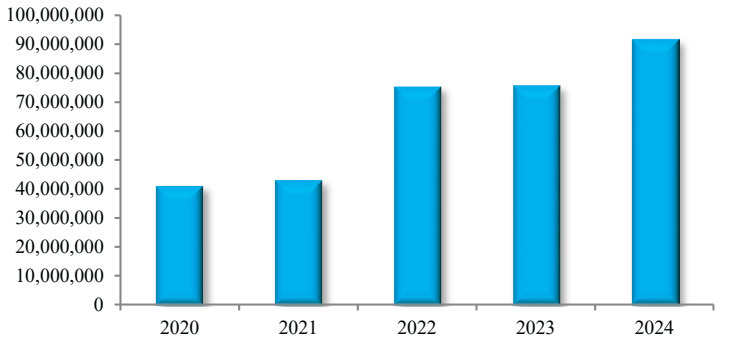

Source: the SBV

At the same time, CIC continued to expand its customer-oriented services. In 2024, the number of credit information reports provided directly to borrowers reached over 1 million, an increase of 67% compared to 2023. The CIC Borrower Connection Portal recorded more than 57,000 successful matches out of a total of 355,000 registered individual loan requests, achieving an access rate of 16.1%. This initiative aimed to create favorable and equal conditions for enterprises, organizations, and individuals across all economic sectors to access credit capital in line with the SBV's policy objectives.

Strengthening IT system capacity to ensure the continuouse, safe, and secure operation of the credit information system

In line with the Banking Sector Digital Transformation Plan to 2025 with orientation to 2030, and the 2024 Plan on IT application, digital transformation, and cybersecurity in SBV operations, CIC invested in and upgraded its main database server, migrating from a virtualization platform to a physical platform. The database volume grew significantly (nearly

60TB) compared to the beginning of the year, reaching about 73TB, with successful data migration ensuring the increasing demand for information and the stable, safe, and continuous operation of the system. In addition, CIC completed the project on upgrading network connectivity infrastructure and servers at its main data center (DC), upgraded its operating system, and implemented solutions for malware prevention and database encryption, thereby ensuring continuous and efficient IT operations in compliance with cybersecurity and information safety regulations. CIC also finalized the application for Level 3 information system security classification and coordinated with the SBV IT Department, the Ministry of Public Security, and the Ministry of Information and Communications task force to conduct inspections and evaluations of cybersecurity and information safety for the national credit information database system connected to the National Population Database. On June 13, 2024, the Governor of SBV signed Decision No. 1130/QD-NHNN approving the Level 3 security classification for the connected system.

10. Communication and information transparency

Communication and information transparency activities continued to be implemented in a proactive, innovative, consistent, and professional manner, thereby maintaining the confidence of businesses and the public in monetary policy management and banking operations, and contributing positively to the overall results of the sector.

In 2024, communication and transparency were actively, creatively, and consistently carried out across the entire system, from central to local levels, between the SBV and CIs, and among communication units within the sector. Key tasks included: ***(i)*** Enhancing the effectiveness of state management in communication across the banking system; ***(ii)*** Strengthening communication on the Government's policies, the SBV's monetary policy management, and banking activities, with a focus on policies aimed at easing difficulties for people and businesses, facilitating their access to banking products and services, promoting economic growth, non-cash payments, and digital transformation in the banking sector, as well as the application of national population data in banking operations; ***(iii)*** Continuing to implement financial education communication programs; organizing events, workshops, conferences, and seminars on new policy issues and matters of public concern; organizing competitions on financial

and banking knowledge for students nationwide[19]; ***(iv)*** Effectively implementing regulations on public statements and information disclosure by the SBV, ensuring transparency in accordance with laws and international commitments… To ensure that policies are communicated effectively and practically, the SBV emphasized communication before, during, and after the issuance of new mechanisms and policies. Communication methods were regularly renewed and diversified, particularly through the application of digital transformation. In addition, the SBV's official portal continued to play an important role in ensuring transparency of information in line with international commitments; providing official information on monetary policy management, results, and orientations related to monetary and banking activities; and serving as a key platform for the integration of SBV's online public services, thereby actively supporting administrative reform and e-Government implementation.

[19] Several financial education programs such as "Đồng tiền thông thái" ("Smart Money") and "Tay hòm chìa khóa" ("Key Holder") broadcast on VTV1 have contributed to realizing the objectives of key initiatives, including the Scheme on promoting payments and public services through the banking system, the Scheme on enhancing access to banking services for the economy, and the National Financial Inclusion Strategy to 2025, with orientations toward 2030.

Part III – Internal Governance

1. Internal audit

Internal control and audit activities continued to focus on operations with potential risks, thereby contributing to enhancing the quality, efficiency, and safety of SBV operations.

In 2024, the SBV continued to effectively implement internal control and audit activities in accordance with Circular No. 06/2020/TT-NHNN dated June 30, 2020, while gradually transitioning toward risk-based auditing methods, with detailed audit plans aligned with available time and human resources. Accordingly, the SBV conducted 03 thematic audits and 18 unit/project audits, and inspections at 07 units. The audit and inspection activities focused on reviewing and assessing potentially high-risk operations (such as information system security and safety; supervision and inspection of Cis; safety management; financial management, investment in construction, and asset procurement, etc.) In parallel, the SBV continued to direct its units to strengthen internal self-inspection and control in order to promptly address shortcomings and deficiencies in operations; supplement and improve internal regulations and procedures; and enhance the effectiveness and efficiency of management and governance, ensuring strict compliance with the law and promoting thrift practices, thereby improving the overall quality, efficiency, and safety of SBV operations.

2. Human resources and training

Organizational structure, staffing, and job positions

The SBV continued to streamline its organizational structure and enhance operational effectiveness and efficiency, while improving staff quality and strengthening training and capacity building.

The SBV's organizational structure continued to be streamlined to enhance operational efficiency. In 2024, the SBV drafted and issued/submitted to competent authorities legal normative documents defining the functions, tasks, powers, and organizational structure of its units, ensuring no overlaps and compliance with legal provisions. At the same time, in line with the Party's and the Government's policy on organizational restructuring toward lean, efficient, and effective operations associated with staff downsizing and improvement of the quality of the civil service workforce, in December 2024, the SBV established a Steering Committee on review, restructuring, and reorganization of its organizational apparatus, chaired by the Governor, and implemented the

restructuring of its organizational model in accordance with Resolution No. 18-NQ/TW dated October 25, 2017 of the 12th Party Central Committee. The restructuring and streamlining of SBV's internal organizational apparatus were based on the following principles and orientations: ***(i)*** Ensuring that the SBV's organizational structure meets the requirements of state management in the banking sector and the central bank's functions, applying the principle of "one unit performing multiple tasks, and each task assigned to only one responsible unit"; ***(ii)*** Restructuring and consolidating SBV's units to ensure streamlining, reducing intermediate levels, specifying unit responsibilities, and linking delegation of authority with accountability; ***(iii)*** Enhancing the effectiveness and efficiency of SBV's operations in the new context.

In line with the Government's staff downsizing policy, and consistent with the practical requirements of organizational work and staffing in the state administrative system, in 2024, the SBV implemented staff downsizing measures for 04 cases, including 02 cases of early retirement and 02 cases of immediate termination with benefits. In addition, in compliance with regulations on job positions and staffing under Decree No. 62/2020/ND-CP dated June 1, 2020, Decree No. 106/2020/ND-CP dated September 10, 2020 of the Government, and related guiding circulars, on December 11, 2024, the Governor of the SBV issued Decision No. 2656/QD-NHNN approving the Job Position Scheme for SBV's administrative agencies and units, serving as the basis for each unit to develop its own Job Position Scheme and job descriptions.

Regarding civil servant recruitment, In 2024, the SBV implemented the recruitment of civil servants in strict compliance with legal processes and regulations, thereby ensuring the selection of high-quality candidates who meet job requirements. Recruitment was conducted under two mechanisms: ***(i)*** open competitive examination in accordance with Decree No. 138/2020/ND-CP dated 27 November 2020; and ***(ii)*** selection in accordance with Decree No. 140/2017/ND-CP dated 5 December 2017 on policies for attracting and developing

young talent from outstanding graduates and young scientists. The SBV continued to apply computer-based multiple-choice testing to further enhance transparency in recruitment, shorten examination time, reduce costs, and support administrative reform. Based on the staffing quota assigned, the SBV recruited 41 Category C civil servants to work at the Banking Supervision and Inspection Agency, including 5 cases under the scheme for outstanding graduates and young scientists. In addition, 7 Category III public employees were recruited to work at the Banking Strategy Institute, in line with approved staffing needs. The SBV continued to review and promulgate regulations and guidelines relating to personnel management, including: ***(i)*** Regulations on standards for leadership and management positions within SBV-affiliated units; ***(ii)*** Regulations on appointment, re-appointment, dismissal, removal, resignation, transfer, and secondment of leaders and managers; and ***(iii)*** Regulations on the decentralization of management over leadership positions within SBV agencies, units, and enterprises. In implementation, the SBV ensured that all procedures were carried out fully, lawfully, and in accordance with its delegated authority, with adequate preparation of human resource plans. Work positions were assigned in a manner consistent with staff expertise and capabilities, thereby optimizing the deployment of human resources, and minimizing any shortage of leadership or managerial personnel.

Training, capacity building, and human resource development

Training and capacity-building activities continued to be prioritized with a focus on improving quality and effectiveness, ensuring practical relevance and applicability of knowledge and skills to specific job positions, thereby enhancing the overall quality of SBV's human resources. In 2024, the SBV nominated 12,179 turns of officials, public employees, and staff members to participate in domestic and overseas training and capacity-building courses. This figure exceeded the planned target by a large margin (achieving 328.1% of

the plan)[20], meeting requirements in both timeliness and content, and employing diverse forms tailored to specific groups of trainees. The SBV concentrated on sending staff to courses in political theory, public administration, and specialized professional training abroad, with the objectives of meeting qualification standards for planning and appointing leadership positions, while updating new knowledge and skills. Priority was given to officials working in banking inspection and supervision, payment systems, information technology, and digital transformation. At the same time, the SBV continued to mobilize and leverage international support through cooperation programs and projects with international organizations (IMF, SEACEN, Asian Development Bank (ADB), World Bank (WB)), bilateral development agencies (JICA – Japan, GIZ – Germany, SECO – Switzerland, CIDA – Canada, FSS – Korea, ATTF – Luxembourg), scholarship programs of the Australian Government, and central banks of partner countries such as Germany, Singapore, Sweden, Thailand, and Malaysia. In addition, the SBV continued to implement several projects aimed at human resource development, including: ***(i)*** the Project on Training Specialists; ***(ii)*** the Project on Building and Developing a Network of Part-Time Trainers; ***(iii)*** the Banking Sector's Action Plan to implement the Strategy for the Development of the Vietnamese Banking Sector to 2025 with orientation to 2030 in the field of human resource development; and (iv) the study and preparation of a Project on training and developing a pool of potential leaders and managers of the SBV up to 2025, with orientation to 2030.

3. Scientific research

These activities continued to receive close attention and direction from the SBV's leadership. In 2024, the SBV approved the implementation of six ministerial-level tasks, focusing on: ***(i)*** Research on scientific and practical rationales to support the conduct of monetary policy,

Scientific and technological activities continued to align closely with the sector's objectives and orientations, making significant contributions to

[20] The number of staff participating in training and capacity-building programs increased significantly compared to the planned target, as the SBV actively expanded e-learning and virtual classroom formats. The proportion of training participants through e-learning accounted for 46.3% of the total, a marked increase compared to the 2020–2023 period (8.2%).

both theoretical and practical research in the context of the 4.0 Revolution and the strong momentum of digital transformation

credit, exchange rate, and foreign exchange management; ***(ii)*** Research to enhance the effectiveness and efficiency of banking inspection, supervision, and oversight; ***(iii)*** Issues related to modernizing statistical data collection and management models of the SBV in the context of Industry 4.0; ***(iv)*** Research on information technology and banking service development; ***(v)*** Research on the development of CIs, commercial banking operations, and strengthening and innovating bank governance systems in line with international practices; and ***(vi)*** Supporting research on developing models, standards, and competency frameworks for leadership positions at CIs… At the same time, the SBV completed two national-level research projects: "*Promoting Inclusive and Sustainable Finance through Institutional Improvements, Financial Literacy, and Fintech" and "Market Discipline in the Banking System". The SBV is also implementing the national-level project "The Impact of Energy Barriers on the Survival, Growth, and Internationalization of Enterprises: Evidence from Viet Nam.*"

Regarding workshops and scientific seminars, the SBV organized one international seminar titled "Towards a Sustainable Future: Strengthening Viet Nam–Korea Financial Cooperation" and four ministerial-level workshops on credit and personal finance, namely: "Microfinance for Promoting Financial Inclusion – Current Situation and Solutions"; "*Healthy Development of Consumer Credit and the Fight Against Informal Lending"; "Credit for High-Tech and Clean Agriculture in Viet Nam: Current Situation and Solutions"; and "Personal Financial Planning Towards Financial Inclusion in Viet Nam.*"

4. Statistical work

The quality of statistical work continued to be improved, contributing to SBV's policy direction and management.

To further enhance the quality of statistics, the SBV actively urged and guided CIs to ensure accurate, timely, and comprehensive statistical reporting in support of monetary policy analysis, forecasting, and operations. In addition, the SBV strengthened inspections, warnings, and corrective measures, thereby reinforcing discipline and compliance in statistical reporting. The

SBV continued to implement official surveys[21] and publish the results on its portal, helping policymakers capture trends and expectations in the monetary and banking markets. At the same time, the SBV updated its macroeconomic and domestic and international financial market databases; regularly monitored and assessed linkages between the financial and non-financial sectors; and shared this information with relevant units to support analysis, forecasting, planning, and the conduct of monetary policy. In parallel, the SBV expedited research and development of a comprehensive national financial database, and in cooperation with the General Statistics Office, conducted surveys on financial inclusion indicators within the framework of the 2024 national labor and employment survey to collect data for monitoring and evaluating the National Financial Inclusion Strategy.

5. Information technology

In 2024, the SBV issued regulatory documents and guidelines on IT and digital transformation (including two circulars, one directive, five plans, and multiple decisions). At the same time, the SBV fully completed its IT inspection plan, conducting inspections at 20 entities, including six SBV units and 14 CIs. The SBV also accelerated the implementation of IT development and modernization projects, specifically: ***(1)*** Deployment of two critical information systems: the supervision system for PCFs and microfinance institutions, and a new document management and archival system. In addition, the SBV rolled out the Fraud Prevention and Monitoring Information System (SIMO) to 103 entities, including banks and payment intermediaries; ***(2)*** Implementation of 11 core business information systems to ensure safe, seamless operations supporting SBV management, supervision, and reporting, including: the interbank payment system (IBPS), core banking system, SBV reporting system, public service and e-portal system, and SBV's document management and executive

Strengthening state management in information technology (IT); while developing and modernizing the SBV's IT system to ensure system security and safety.

[21] Conduct monthly Inflation Expectation Surveys, quarterly Business Sentiment Surveys, and semi-annual Credit Sentiment Surveys of CIs in an online format; and continue piloting the quarterly Inflation Expectation Survey of economic experts.

system (Edoc)…; ***(3)*** Full implementation of tasks under the Prime Minister's and Government's Project 06 on "Developing applications of population data, e-identification, and e-authentication to serve national digital transformation for 2022–2025, with a vision to 2030"; ***(4)*** Regular reviews and assessments of security levels, risks, and protection plans for SBV information systems; completion of security inspections and evaluations for 18/18 systems; and issuance of 33 notices and emails warning of risks and security vulnerabilities, while directing CIs to implement preventive measures; ***(5)*** Regular management, operation, and maintenance of SBV's IT systems, including the primary and backup data centers, networks, servers, and databases…; ***(6)*** Active cooperation with relevant authorities to strengthen cybersecurity, such as: working with the Department of Cybersecurity and High-Tech Crime Prevention (Ministry of Public Security) to conduct specialized inspections of CI security practices; cooperating with the Authority of Information Security[22] (Ministry of Information and Communications) to organize cybersecurity drills for banking sector units; and establishing rapid communication channels to promptly address phishing websites impersonating banks.

[22] Cease operations effective March 1, 2025

Part IV – International Cooperation

In 2024, the SBV effectively implemented international cooperation activities in the context of a continuously complex global environment, with unpredictable fluctuations exerting considerable impacts on highly open economies such as Viet Nam. The SBV continued to focus on maintaining and developing relations with international partners; mobilizing financial, technical, and advisory resources; promoting the international economic integration of the banking sector; and enhancing Viet Nam's position in the international arena. As a result, the banking sector recorded notable achievements in international cooperation, including: reaffirming its standing and demonstrating an active role in multilateral cooperation initiatives; expanding the liberalization process of financial and banking services through participation in negotiations, signing, upgrading, and amending free trade agreements (FTAs); participating in and promoting cooperation with global economic and financial institutions such as the IMF, World Bank (WB), Asian Development Bank (ADB), Asian Infrastructure Bank (AIIB), Bank for International Settlements (BIS)… to capture emerging trends and development drivers, leverage policy advisory support, and attract resources to serve development and economic reform toward international standards; and continuing participation in intergovernmental committees and banking working groups with partner countries such as Laos and Cambodia...

1. International economic integration

In 2024, the SBV continued to proactively advance international economic integration in the banking sector, while strengthening traditional friendships and comprehensive cooperation within ASEAN, ASEAN+3, APEC, WTO, SEACEN, etc.

Deeper integration into the world and regional economy.

Within the ASEAN framework, with the principle of considering cooperation within ASEAN as the core of the international economic integration process in the banking sector, the SBV actively demonstrated a leading

role in ASEAN banking cooperation. This was achieved by taking on important positions in various cooperation processes and working closely with member countries to design and implement initiatives concerning central bank operations, thereby contributing to the realization of the ASEAN Economic Community (AEC) 2025 vision. Outcomes of ASEAN Working Group initiatives notably enhanced financial inclusion, promoted further capital account liberalization, strengthened intra-ASEAN payment connectivity, and facilitated intra-regional capital flows, moving towards multilateral financial connectivity in ASEAN. In particular, in 2024, the SBV assumed the Co-Chairmanship of the ASEAN Senior Level Committee (SLC) on Financial Integration for the 2024–2025 term alongside Bank Indonesia. The SLC is a key coordination channel at the level of central bank deputy governors to promote banking and financial integration and to realize AEC objectives. In September 2024, the SBV successfully co-hosted with Bank Indonesia the 28th SLC Meeting in Da Nang, laying the groundwork for fulfilling its Co-Chairmanship role entrusted by ASEAN members, thereby elevating the prestige and standing of Viet Nam and the SBV in regional banking integration, consistent with the Party and State's multilateral diplomacy strategy in the banking sector.

Within the ASEAN+3 framework, the SBV actively coordinated with the ASEAN+3 Macroeconomic Research Office (AMRO) and ASEAN+3 members to carry out regular regional macroeconomic surveillance and discuss initiatives to strengthen the Chiang Mai Initiative Multilateralisation (CMIM). These included proposals to adjust CMIM interest rates in line with market developments to enhance access for members facing balance of payments and liquidity difficulties. A significant milestone in 2024 was the official approval by ASEAN+3 Finance Ministers and Central Bank Governors of the establishment of the Rapid Financing Facility (RFF) under the CMIM to diversify support instruments in response to exogenous shocks such as natural disasters or pandemics. The SBV and ASEAN+3 members are in the final stages of revising the CMIM Agreement and Implementation Guidelines to provide

a legal basis for the RFF. Furthermore, in May 2024, ASEAN+3 Finance Ministers and Central Bank Governors reached consensus on the benefits of introducing paid-in capital (PIC) to enhance the effectiveness of the regional financial safety net, mandating deputy finance ministers and deputy central bank governors, with AMRO's support, to study PIC models to identify an appropriate mechanism for the CMIM.

In bilateral cooperation, the SBV maintained close and positive relationships with financial and banking regulators of major partner countries, contributing to timely policy dialogues, information exchange, and trust-building, consistent with the Party's multilateral diplomacy orientation. Within the U.S. cooperation framework, the SBV and the U.S. Department of the Treasury maintained regular policy dialogue channels. To implement commitments under the Joint Statement of the SBV Governor and U.S. Treasury Secretary Janet Yellen in July 2023, in 2024, the SBV organized two Senior-Level Macroeconomic and Financial Policy Dialogues with the U.S. Treasury to discuss macroeconomic developments and outlook, monetary policy modernization, and other issues of mutual concern.

Within the economic integration framework in the post-WTO period, the SBV continued to refine the legal and regulatory framework to align the operations of the banking sector with the roadmap for deeper integration under the WTO. With respect to banking-related issues, the SBV fully carried out the review and submission of information for the preparation of the Trade Policy Review Report and periodic updates on trade measures. These efforts have contributed to improving Viet Nam's compliance with WTO principles and commitments under multilateral and plurilateral trade agreements, while enhancing transparency and understanding of Viet Nam's policies and practices.

In addition, the SBV effectively advanced the liberalization of financial services by leveraging opportunities and mitigating risks from participation in free trade agreements (FTAs). In 2024, the SBV actively engaged in negotiations on commitments in

financial and banking services under FTAs such as the Viet Nam–UAE FTA, the ASEAN–Canada FTA, and the ASEAN Digital Economy Framework Agreement (DEFA)... The negotiation and implementation of these commitments were guided by the objective of adopting higher, internationally recognized standards in the banking sector, thereby improving the standards and competitiveness of domestic credit institutions, and modernizing the monetary policy framework to be more proactive, market-oriented, flexible, while ensuring inflation control and macroeconomic stability. At the same time, the SBV actively participated in and provided information for market economy status review processes to advocate for U.S. recognition of Viet Nam's market economy status, as well as coordinated with relevant ministries and agencies in supplying information for anti-subsidy and anti-dumping investigations involving Vietnamese enterprises.

2. Cooperation with international financial and monetary institutions

Expanding cooperation and strengthening position in international financial and monetary institutions.

The SBV has continued to maintain and expand its cooperative relations with international financial, monetary, and banking institutions, while successfully fulfilling its role as the Government's representative and safeguarding Viet Nam's interests at these institutions.

With regards to the relations with the IMF, 2024 marked an important milestone as the Fund undertook key reforms to strengthen its resources in order to enhance its capacity to support member countries in responding to crises, adjusted its financial instruments to better meet contemporary demands and country-specific needs, thereby improving the effectiveness of its lending to members facing balance of payments difficulties. At the same time, the IMF further strengthened its role in global macroeconomic and financial surveillance with the aim of improving crisis prevention. As the Government's representative, the SBV proactively and actively participated in policy formulation discussions, striving to ensure a balanced alignment between national interests and IMF requirements, while also closely

coordinating with other Southeast Asian countries to present common views and positions on Fund-related matters. In addition, in 2024 the SBV received and coordinated work programs for IMF missions, including two Staff Visits and one Article IV Consultation. These missions engaged with ministries, government agencies, enterprises, banks, and investment funds to provide assessments of macroeconomic and financial developments and outlook, evaluate policy management, and put forward policy recommendations. Furthermore, IMF technical assistance continued in various fields such as policy forecasting and analysis, financial sector stability assessments, external sector statistics, internal audit, and anti-money laundering. Capacity development activities also recorded notable progress, with a diverse range of training formats delivered both domestically and internationally, benefiting over 50 SBV staffs.

With regards to the relations with the BIS, ooperation between the SBV and the BIS continued to deepen and yield positive results across multiple areas. SBV leadership actively participated in five high-level meetings organized by the BIS, including regular sessions of the Asian Consultative Council (ACC), covering key topics such as monetary policy amid price volatility, credit management, capital flow trends, and central bank data usage. These forums enabled the SBV not only to learn from regional practices but also to share Viet Nam's economic and financial policy perspectives, thereby making a constructive contribution to multilateral discussions. In particular, the Governor of the SBV officially assuming the Chairmanship of the ACC for the 2024–2026 term marked an important milestone, reflecting international recognition of the SBV's increasingly proactive and responsible role. In addition, the SBV remained an active member of several BIS technical cooperation mechanisms, including the Irving Fisher Committee on Central Bank Statistics (IFC), the BIS Innovation Hub (BISIH), and the International Association of Deposit Insurers (IADI). Notably, in September 2024, the SBV officially became a member of the Basel Consultative Group (BCG) under

the Basel Committee on Banking Supervision (BCBS), paving the way for Viet Nam to engage more deeply in the development and dissemination of global banking supervisory standards. Capacity building also remained a highlight of BIS cooperation, with the SBV sending 42 staff members to attend BIS conferences, training courses, and secondment programs during the year, focusing on core areas such as foreign reserve management, monetary policy operations, and risk management.

With regards to the relations with the WB, the cooperative relationship between Viet Nam and the WB continued to be strengthened and deepened. High-level meetings between Vietnamese leaders and the WB reflected the two sides' ongoing efforts to enhance cooperation, promptly address obstacles in the project portfolio, and thereby improve the efficiency of utilizing the WB's valuable financial support. The SBV is currently implementing the "Memorandum of Understanding with IFC on Green and Sustainable Banking Development for the period 2022–2026," which focuses on developing monitoring tools for compliance with environmental and social risk management regulations. In addition, the technical assistance project "Strengthening the Development and Soundness of the Vietnamese Banking Sector," funded by the Swiss State Secretariat for Economic Affairs (SECO) through the WB with a grant of approximately USD 7.2 million, was completed in October 2024. The project contributed to strengthening and ensuring the soundness of the banking sector, addressing structural weaknesses in the system, aligning with international standards, and supporting macro-financial stability.

With regards to the relations with the ADB, one of international cooperation highlights in 2024 was the Celebration of the 30th Anniversary of the Viet Nam–ADB Partnership, held at the SBV on March 13, 2024. The event marked three decades of cooperation and development between Viet Nam and the ADB, while opening a new chapter for future collaboration. Throughout the year, ADB and Government leaders held several meetings to exchange views and strengthen

cooperation effectiveness. Moreover, on December 24, 2024, authorized by the President and the Government, the SBV representative signed with the ADB representative an emergency international assistance agreement valued at USD 2 million to address damages caused by Typhoon Yagi and floods in several northern provinces of Viet Nam. In 2024, the SBV also coordinated and fully carried out its voting obligations to approve key ADB policies and resolutions, including leadership changes (the election of a new President), membership admissions and status changes, as well as amendments to the ADB Charter,...

With regards to the relations with the AIIB, the SBV continued to play an active role as a constructive member through contributions to policy consultations, project proposals, and oversight of governance, investment portfolios, financial operations, and risk management, thereby ensuring AIIB's operations remained safe and aligned with its mandate as a transparent and reputable international financial institution. In 2024, the AIIB discussed and implemented several new policies, including: ***(i)*** the Health Sector Investment Strategy, ***(ii)*** the Gender Equality Action Plan, and ***(iii)*** The policy-based climate financing aims to assist AIIB members in implementing their national climate finance plans by supporting member governments in undertaking the necessary policy reforms to build or enhance climate resilience and/or facilitate larger-scale and greener investments from both the public and private sectors. In Constituency Group 7[23], Viet Nam, in its capacity as Advisor to the Executive Director, actively contributed to discussions on: ***(i)*** developing and revising operating guidelines of the Constituency, ***(ii)*** establishing and allocating a second Alternate Director position, and ***(iii)*** admitting new members to the Constituency. The year 2024 marked significant progress in Viet Nam–AIIB relations, highlighted by the visits of the AIIB President and Vice President to Viet Nam, as well as multiple meetings on the sidelines of international events between the Prime Minister of Viet Nam and the AIIB

[23] Constituency Group 7 at AIIB includes: Australia, Newzealand, Viet Nam, Singapore, Cook Islands.

President. Through these activities, both sides reaffirmed their shared commitment to further strengthening bilateral cooperation, laying the foundation for AIIB's participation in major infrastructure projects in Viet Nam, particularly railway development projects connecting key economic regions.

In 2024, the SBV strengthened cooperation with international partners such as the WB, ADB, German Sparkassenstiftung for International Cooperation (DSIK), the United Nations (UN), ASEAN, the United Kingdom (UK), the European Union (EU), among others, to mobilize resources in support of the banking sector's key priorities. The focus was on: ***(i)*** supporting the implementation of the National Financial Inclusion Strategy, including preparations for the second meeting of the National Financial Inclusion Steering Committee chaired by the Prime Minister; conducting the mid-term review of the 2021–2026 period and research for the next phase to 2030; and promoting financial education activities, with priority given to groups with limited knowledge and access to financial and banking services; and ***(ii)*** supporting activities related to green growth, green credit, and the development of green and sustainable financial markets, aimed at fulfilling Viet Nam's commitments made at the United Nations Climate Change Conference (COP26) and implementing the political declaration on the establishment of the Just Energy Transition Partnership (JETP). In addition, the SBV actively coordinated the implementation of initiatives within the ASEAN, ASEAN+3, and APEC cooperation frameworks, such as the development of the ASEAN sustainable finance taxonomy (ASEAN Taxonomy) and the ASEAN Green Map…

Besides, the SBV has also been proactively studying and promoting the mobilization of private sector financing without government guarantees from international financial institutions such as ADB, AIIB, IFC, and the OPEC Fund. This represents an important source of funding for national development, gradually replacing public investment from the state budget in the future. The SBV actively worked with government agencies to

implement Decision No. 12/2022/QD-TTg of the Prime Minister[24], to promptly process requests for letters of no-objection to financing activities of international financial institutions in the Vietnamese private sector. At the same time, the SBV expedited coordination with relevant stakeholders to develop guidelines for attracting, managing, and utilizing these capital flows, ensuring that financing activities are aligned with government orientations and domestic regulations, while mobilizing and effectively using resources to meet the funding needs of enterprises and domestic credit institutions. In 2024, the SBV received a total of 24 requests for no-objection letters from international financial institutions, with total committed capital of USD 1.7 billion. Of these, 10 requests were declined due to insufficient information, 4 requests remained under review, and 10 no-objection letters were issued to IFC/ADB/AIIB with committed capital of USD 1 billion (accounting for 58% of the requested committed capital). Among these projects, 43% were implemented in the form of loans, 11% in equity contributions, and 30% in bond investments and guarantees. All projects approved with no-objection letters were financed with the institutions' own capital. The disbursement rate of medium- and long-term loans exceeded 90%, with no non-performing loans recorded. These projects were concentrated in banking, industry, energy, and consumer sectors, as well as syndicated investments with foreign investment funds in domestic enterprises.

3. Bilateral cooperation

In line with the orientations of the Party and the Government, the SBV has effectively implemented bilateral cooperation tasks in the banking sector and achieved several notable outcomes: ***(1)*** Continued to consolidate the legal framework for strengthening cooperation in financial innovation, payment connectivity, knowledge sharing, central bank governance, and promoting local currency settlement through the signing

Bilateral cooperation continues to be strengthened and enhanced.

[24] Decision No. 12/2022/QD-TTg dated May 9, 2022 of the Prime Minister stipulates the procedures, processes, and authority for issuing Letters of Objection and Letters of No-Objection regarding the activities of international financial institutions in the private sector in Viet Nam.

of four Memoranda of Understanding/Cooperation Agreements with central banks, monetary authorities, and financial supervisory agencies of Australia, the UAE, Cuba, and China; ***(2)*** Implemented cross-border QR code retail payment projects with Laos and Cambodia, and promoted further connections with China, Korea, Japan, India… in the context of rapidly evolving financial technology and economy. These projects provide a lower-cost, faster, safer, and more convenient payment method and promote local currency usage. They have also laid the groundwork for expanding bilateral retail payment connectivity between Viet Nam and countries with strong tourism cooperation with Viet Nam, such as China, Singapore, Korea, Japan, and India; ***(3)*** Maintained and expanded substantive and effective cooperation channels, explored and developed potential areas of cooperation, and mobilized technical assistance and policy advisory resources from partner countries, with increasingly diverse forms and contents of cooperation that align with new global trends for central banks and the banking sector. The SBV successfully organized high-level bilateral meetings at the Governor level and working group sessions on banking cooperation with traditional partners such as Laos, Cambodia, Thailand, China, and Russia. For the first time, the SBV implemented a practical experience-sharing program for Central Bank of Cuba, led by the Minister–President of the Central Bank of Cuba; ***(4)*** Actively and proactively participated in and contributed to Government-level bilateral forums and committees, thereby promoting cooperation mechanisms, legal and market information sharing, and dispute resolution, which in turn supported Vietnamese commercial banks in enhancing their role as financial intermediaries to effectively serve Viet Nam's trade and investment activities with foreign partners.

APPENDIX

APPENDIX 1: INTEREST RATES ANNOUNCED BY THE SBV

Unit: % p.a

Time	Refinancing rate	Rediscount rate	Overnight interbank electronic payment lending rate
December 2023	4.50	3.00	5.00
January 2024	4.50	3.00	5.00
February 2024	4.50	3.00	5.00
March 2024	4.50	3.00	5.00
April 2024	4.50	3.00	5.00
May 2024	4.50	3.00	5.00
June 2024	4.50	3.00	5.00
July 2024	4.50	3.00	5.00
August 2024	4.50	3.00	5.00
September 2024	4.50	3.00	5.00
October 2024	4.50	3.00	5.00
November 2024	4.50	3.00	5.00
December 2024	4.50	3.00	5.00

Source: the SBV

APPENDIX 2: OPEN MARKET OPERATIONS

Purchases	2024
Number of sessions	251
Tenor (days)	7; 14
Number of member bids	981
Average bid volume/session (VND billion)	8,110
Average winning bid volume/session (VND billion)	5,375
Interest rate (%/year)	4.0- 4.5
Sales	**2024**
Number of sessions	169
Tenor (days)	7; 14; 28
Number of member bids	905
Average bid volume/session (VND billion)	7,366
Average winning bid volume /session (VND billion)	5,658
Interest rate (% year)	1.32-4.5

Source: the SBV

APPENDIX 3: REQUIRED RESERVE RATIO (*)

Unit: %

Effective date	VND DEPOSIT (**)		FOREIGN CURRENCY DEPOSITS (****)				
			No term and under-12-months maturity		Term of 12 months or more		Deposits received from foreign CIs (***)
	No term and under-12-months maturity	Term of 12 months or more	Viet Nam Bank for Agriculture and Rural Development, Cooperative Bank	Other CIs	Viet Nam Bank for Agriculture and Rural Development, Cooperative Bank	Other CIs	
May 2011	3	1	5	6	3	4	
June 2011	3	1	6	7	4	5	
September 2011	3	1	7	8	5	6	1

(*) Excluding PCFs and microfinance institutions, which apply a 0% reserve requirement ratio (RRR) for all types of deposits; policy banks apply the RRR in accordance with Government regulations (currently 0%).

(**) CIs with an average credit outstanding ratio of 40% or more in the agricultural and rural sectors are entitled to apply a lower RRR for VND deposits than the general RRR specified above, in line with SBV regulations guiding the implementation of monetary policy tools to support CIs in lending for agricultural and rural development (currently governed by Circular No. 14/2018/TT-NHNN dated May 29, 2018).

(***) For CIs operating in Viet Nam: deposits mobilized from foreign CIs (those established and operating abroad) are subject to RRR calculation since September 2011 (under Circular No. 27/2011/TT-NHNN dated August 31, 2011).

(**), (****) VND and foreign currency deposits that are subject to RRR calculation are regulated under: (1) the Regulation on Reserve Requirements for CIs and its amending and supplementing documents prior to March 1, 2020; (2) Circular No. 30/2019/TT-NHNN dated December 27, 2019, effective from March 1, 2020 to the present.

Source: the SBV

APPENDIX 4: INTERNATIONAL BALANCE OF PAYMENTS

Unit: USD Million

		2023	2024
A.	**CURRENT ACCOUNT**	**25,793**	**28,049**
	Goods: Export F.O.B	354,721	405,532
	Goods: Import F.O.B	310,693	362,487
	Goods (net)	*44,028*	*43,045*
	Services: Export	20,265	23,851
	Service: Import	29,092	36,183
	Service (net)	*-8,827*	*-12,332*
	Investment income (Primary Income): Credit	4,551	5,542
	Investment income (Primary Income): Debit	27,014	21,235
	Investment income (Primary income) (net)	*-22,463*	*-15,693*
	Current transfer (Secondary income): Credit	16,112	17,122
	Current transfer (Secondary income): Debit	3,057	4,093
	Current transfers (Secondary income) (net)	*13,055*	*13,029*
B.	**CAPITAL ACCOUNT**	**0**	**0**
	Capital account: Inflows	0	0
	Capital account: Expenditure	0	0
C.	**FINANCIAL ACCOUNT**	**-2,838**	**-8,029**
	Viet Nam's direct investment abroad: Assets	1,550	-600
	Foreign direct investment in Viet Nam: Debt Assets	18,500	20,170
	Direct Investment (net)	*20,050*	*19,570*
	Portfolio investment abroad: Assets	-34	-63
	Portfolio investment in Viet Nam: Debt Assets	-1,155	-5,650
	Portfolio Investment (net)	*-1,189*	*-5,713*
	Other investments: Assets	-14,341	-12,260
	Currency and deposits	-14,171	-12,071
	CIs	-6,671	-1,484
	Other sectors	-7,500	-10,587
	Loans and debt recovery abroad	0	0
	Trade credits and advances	0	0
	Other accounts receivables/payables	-170	-189
	Other investments: Liabilities	-7,358	-9,626
	Currency and deposits	-4,090	-3,495
	CIs	-4,179	-3,760
	Other sectors	89	265
	Loans and debt repayments abroad	-3,268	-6,131
	Short-term	-1,647	595
	With drawals	25,150	24,546
	Principal repayments	-26,797	-23,951
	Long term	-1,621	-6,726
	With drawals	14,232	11,100
	Government	1,257	1,020
	Private	12,975	10,080
	Principal repayments	-15,853	-17,826
	Government	-2,591	-2,680
	Private	-13,262	-15,146
	Other Investment (net)	*-21,699*	*-21,886*
D.	**ERRORS AND OMISSIONS**	**-17,347**	**-29,187**
E.	**OVERALL BALANCE**	**5,608**	**-9,167**
F.	**RESERVES AND OTHER ITEMS**	**-5,608**	**9,167**
	Reserve assets	-5,608	9,167
	Claims on and borrow from the IMF	0	0
	Special Finance	0	0

Source: the SBV

APPENDIX 5: VND/USD EXCHANGE RATE

Unit: VND/USD

2024	Exchange rate end-month			Monthly average exchange rate		
	Central rate	Vietcombank quoted rate		Central rate	Vietcombank quoted rate	
		Buy	Sell		Buy	Sell
January	23,981	25,180	22,782	23,991	24,255	24,595
February	23,981	25,180	22,782	24,002	24,480	24,820
March	23,994	25,194	22,795	24,003	24,630	24,970
April	24,126	25,333	22,920	24,246	25,118	25,458
May	24,255	25,468	23,042	24,261	25,254	25,474
June	24,253	25,465	23,040	24,260	25,253	25,473
July	24,252	25,465	23,040	24,255	25,080	25,420
August	24,246	25,458	23,034	24,224	24,690	25,030
September	24,161	25,369	22,953	24,093	24,400	24,740
October	24,192	25,402	22,983	24,243	25,115	25,455
November	24,277	25,491	23,063	24,251	25,160	25,463
December	24,284	25,498	23,070	24,335	25,251	25,551

Source: the SBV, Vietcombank.

Note: The quoted exchange rates mentioned above are understood as the amount of VND per 1 USD.

APPENDIX 6: DOMESTIC GOLD PRICE

Unit: VND million/tael

2024	Gold price at month-end	Monthly average gold price
January	76.45	74.46
February	78.45	77.31
March	79.83	79.97
April	84.01	82.05
May	84.74	87.54
June	76.05	76.56
July	78.01	77.19
August	80.00	79.04
September	82.50	80.65
October	89.04	85.45
November	84.61	84.66
December	83.21	84.00

Source: the SBV

APPENDIX 7: CONSUMER PRICE INDEX

Unit: %

Year	Time	January	February	March	April	May	June	July	August	September	October	November	December
2020	Year to date	1.23	1.06	0.34	-1.21	-1.24	-0.59	-0.19	-0.12	0.01	0.09	0.08	0.19
	Month on month	1.23	-0.17	-0.72	-1.54	-0.03	0.66	0.40	0.07	0.12	0.09	-0.01	0.10
	Year on year	6.43	5.40	4.87	2.93	2.40	3.17	3.39	3.18	2.98	2.47	1.48	0.19
	Average year on year	6.43	5.91	5.56	4.90	4.39	4.19	4.07	3.96	3.85	3.71	3.51	3.23
2021	Year to date	0.06	1.58	1.31	1.27	1.43	1.62	2.25	2.51	1.88	1.67	2.00	1.81
	Month on month	0.06	1.52	-0.27	-0.04	0.16	0.19	0.62	0.25	-0.62	-0.20	0.32	-0.18
	Year on year	-0.97	0.70	1.16	2.70	2.90	2.41	2.64	2.82	2.06	1.77	2.10	1.81
	Average year on year	-0.97	-0.14	0.29	0.89	1.29	1.47	1.64	1.79	1.82	1.81	1.84	1.84
2022	Year to date	0.19	1.20	1.91	2.09	2.48	3.18	3.59	3.60	4.01	4.16	4.56	4.55
	Month on month	0.19	1.00	0.70	0.18	0.38	0.69	0.40	0.005	0.40	0.15	0.39	-0.01
	Year on year	1.94	1.42	2.41	2.64	2.86	3.37	3.14	2.89	3.94	4.30	4.37	4.55
	Average year on year	1.94	1.68	1.92	2.10	2.25	2.44	2.54	2.58	2.73	2.89	3.02	3.15
2023	Year to date	0.52	0.97	0.74	0.39	0.40	0.67	1.13	2.02	3.12	3.20	3.46	3.58
	Month on month	0.52	0.45	-0.23	-0.34	0.01	0.27	0.45	0.88	1.08	0.08	0.25	0.12
	Year on year	4.89	4.31	3.35	2.81	2.43	2.00	2.06	2.96	3.66	3.59	3.45	3.58
	Average year on year	4.89	4.60	4.18	3.84	3.55	3.29	3.12	3.10	3.16	3.20	3.22	3.25
2024	Year to date	0.31	1.35	1.12	1.19	1.24	1.40	1, 89	1.89	2.18	2.52	2.65	2.94
	Month on month	0.31	1.04	-0.23	0.07	0.05	0.17	0.48	0.00	0.29	0.33	0.13	0.29
	Year on year	3.37	3.98	3, 97	4.40	4.40	4.34	4.36	3.45	2.63	2.89	2.77	2.94
	Average year on year	3.37	3.67	3.77	3.93	4.03	4.08	4.12	4.04	3.88	3.78	3.69	3,63

Source: the GSO

APPENDIX 8: MONETARY AND CREDIT INDICATORS

Items	2023	March 2024	June 2024	September 2024	December 2024
End-of-period balance (VND billion)					
1. Total liquidity	15,998,956	16,012,915	16,513,106	16,949,072	17,914,566
2. Deposit of resident economic entities and individuals	14,573,389	14,446,194	14,957,565	15,410,224	16,283,791
3. Credit to the economy	13,569,733	13,762,131	14,397,000	14,806,343	15,617,121
Growth compared to the previous year (%)					
1. Total liquidity	12.46	0.09	3.21	5.94	11.97
2. Deposit of resident economic entities and individuals	13.20	-0.87	2.64	5.74	11.74
3. Credit to the economy	13.78	1.42	6.10	9.11	15.09

Source: the SBV

APPENDIX 9: GROSS DOMESTIC PRODUCT

Year	GDP at current prices (VND billion)	GDP growth rate*	GDP Per Capita (VND thousand)
2015	5,191,324	6.99	56,288
2016	5,639,401	6.69	60,476
2017	6,293,905	6.94	66,753
2018	7,009,042	7.47	73,482
2019	7,707,200	7.36	79,881
2020	8,044,386	2.87	82,437
2021	8,487,476	2.55	86,200
2022	9,548,738	8.12	96,000
2023	10,221,815	5.05	101,900
2024	11,511,867	7.09	114,000

Source: General Statistics Office - Ministry of Finance

*Note: * Calculated at 2010 constant prices*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2024

Chịu trách nhiệm xuất bản, nội dung

Giám đốc - Tổng Biên tập:

TS. TRẦN CHÍ ĐẠT

Chịu trách nhiệm bản thảo

Phó Giám đốc - Phó Tổng biên tập:

NGÔ THỊ MỸ HẠNH

Biên tập: NGUYỄN HUY TIẾN

NGUYỄN THỌ VIỆT

Thiết chế: NGUYỄN MINH CHÂU

Publishing and Content responsibility

Director - Editor-in-Chief:

Ph.D TRAN CHI DAT

Typescript Responsibility

Deputy Director - Deputy Editor in Chief

NGO THI MY HANH

Editors: NGUYEN HUY TIEN

NGUYEN THO VIET

Designer: NGUYEN MINH CHAU

In 304 bản, khổ 20,5 x 29,5 cm cm, tại Công ty TNHH In Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Lâm
Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Hà Nội.
Số xác nhận ĐKXB: 4877-2025/CXBIPH/5-202/KHCNTT
Số Quyết định xuất bản: 799/QĐ-NXBKHCNTT ngày 13 tháng 12 năm 2025.
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2025.
Mã ISBN: 978-604-45-2256-2

Printed 304 copies, size 20,5x 29,5 cm, at Nguyen Lam Printing Trading and Service Co., Ltd
Address: No. 352 Giai Phong Road, Phuong Liet ward, Ha Noi city.
Publishing Plan: 4877-2025/CXBIPH/5-202/KHCNTT
Publishing Decision: 799/QĐ-NXBTTTT, date 13/12/2025.
Completed and Registered in Q4, 2025
ISBN: 978-604-45-2256-2

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
THE STATE BANK OF VIET NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2024

ISBN: 978-604-45-2256-2
9 786044 522562 8 935217 122011
SÁCH KHÔNG BÁN